



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 66

Số: **52**

(2811)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY, 28 - 12 - 2013

THÁNG HAI HOA NHÃN

Truyện ngắn của HỮU PHƯƠNG

(Xem trang 6)



Minh họa của PHẠM MINH HẢI

TIẾNG NÓI NHÀ VĂN

HỘI CHỨNG “KHÔNG BIẾT ĐAU”

VÕ KHẮC NGHIỆM

CÁC nhà khoa học Hoa Kỳ đang rất đau đầu về một trường hợp gen biến dị lạ thường, khiến cho em Isaac Brown 5 tuổi miễn nhiễm với mọi sự đau đớn. Bé thường đặt tay lên bếp lò, lấy mảnh kính tự rạch vào tay mình rất sâu mà vẫn cười vui... Dù đã rất kỹ công tập trung nghiên cứu khả tồn kém để cố tìm ra hội chứng mất khả năng cảm nhận nỗi đau (CIP) nhưng các nhà khoa học Mỹ vẫn nói rằng phải 8 năm nữa mới xác định chính xác nguồn gốc của CIP. Nghĩa là bé Isaac còn phải chờ đợi lâu mới biết đau là thế nào.

Thực ra thì “Hội chứng không biết đau” theo nghĩa rộng đang tràn lan khắp nơi. Tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa 13, khi bàn về thâm hụt ngân sách do chỉ tiêu bừa bãi, đầu tư dàn trải, tham nhũng “mênh mông”, một đại biểu đã phải kêu lên: - Chúng ta đang ăn vào thịt mình rồi đấy!

Thời bao cấp nước ta sống nhờ vào viện trợ, tham ô ít, nhưng lãng phí thì quá nhiều và hiện tượng “cha chung không ai khóc” gặm nhấm xã hội khá nhanh, cấy vào nhiều người thói dừng dung trước sự ruồng bỏ của những nhà máy, công trường, hợp tác xã. Thói quen ăn cắp giờ giấc, ăn cắp của công không bị coi là xấu vì đời sống quá khó khăn nên bỏ qua cho nhau. Thói cơ chế thị trường dù đời sống được cải thiện nhiều, nhưng những thói quen ấy không dễ mất đi, thậm chí càng phát triển khi nhiều vụ tham nhũng lớn ngang nhiên diễn ra trước mắt mọi người mà chẳng ai dám động đến.

Khi đạo đức suy đồi, trộm cướp càng có điều kiện tung hoành. Thêm chỉ những “đại gia” câu kết với kẻ có chức có quyền, tạo nên những nhóm lợi ích cực mạnh - tất nhiên sẽ hình thành những băng nhóm tội phạm bảo kê thao túng được những người thực thi luật pháp thì ai dám đấu tranh sẽ bị trả thù ngay lập tức. Bệnh vô cảm bắt nguồn từ hội chứng không biết đau và thói dừng dung được nhân lên nhiều lần vì nỗi sợ bị liên lụy, bị trả thù, bị tẩy chay, bị đào thải. Tổng biên tập một tờ báo lớn vừa kể trên truyền hình, chuyện một nhân viên ngân hàng thành thật góp ý kiến cho lãnh đạo, vài ngày sau bị mất việc cho dù cô này được mọi người thừa nhận nghiệp vụ giỏi, rất thông minh, nhưng rồi mọi ngân hàng khác cũng không dám nhận vì sợ “cô nàng bới móc”. Cuộc vận động Phê bình và tự phê bình diễn ra thật rầm rộ, cũng có ý nghĩa răn đe, nhưng lại phát triển kiểu phê bình rất nịnh bợ: “Thủ trưởng thức khuya quá, đi lại nhiều quá, ăn uống kham khổ quá hại sức khỏe, ảnh hưởng đến sự phát triển của đất nước...”.

Những kẻ nịnh bợ luôn luôn vô cảm, không biết đau, không hề biết xấu hổ, nhưng rất dễ nhận diện, dễ bị lên án. Đáng sợ nhất là bọn vô cảm có trí thức, có chức quyền, giới mị dân, giới nguy hiểm... đến mức xả lù ngập cả huyện, gây chết người, cuốn hết nhà cửa, mùa màng của hàng ngàn gia đình mà vẫn thản nhiên tuyên bố “xả đúng qui trình”. Nhiều vụ án oan lớn đang bị phanh phui mà những kẻ ép cung, ép tội cứ nhởn nhơ, phũ tay: “làm đúng luật”? thì có là lung không. Từ vô cảm đến tội ác chỉ là một cái gạt đầu hay lắc đầu mà thôi. Vô cảm đồng nghĩa với vô trách nhiệm và sợ trách nhiệm - một căn bệnh trầm kha không dễ chữa khi mà xã hội còn thiếu minh bạch, thiếu công khai, còn đặc quyền, đặc lợi với những định kiến cố chấp, bảo thủ, che đậy cho ngu dốt, để cho tốt xấu, thiện ác lẫn lộn. Gần đây rõ lên nhiều chuyện quá đau lòng khiến dư luận đặc biệt quan tâm. Việc thẩm mỹ viện Cát Tường hành nghề trái phép, làm chết người rồi vứt xác phi tang là thêm tội cố tình giết người lần thứ hai, sau gần hai tháng vẫn chưa tìm được xác... Dân chúng băn khoăn: Có tử hình được không? Chưa hết bàng hoàng về cô “ác” mẫu đẹp chết cháu bé Đỗ Nhất Long mới hơn một tuổi vì khóc khi ăn, lại phải khiếp đảm trước cảnh hành hạ trẻ thơ ở “lã man của những “ác” mẫu khác ở trường mầm non Phương Anh (Thủ Đức - TP Hồ Chí Minh)... Lại mấy vụ quan to tham nhũng lớn vừa bị tuyên án tử hình vẫn thản nhiên, nguy hiểm lạnh lùng... Những kẻ máu lạnh này thì chắc chắn không biết đau rồi...

Nhân chuyện đứa bé ở Mỹ mắc “hội chứng không biết đau”, nghĩ đến bọn tham nhũng bự, bọn vô trách nhiệm, sợ trách nhiệm gây ra những thất thoát, lãng phí khổng lồ, làm nghèo đất nước - lẽ nào cũng chẳng biết đau? Xin hãy bắt đầu chữa ngay căn bệnh “không biết đau” đang gặm nhấm toàn xã hội...■

NGHĨ VỀ “PHÍ TÀI NGUYÊN”

Nhà thơ LỆ THU

ĐỌC báo Tài nguyên và môi trường số 882 (12.12.2013), thấy mẫu tin “Bộ Công thương đề xuất điều chỉnh phí môi trường với quặng bauxite”, tôi cứ ngỡ Bộ Công thương thấy khai thác bauxite bán thô, “lỗ” mà vẫn cứ làm là quá vô lý, nên đề xuất “tăng” phí Tài nguyên môi trường để bảo vệ tài nguyên và bảo đảm môi trường sống cho dân. Nhưng, hóa ra tôi đã nhầm. Sự thể là “Bộ Công thương vừa đề nghị Bộ Tài chính xem xét, đề xuất chính phủ điều chỉnh mức phí môi trường với quặng bauxite tối đa 4.000đ/tấn”, thay cho 30.000đ đến 50.000đ/m³ như nghị định 74/2011/NĐ-CP hiện hành. Đồng thời “thống nhất phương án được Bộ Tài chính đề xuất, đó là cho miễn thuế nhập khẩu trong vòng 5 năm kể từ khi đi vào sản xuất với mặt hàng chất trợ lắng và xút NaOH còn thiếu để phục vụ hoạt động của hai dự án Alumin Lâm Đồng và Nhân Cơ, trên cơ sở đăng ký nhu cầu nhập khẩu hàng năm của Vinacomin”.

Lý do mà ông Thứ trưởng Bộ Công

thương Lê Quang Dương nêu ra để hạ phí, miễn thuế... là “khai thác bô xít có đặc thù so với các khoáng sản khác, bởi không phải là khoáng sản độc hại, sau 3-4 năm khai thác, đất đai được hoàn thổ, đất trồng được cải thiện tốt hơn để giao lại cho người dân”; và rằng “...được đầu tư trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn...”

Trong thực tế, “đất trồng được cải thiện tốt hơn” đâu không thấy, chỉ thấy rừng bị mất, hệ thống giao thông bị tàn phá, dân mất đất sản xuất, chất thải “bùn đỏ” rập rình tàn phá nhà cửa làng mạc... làm cho dân “vùng sâu vùng xa” đã khổ càng khổ thêm, và chắc chắn nhà nước phải chi ngân sách để khắc phục hậu quả. Chẳng biết các thứ thuế và phí thu được của các dự án khai thác bô xít liệu có đủ bù đắp những thiệt hại đó không? Chưa kể, bô xít là loại tài nguyên quý hiếm và không thể tái tạo, cần được bảo vệ giữ gìn, tiết kiệm cho đời sau, đâu thể đem so sánh với “khai thác đất để san lấp, xây dựng công trình làm gạch,

ngói” như lý lẽ của Bộ Công thương đưa ra, rằng: “quá trình khai thác quặng bô xít tương tự khai thác đất để san lấp, xây dựng công trình làm gạch ngói. Vì vậy quy định mức phí bảo vệ môi trường tại nghị định 74/2011/NĐ – CP từ 30.000đ đến 50.000đ/m³ là không hợp lý, bởi gấp 25- 30 lần khai thác đất và gần bằng giá thành khai thác 1 tấn bauxite nguyên khai”. Cũng lạ, ai bắt mang “bauxit nguyên khai” đi bán thô mà so bì kêu ca “phí khai thác” cao thấp. Hơn nữa, khai thác đất đâu có chở đi bán cho nước ngoài, làm hỏng đường sá và làm mất tài nguyên quý hiếm của quốc gia?

Thiết nghĩ, “thuế” và “phí” không chỉ để tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước mà còn là “công cụ” điều chỉnh hoạt động của xã hội. Cái gì cần khuyến khích thì giảm thuế tối đa, thậm chí có thể “miễn” thuế. Cái gì cần hạn chế thì phải “điều tiết” bằng các sắc thuế để ngăn chặn bớt.

Vậy mà giờ đây người ta đang vội vàng đưa ra những yêu sách dành “đặc

quyền” cho ngành khai thác bô xít Tây Nguyên một cách hết sức vô lý như vậy ngay trong khi việc khai thác bô xít chưa được sự đồng thuận của đa số cán bộ, nhân dân. Nhất là trong lúc cả nước đang tích cực triển khai nghị quyết của Đảng “chống tham nhũng, lãng phí - chậm lo đời sống nhân dân”. Phải chăng “đề xuất” trên đây của Bộ Công thương chỉ là do “chiều theo” những đòi hỏi, yêu sách lâu nay của tập đoàn khoáng sản mà thôi?...

Nhưng giờ đây, với những chủ trương đúng đắn cởi mở của Đảng và nhà nước, với tinh thần dân chủ, minh bạch..., nhân dân sẽ nhìn vào các “văn bản qui phạm pháp luật” của chính phủ, của các bộ ngành và các địa phương để đánh giá hành vi, động cơ của từng vị lãnh đạo. Họ vì ai và vì cái gì khi đưa ra những “yêu cầu” và “quyết sách”.

Hy vọng Thủ tướng sẽ không bao giờ chấp thuận những yêu sách không thuận lòng dân kiểu như “đề xuất” trên đây của Bộ Công thương.■

NHÂN ĐÀM

VÌ SAO LẠI THẾ?...

CAO NĂM

TRÊN phương tiện thông tin đại chúng mới đây đưa trường hợp chị Nguyễn Thị Liễu, quê Diễn Châu, Nghệ An trên đường đi làm về nhặt được chiếc ví, trong có 46 triệu đồng tiền mặt cùng một số giấy tờ. Thấy ví có số tiền lớn, chị không về mà đứng lại bên đường hàng tiếng đồng hồ chờ người mất ví có quay lại tìm thì trả. Nhưng vẫn không thấy, xem lại giấy tờ trong ví thấy ghi họ tên và số điện thoại, chị liền gọi điện cho chủ nhân đến và giao tận tay chiếc ví với nguyên vẹn số tiền 46 triệu đồng và giấy tờ. Mừng vui khôn xiết, chủ nhân chiếc ví biếu 3 triệu đồng, nhưng chị Liễu không nhận, mặc dù gia đình chị cũng chỉ là nông dân chân lấm tay bùn.

Khác chị Liễu là người lớn, Bùi Duy Nhất ở Đoàn Lập, Tiên Lãng, Hải Phòng là đứa trẻ đang học lớp 6. Trên đường đi chơi, Nhất nhìn thấy chiếc ví màu đen nằm vế đường, em nhặt lên và mở ra thấy trong ví có 1.500 đôla Mỹ (bằng hơn 30 triệu tiền Việt) và 1 triệu 300 nghìn đồng tiền Việt cùng một số giấy tờ tùy thân. Em đứng bên đường chờ gần hai tiếng đồng hồ xem người mất ví có quay lại tìm thì trả, nhưng không có ai qua lại trên đường. Em đem ví về nhà đưa cho bố mẹ và bảo bố mẹ tìm người đánh rơi trả cho người ta. Bố mẹ em xem kỹ giấy tờ, xác định được chủ nhân chiếc ví là người ở thôn bên, cùng xã. Nhất mang ví sang tìm người mất trao trả tận tay. Cảm kích trước tấm lòng của em, người mất ví đưa tặng 1 triệu đồng, nhưng em nhất định không lấy, mặc dù nhà em còn nghèo, lại có tới bốn anh chị em, bố mẹ cần cù nhưng chỉ làm nông nghiệp nên cũng khó khăn, nhưng không vì thế em tham của người khác đánh rơi.

Tôi muốn dẫn lại hai mẫu chuyện cảm động mà thông tin đại chúng đã đưa, để muốn người đọc cùng tôi nghĩ tới vụ đại án tham nhũng đứng đầu là Dương

Chí Dũng, nguyên chủ tịch HĐQT Vinalines mà tòa án Hà Nội vừa xử, cùng những vụ án tham nhũng khác đã xử hoặc sắp được đưa ra xét xử.

Có thể nói, hầu hết những vụ án tham nhũng đều là những kẻ có quyền cao chức trọng, và dường như chức tước càng cao quyền hành càng lớn mà đã “dính vào” thì đều là những vụ án lớn.

Vậy thì vì sao lại thế?

Nhiều người đã nói tới luật pháp, cơ chế quản lý, phương thức điều hành của ta còn lỏng lẻo và nhiều kẽ hở. Đúng cả. Nhưng “cái gốc” của vấn nạn tham nhũng thì lại ít được nói tới, đấy là cái TÂM của con người, hay như nhiều người thường nói là phẩm chất, đạo đức thì cũng thế. Mà cái Tâm của con người thì lại không tùy thuộc vào tuổi tác lớn bé, người có chức quyền hay không, mà lại tùy thuộc vào tính bản thiện của mỗi người. Nếu ngẫm kỹ một chút, hẳn mọi người đều biết, Đảng ta và người sáng lập và lãnh đạo là Chủ tịch Hồ Chí Minh, cả đời gần như đặt công việc chăm lo rèn luyện đạo đức, mà thực chất là cái TÂM, lên hàng đầu. Chẳng thế, trước khi cầm thấy mình không thể cống hiến cho Tổ quốc, cho nhân dân lâu hơn nữa, Bác Hồ đã viết bài báo cuối cùng về Đảng đăng báo “Nhân dân” số ra đúng ngày kỷ niệm 39 năm thành lập Đảng 3/2/1969: “*Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*”, thể hiện rõ sự quan tâm sâu sắc của Bác trong việc rèn luyện đạo đức người cán bộ, đảng viên với những lời thống thiết: “Mỗi cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích của cách mạng, của Đảng, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Phải kiên quyết *quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng*” (Bác nhấn mạnh). Bởi theo Bác, người mang nặng chủ nghĩa cá nhân thì “*Việc gì cũng nghĩ đến lợi ích cá nhân của riêng mình*”.

trước hết”. Ngày ấy, tham nhũng chưa trở thành “vấn nạn” như bây giờ, nhưng đúng như tiên đoán của Bác, qua vụ án Dương Chí Dũng, cũng như một số vụ án tham nhũng khác, phần nhiều đều có xuất phát điểm là “*lợi ích cá nhân của riêng mình trước hết*”, họ chỉ nghĩ đến “vinh thân phi gia” cho mình, chứ đâu có mấy may nghĩ đến lợi ích của nhân dân, đất nước và danh dự của Đảng.

Trở lại trường hợp hai người nhặt được của rơi tìm cách trả lại người mất, một là người lớn, còn một là cháu nhỏ mới hơn chục tuổi, nhưng đã biết xa lánh chữ “tham” bằng việc tìm cách thông tin cho người mất để trao lại tận tay; không những thế, khi người nhận lại của rơi cảm kích biếu tặng một số tiền thì nhất mực từ chối, mặc dù cả hai đều là con nhà nông còn khó khăn nghèo túng. Họ có nghĩa cử như thế vì có cái TÂM trong sáng, thẳng thắn và trung thực, không mấy may tham lam của người. Còn cái TÂM thì như đại thi hào Nguyễn Du dạy “*Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài*”. Mong sao Đảng và Nhà nước ta mỗi khi nhìn nhận, đánh giá, cất nhắc cán bộ trước tiên hãy nhìn vào cái Tâm, hay nói như Bác Hồ trong bài báo cuối cùng Người viết về Đảng cách đây đúng 45 năm là “*đạo đức cách mạng*” có trong sáng và thẳng thắn, trung thực hay không, chứ không nên chỉ nhìn cái màu “vàng cua” nổi trên mặt. Bởi đạo đức chính là “cái gốc” của con người, mà như cha ông ta nói, “gốc có vững cây mới bền”, nên đã đến lúc xem xét cán bộ, đảng viên dù làm đến chức tước gì chăng nữa trước hết cũng phải nhìn vào cái Tâm, cái Đức, chứ không thể để nắm quyền cao chức trọng như Dương Chí Dũng, và bao kẻ tham nhũng khác, mà cái Tâm, cái Đức không bằng một đứa trẻ con, thì chỉ làm hại nhân dân mà thôi.■

VẤN ĐỀ HÔM NAY

Vẫn còn những tấm lòng thơm thảo

HỒNG BÌNH HIẾU

LTS: Trong thời gian vừa qua, dư luận xã hội đã xôn xao, bức xúc vì liên tục xuất hiện những vụ bạo hành trẻ em, ngược đãi người già, người tàn tật mà gần đây nhất là vụ bạo hành trẻ em ở cơ sở mẫu giáo tư thục Phương Anh (Tp. Hồ Chí Minh). Tuy vậy, thật may mắn là ở đây đó, vẫn còn rất nhiều những tấm lòng thơm thảo. Đó chính là nền tảng đạo đức xã hội được nuôi dưỡng trong cộng đồng, là những điều để ta hy vọng.

Suốt gần 35 năm qua, bằng tất cả tấm lòng của người mẹ, chị Trần Thị Ngọc Xinh luôn tận tụy nâng niu, chăm sóc những đứa trẻ mắc chứng bại não do hậu quả của tác nhân chất độc da cam/dioxin. Ở phòng nuôi dưỡng nạn nhân bại não của Trung tâm Nuôi trẻ mồ côi và Nhiễm chất độc Dioxin Cần Thơ (Trung tâm NTMC&NCD), chị là người duy nhất trụ được với nghề lâu đến vậy...

TRUNG tâm NTMC&NCD trước năm 1975 vốn là một "cô nhi viện", sau đó được Sở Y tế, rồi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội TP Cần Thơ tiếp quản, chức năng cơ bản vẫn được giữ nhưng đến năm 2010 mới chính thức thay đổi tên gọi như bây giờ. Trung tâm đang quản lý, nuôi dưỡng 80 đối tượng thuộc diện trẻ mồ côi, bị bỏ rơi, khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS, nhiễm chất độc dioxin trên địa bàn Cần Thơ và các địa phương khác. Để tiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng, Trung tâm tạm thời phân nhóm đối tượng (theo độ tuổi, giới tính, tình trạng bệnh tật) gồm: Nhóm sơ sinh, nhóm tâm thần, nhóm bại não, nhóm mẫu giáo và nhóm tự phục vụ. Riêng nhóm bại não hiện có 13 đối tượng, độ tuổi từ 3 đến 33, Chị Xinh là một trong 3 người được giao chăm sóc, nuôi dưỡng nhóm này.

CÁI "NGHỀ" NÓ LỰA CHỌN MÌNH...

Đầu năm 1978, lãnh đạo Trung tâm NTMC&NCD đưa chị Xinh đến phòng nuôi dưỡng nạn nhân bại não. Giới thiệu xong, vị lãnh đạo chỉ nói ngắn gọn: "Em cứ về suy nghĩ kỹ, được thì tuần sau vào làm!". "Con gái tuổi mười tám đôi mươi, lần đầu tiếp xúc với trẻ em bị nhiễm chất độc da cam ai mà không cảm thấy... rờn rợn, nhất là các em bị dị dạng. Nhưng quan sát các em một lúc, người tôi run lên, tôi đã khóc thật nhiều vì thương các em, những sinh linh bé bỏng, vô tội...", chị kể.

Sau rất nhiều lần đắn đo, cân nhắc, bỏ qua mọi lời can gián của người thân, chị Xinh quyết định đến với phòng nuôi dưỡng nạn nhân bại não. "Lúc ấy trong đầu tôi chưa hề có ý niệm về nạn nhân của chất độc da cam, của cuộc chiến vừa qua. Tôi chỉ nghĩ các cháu đáng thương kia đang cần có thêm bàn tay chăm sóc.



Các chị em phụ nữ Trung tâm nuôi trẻ mồ côi và nhiễm dioxin Cần Thơ đang chăm sóc các cháu

Lòng tôi cứ thôi thúc, mình phải cố làm điều gì đó để góp phần xoa dịu nỗi đau cho các cháu", chị nói.

Suốt gần 35 năm qua, chưa bao giờ chị Xinh xa các cháu bại não quá một tuần lễ, trừ những lúc chị đi tập huấn chuyên môn ngắn hạn hoặc vào bệnh viện chăm sóc người mẹ bị đột quỵ. Chị Xinh có đến 8 anh chị em, chị là người duy nhất đến nay chưa lập gia đình. Nhà chị cách Trung tâm khoảng 3 cây số, hàng ngày đi làm từ 6 giờ 30 sáng, đến hơn 6 giờ chiều mới có mặt ở nhà. Buổi tối chị được "ưu tiên" không phải ở lại trực vì còn phụ giúp gia đình chăm sóc mẹ già bị liệt nửa người hơn 21 năm nay.

Chị Xinh thật thà tới mức, ngay cả lương chính của mình được hưởng bao nhiêu chị cũng không nắm rõ, chỉ biết tổng thu nhập mỗi tháng được hơn 3 triệu đồng. Ông Bùi Tiến Trung, Giám đốc Trung tâm NTMC&NCD nói: "Tuy hoàn cảnh gia đình còn nhiều khó khăn nhưng chị Xinh rất có tinh thần trách nhiệm, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công. Về phía Trung tâm, do biên chế còn thiếu so với nhu cầu thực tế, nhất là ở bộ phận chăm sóc trực tiếp nên việc sắp xếp ca trực, nuôi bệnh gặp một số trở ngại. Hầu hết các cô phải trực tăng ca, số giờ dư trong tháng, trong năm vượt cao hơn mức quy định rất nhiều".

Tiếp xúc với chị, có vài lần chúng tôi tò mò, hỏi ngày xưa chị có hẹn hò với ai không, có người yêu không, sao đến bây giờ chị vẫn độc thân? Nét mặt chị thoáng buồn, ngay sau đó lại bật cười, nói mà như đang nói với chính mình: "Tôi bận rộn vậy thì còn thời gian đâu mà hò hẹn, để ý tới ai. Với lại tuổi trẻ nó trôi qua nhanh quá, mình không kịp nhận ra thì vượt mất rồi". Lại hỏi, chứ không phải những người con trai cùng trang lứa, họ biết chị gần bó với đám trẻ tật nguyền nên lẩn tránh? Chị cười, lườm mắt, nửa đùa nửa thật: "Có khi thiệt vậy à ghen.

Nhà báo vô đây chụp hình, quay phim hoài, họ đưa tôi lên báo, lên truyền hình. Ngay cả người thân xem cảnh tôi chăm sóc các cháu mà còn e ngại nữa là. Nhưng cái nghề nó lựa chọn mình rồi, biết làm sao được...". Bỗng có tiếng thét thất thanh của đứa bé vang lên phía cuối phòng. "Lại lên cơn động kinh nữa rồi", chị Xinh nói thảm, quay ra bỏ dở câu chuyện. Tôi thấy chị đến bên đứa bé, ôm nó vỗ về, miệng nói liên hồi: Mẹ đây, mẹ đây con...

TẤM LÒNG NGƯỜI MẸ

"Tại Trung tâm NTMC&NCD, công việc cực nhọc, vất vả nhất đều tập trung ở phòng nuôi dưỡng nạn nhân bại não. Do di chứng của dioxin, ngoài bại não, các cháu còn mang thêm nhiều căn bệnh quái ác trong người", ông Bùi Tiến Trung chia sẻ.

Ban ngày, tới đây mới thấy các chị chăm sóc nạn nhân bại não gần như không có được bao nhiêu thời gian để thư giãn, nghỉ ngơi, suốt từ sáng đến chiều.

Bước chân vào phòng, tiếng rên la, tiếng khóc thét vô thức và vẻ ngoài biến dạng của các nạn nhân bại não khiến ai cũng chùng lòng. Trên chiếc giường nhỏ nơi góc phòng, một "đứa bé" đầu dài như hạt mít, cho cả bàn tay xương xẩu vào miệng, cặp mắt trắng dã, lơ lơ chẳng biết nhìn về đâu. Chị Phan Thị Kim Thoa bế cháu dậy, tới giờ ăn rồi. Chị Thoa nói: "Cháu tên Liên, đã 33 tuổi nhưng hình hài vẫn là đứa bé mới lên 5 thế này". Chị Thoa trước cũng công tác ở phòng nuôi dưỡng nạn nhân bại não, vừa nghỉ hưu năm 2012, giờ chị là "tình nguyện viên" vào giúp chị Xinh chăm sóc các cháu.

Ngay giữa phòng, chị Xinh đặt 2 đứa bé nằm lên đùi mình, xúc từng thìa cháo cho vào 2 cái miệng cứng đờ vì quai hàm không thể mở ra hơn được nữa. Đứa bé bên trái mỗi lần nuốt cháo lại khóc thét

lên đau đớn, chiếc lưỡi to đẩy vòm họng như cuộn sóng. Những hạt cháo li ti bắn ra, đậu đầy trên tóc, trên mặt chị Xinh. "Mất thời gian nhiều nhất là khi bón cho trẻ ăn, có đứa phải bón gần 4 giờ đồng hồ mới hết bát cháo. Nếu không kiên nhẫn, không hiểu ý sẽ không giúp các cháu bảo đảm được chế độ dinh dưỡng", chị Xinh cho biết.

"Hiếu ỹ", theo chị Xinh là biết được tập tính, thói quen của từng đứa. Rồi chị nói vanh vách: Bé Hân cuống họng nhỏ lại không được thẳng, bé Trúc thường lên cơn động kinh trong khi ăn, bé Như lưỡi to khó cho cháo vào miệng...

Cho các cháu ăn, uống thuốc xong lại quay ra thay tã lót, lau mình, làm vệ sinh cho trẻ, mỗi cháu một ngày thay 3 đến 5 lần tã lót. Chị Xinh nói: "Ngay cả buổi trưa chúng cũng không ngủ, cứ nằm động đậy, lăn lộn. Tôi liên tục đi kiểm tra, xem đứa nào bài tiết thì thay tã ngay, để lâu mất vệ sinh và ảnh hưởng đến sức khỏe của cháu".

Nhìn chị Xinh nhỏ nhẹ bón từng thìa cho các cháu, bạn Nguyễn Thị Hạnh, sinh viên Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ sục sít: "Em và nhóm bạn thường vào đây vào dịp cuối tuần, các cháu ở các nhóm khác trong Trung tâm rất hồn nhiên, tội nghiệp, được đi lại, chơi đùa. Nhưng các cháu ở nhóm bại não càng tội nghiệp hơn vì chúng chỉ biết nằm một chỗ, đến cả khi ăn mà cơ thể còn chịu thêm đau đớn. Em rất cảm phục những người như chị Xinh, chị thật sự là người mẹ hiền chăm lo sự sống cho các cháu".

"Tôi đã từng nhiều lần được Trung tâm phân công theo chăm sóc các cháu mỗi khi phát bệnh hoặc chuyển viện điều trị, tôi biết sự sống của các cháu rất có giới hạn. Riêng trong tháng 7 và tháng 8 vừa qua, hai cháu Phước, Sơn đã vĩnh viễn ra đi. Vậy nên chăm lo, yêu thương, vỗ về các cháu được lúc nào tốt lúc đó, bao nhiêu cũng là chưa đủ...", chị Xinh tâm sự.

Có lần trò chuyện với chúng tôi, ông Bùi Tiến Trung tiết lộ: Vì công việc vất vả, đặc thù ở phòng nuôi dưỡng nạn nhân bại não nên Trung tâm đang gặp khó khăn trong tuyển dụng lao động. Trong năm 2012, có 2 trường hợp sinh viên mới ra trường nộp hồ sơ xin việc, đúng một ngày trước khi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội TP Cần Thơ ra quyết định tuyển dụng, chúng tôi bố trí để các em đến làm quen công việc. Không ngờ hôm sau, các em... lẳng lặng đi luôn, không một lời giải thích.

Tôi chắc chị Xinh không bao giờ nghe được câu chuyện này, khi thấy tôi đưa máy ảnh lên chụp hình chân dung, chị nói: Năm tới vào đây em không gặp được chị đâu, vì chị sắp nghỉ hưu rồi. Nhưng ngày cuối tuần, chị sẽ tự nguyện có mặt để tiếp tục chăm sóc những đứa trẻ tội nghiệp...■

BÚT KÝ - PHÓNG SỰ

BẮC HÀ NGÀY CHỢ PHIÊN

Bút ký của KHIẾU QUANG BẢO

BẮC Hà được mệnh danh là cao nguyên trắng mỗi độ xuân về. Những ai không ngại mưa phùn gió rét xin hãy đến với chợ phiên Bắc Hà vào mùa xuân. Có thể lưu lại đôi ngày thuê nghỉ ở khách sạn với giá rẻ từ 150 đến 180 ngàn đồng một phòng hai giường. Để thêm cơ hội ngắm nhìn phong cảnh bạt ngàn hoa mận trắng, thưởng thức rượu ngô, thịt trâu khô, thịt hun khói mà ngày chính chợ vì mãi xem chợ chưa được nếm trải.

Đến chợ Bắc Hà vào mùa này du khách sẽ lạc vào những vạt rừng, những miệt vườn hoa mận nở. Mận nơi đây là thứ mận tam hoa nổi tiếng gần xa. Mận được trồng trên sườn đồi, mọc kín những đồng bằng nhỏ hẹp giữa những ngọn núi và trong vườn nhà. Vào mùa mận chợ Bắc Hà thơm ngát hương mận chín.

Đến Bắc Hà vào mùa xuân rồi nhưng phải là *Chủ nhật* mới đúng ngày có chợ phiên, mà ở Lào Cai nổi bật nhất là chợ phiên Bắc Hà, được bình chọn là một trong mười chợ phiên độc đáo nhất Đông Nam Á, còn giữ được vẻ nguyên sơ và mang đậm nét đặc trưng của các dân tộc vùng cao Việt Nam.

Sớm ban mai khi sương còn giăng mắc trên những dãy núi bao quanh khắp thung, thì trong chần ăm một ngôi nhà nghỉ nào đó gần chợ người ta có thể nghe đâu đó tiếng chuông lục lạc leng keng và vó ngựa gõ mặt đường lóc cóc về với chợ. Cũng đặng ấy chưa tỏ mặt nhau thì người người đã nào nức áo xanh áo hồng gọi nhau í ới. Xa xa nơi chợ vắng vắng tiếng xạc xào bày sạp hàng và tiếng lục bục nổi thảng cổ sôi trên bếp lửa, để khi trời sáng rõ cũng là lúc cả cái chợ như một vườn hoa đi động bùng nổ trăm sắc ngàn màu.

Chợ Bắc Hà nằm ngay trung tâm thị trấn. Mỗi tuần chỉ họp một ngày duy nhất vào Chủ nhật. Đây vốn là nơi mua bán trao đổi của bà con các dân tộc thiểu số chủ yếu là người H'Mông các bản làng xung quanh kéo về. Những gian hàng đầy đủ vật dụng thiết yếu như quần áo, cuộc xeng hay đồ dùng trong nhà. Khách tới chợ có những lý do khác nhau. Đàn bà xuống chợ mua hàng hóa về cho gia đình. Đàn ông quây quần bên nổi thảng cổ cùng bát rượu ngô thơm nức cháy khé cổ. Những du khách khắp nơi thì tới đây để hòa trong không khí nào nức của phiên chợ vùng cao quanh năm bất kể mưa nắng bất kể bão giông hay giá lạnh, sáng chủ nhật nào chợ phiên cũng họp từ tờ mờ sáng đến đầu giờ chiều mới vãn.

Chợ Bắc Hà từ lâu đã trở thành điểm đến thu hút khách thập phương đến mua ít mà chơi chợ là chính. Chợ được xây trên nền bê tông, những quầy hàng được chia cho từng họ. Hàng lưu niệm và hàng thổ cẩm bày bán khắp nơi. Trên sạp hàng là những chiếc áo được dệt thủ công tinh xảo. Xa xa góc chợ là tiếng khèn tim bạn da diết. Chợ phiên Bắc Hà là nơi duy nhất có khu dành riêng cho mua bán ngựa với hàng trăm con được mua bán mỗi phiên. Để rồi mỗi cuối chiều mỗi cặp bạn tình lại dắt nhau ra về sau lưng chất đầy gửi những thứ cần dùng trong một tuần, và hẹn gặp tuần sau lại thông dong theo ngựa về chợ. Còn người phương xa thì ghi lại trong tâm tưởng và thẻ nhớ máy ảnh những con người chân chất khà ái nơi chợ phiên Bắc Hà. Và nếu có hẹn gặp lại thì cũng phải nửa năm sau.

Đến cao nguyên Bắc Hà đi chợ là "mua niềm vui" và "bán nụ cười"- Chị Hà Thị Phở bán thổ cẩm nói thế. Người ta mang đến chợ đủ thứ, từ con chim nhỏ xinh bắt được chiều hôm trước khi đi rừng, đến con gà mái lông trắng thả rông trên quả đồi trước nhà, những con trâu con lợn con bò con chó con mèo hay ti tỉ thứ vật dụng mây tre kim khí rèn dùng trong nhà hàng ngày. Nhưng hơn hết họ mang đến chợ nụ cười và mong mua được niềm vui khi đi chợ về.

Có lang thang nơi chợ phiên mới hiểu tại sao chợ phiên lại quan trọng với người dân vùng cao đến thế. Người đi chợ vùng cao đa phần đi bộ. Sênh sang hơn thì đi ngựa. Những người phương xa đến thì đi ô-tô. Hòa vào niềm vui – nụ cười người bản xứ, bắt trúng mạch là họ bị mê hoặc bởi chiếc váy xòe của phụ nữ Mông, hay cái ý nhị nhẹ nhàng qua trang phục bố sắt của người Mán mà mận mà với chợ, và có người đã đến chợ phiên Bắc Hà đến cả chục lần, lần nào cũng thấy lòng rộn vui như mới. Sự hoang sơ vô tư của vùng cao khỏa với cái bức bối những chuỗi ngày dài nơi thị thành.

Không khí sầm uất của chợ phiên nơi nào cũng thế, bởi phải đợi chờ suốt tuần mới tới phiên. Họ nao nức đến chợ phiên đến mức chỉ vì một cây măng đắng bằng

nắm tay, những quả dưa chuột to như cánh tay trẻ bụ bẫm, hay những quả cà dái dê tím ngắt, củ gừng củ tỏi...cũng lặn lội cuốc bộ mấy chục cây số đường rừng mang đến chợ phiên góp mặt. Hay người ta có một con chó con, con gà mái trắng cũng cả đêm đi tới chợ với tâm lý chẳng phải để bán cho ai mua, nên cứ dùng dằng mặc cả lên xuống cho tới cuối buổi chợ lại mang về làm cái cớ cho phiên chợ sau lại đến.

Một trong những khu vực sầm uất nhất của chợ phiên Bắc Hà là chợ trâu, chợ ngựa. Người mang ngựa đến chợ đa số là đàn ông lớn tuổi hoặc trẻ trai. Họ buộc ngựa buộc trâu ở đó làm hàng, rồi lang thang chơi chợ cả ngày. Hỏi ra mới hay cái thú mang ngựa mang trâu đến chợ chỉ là để "ta đi so sánh xem nào" độ hàng xem trâu ai to hơn, khỏe hơn, ngựa ai vó sắc nước hơn được giá hơn, để người tinh mắt bình chọn, ấy là cái cách "thăm dò dư luận" cho mùa đua ngựa năm sau. Ai muốn mua con ngựa con trâu nào thì chính chủ của nó lại đang sa vào quán thảng cổ rượu ngô nào đó ba hoa chém gió. Tìm đến thì anh ta kiểu bắt cần chợ chệch tiếng Kinh quát giá cao tít mây xanh "50 triệu". Thách giá là để có cơ hội khoe con trâu khỏe này, lông mượt đẹp này, sừng cong đen bóng này, nghĩa là hoàn hảo luôn. Hết giá thật cao là để khách không mua được, giải quyết khâu oai, để chiều về lại ngất ngưỡng cười trâu hồi bản vừa đi vừa ngheu ngao hát bài Sán Cốc.

Cùng với phong cảnh thiên nhiên đẹp khí hậu mát lạnh, thì các lễ hội sinh hoạt văn hóa đậm bản sắc đã giúp Bắc Hà ngày càng trở thành điểm đến hấp dẫn của khách du lịch trong và ngoài nước. Huyện Bắc Hà có 14 dân tộc anh em cùng chung sống. Mỗi dân tộc có những lễ hội độc đáo riêng. Giải đua ngựa truyền thống, múa khèn, múa sinh tiền đây chính là những sinh hoạt văn hóa truyền thống đặc thù.

Trên con đường uốn lượn quanh co men theo các triền núi dẫn đến chợ Bắc Hà có nhiều cảnh sắc thiên nhiên mà chỉ nơi đây mới có. Đó là những dãy núi đá chập trùng, những đám mây lững lờ bò lác lác lưng chừng núi, xen lẫn bên sườn các thung sâu là những thửa ruộng bậc thang uốn lượn theo đường đồng mức, đã tạo nên cảnh đẹp kỳ vĩ thơ mộng. Ngóng chờ đến phiên chợ những chàng trai mang theo những cây sáo, cây khèn, chiếc đàn môi và vốn dân ca trữ tình cộng tài năng và tình yêu của mình quý hồ chinh phục cô gái nào đó mình ưng cái mắt. Họ đến chợ để chơi tìm bạn chứ không để tâm tính toán bán mua.

Sẽ thiếu nếu không nói sâu một chút về hai loại ẩm thực đặc trưng nơi chợ Bắc Hà. Đó là *thảng cổ* và *rượu ngô*. Thảng cổ không lúc nào vắng trong chảo cũng như rượu không lúc nào cạn trong bình ngày chợ phiên.

Món thảng cổ ngựa không phải ai cũng thường thức được, khảnh ăn là ngại, ăn quen thì nghiện. Nó được nấu từ nội tạng ngựa, nhiều nhất là ruột non, phải nhâm với đồ uống là rượu ngô mới thật trứ danh, như ta đánh tam cúc gọi đôi cây. Rượu ngô Bắc Hà nổi tiếng khắp

vùng. Rượu có nồng độ cao thơm mùi ngô. Các ông chống khẽ khà cho tới lúc chợ tan mới chịu về bản, say men rượu, hoặc ngất ngưỡng cười ngựa, bị xỉu không đủ tỉnh thì nằm vắt ngang trên lưng ngựa, để các bà vợ chăm chống đi sau dắt ngựa như chăm bẵm con trẻ, về nhà. Những hình ảnh hạnh phúc ấy chỉ có trong phiên chợ vùng rẻo cao của người bản xứ.

Cùng với rượu táo mèo và rượu San Lùng, rượu ngô Bản Phố là danh tửu của Lào Cai. Hai cái bếp lò cất rượu nhà ông Giàng Seo Mấy lúc nào cũng đỏ lửa cho ra rượu liên hồi cung ứng khắp vùng. Rượu Bản Phố có màu trong như nước suối, mới uống nghe hương vị thơm nồng, sau là cảm giác lâng lâng. Rượu ngô nơi đây say lâu nhưng không làm người ta ngu muội, vẫn sáng khoái. Rượu ngô Bản Phố nấu từ nước lấy từ suối hang Dế. Ngó dùng nấu rượu Bản Phố không trồng ở nương rẫy hoặc thung sâu, mà ở trên núi đá cao nơi người Mông cư trú. Đặc biệt là giống ngô vàng trồng ở xã Lùng Phình cho ra nhiều rượu ngon. Loại ngô này cho bắp chắc vàng năng suất không cao, nhưng bù lại hạt mềm giàu dinh dưỡng. Sau khi thu hoạch ngô được giữ nguyên bắp phơi khô và bảo quản để nấu rượu dần. Bí quyết tạo nên khác biệt rượu ngô Bản Phố với các loại rượu khác là rượu lên men bằng hạt cây *pa*, còn gọi là cây *hồng my*. Người Mông dùng hạt cây *hồng my* đem xay nhỏ như bột rồi trộn với nước rượu đầu cùng nước sôi, nhào thật nhuyễn nắm thành quả đặt trên rơm và phơi ở nơi nắng non thoáng gió. Đến khi những quả men khô chuyển thành màu trắng như những chiếc bánh bao thì bỏ vào thúng vào rổ để lên gác bếp bảo quản dùng dần. Người Mông nói rằng uống rượu Bản Phố vào buổi sáng sẽ có thêm sức mạnh tựa như có một vị thần dũng mãnh hỗ trợ làm việc đồng áng suốt ngày mà không thấy mệt. Nếu uống vào buổi tối cùng bằng hữu, rượu như có sợi dây vô hình ràng buộc tình yêu thương khăng khít trong lòng mỗi người, làm dang trào lời hay ý đẹp, nói lên được những điều mới mẻ ý nghĩa thâm sâu, mà vào những khi khác không có rượu không nói được. Cây *hồng my* là loại cây họ có có bông như cây bông lau, cho thu hoạch sau thời gian gieo hạt khoảng ba tháng.

Bánh cuốn và phở chợ Bắc Hà khá ngon. Hai loại bánh phở bánh cuốn làm bằng bột gạo Ma Chá dẻo thơm người Mông trồng tận trên núi cao. Lại thêm số gà bản ngọt lừ "giòn da chắc thịt" làm nhân nên hết ý cuộc đời. Dùng hai món lót dạ này vào buổi sáng, thêm hớp rượu ngô thơm nồng mức bằng thìa gỗ là lâng lâng suốt buổi dạo chợ.

Trong xu hướng bị thương mại hóa các chợ vùng cao hiện nay thì chợ Bắc Hà là một trong những nơi hiếm hoi còn giữ được bản sắc riêng độc đáo của các phiên chợ xưa. Họ đến chợ ngoài mục đích mua bán, còn là để vui với chợ, vui với khách đi chợ. Là nơi hẹn hò tốt nhất để những chàng trai cô gái các dân tộc gặp nhau sau mỗi tuần lao động vất vả và chuyên cần.■



Sự nghiệp văn học của nhà văn Xuân Thiều có thể nói là khá đồ sộ, phong phú, có cả thơ ca, truyện ngắn, truyện dài, lý luận phê bình... Nhưng tiểu thuyết thì chỉ có một là bộ tiểu thuyết *Huế mùa mai đỏ* (tên ban đầu là *Tứ Thiên*). Đây là một bộ sách chứa đựng nhiều tâm huyết, nhiều công phu, cũng là tác phẩm lao tâm khổ tứ, chịu nhiều thăng trầm nhất của nhà văn Xuân Thiều... Nhưng rồi kết cục của nó lại thật là rục rịch: được đông đảo bạn đọc yêu thích, đồng nghiệp trân trọng, được giải thưởng của Bộ Quốc phòng, giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam 1995 và là một trong những tác phẩm đưa nhà văn Xuân Thiều đến với giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật (2001). Đây cũng là tác phẩm văn học tâm đắc mới được Hãng phim Đài truyền hình TP. Hồ Chí Minh xây dựng thành bộ



chết của người lính tương xứng với tầm vóc lớn lao của cuộc chiến làm nên sức hút của tác phẩm. Vì thế, tập tiểu thuyết không chỉ là bài ca về sự hy sinh dũng cảm của người lính và khát vọng độc lập tự do của Tổ quốc, mà còn làm người đọc cảm nhận sâu sắc sự hy sinh của từng người dân, từng gia đình Huế nói riêng và người dân Việt nói chung trong cuộc chiến tranh chống Mỹ vừa qua.

Và đặc biệt bao trùm lên toàn bộ 25 tập phim là bài ca hùng tráng về mùa xuân Mậu thân trên mảnh đất Huế - Trị Thiên anh hùng, đặc biệt là "thế trận lòng dân" như ý kiến chỉ đạo của nguyên tổng bí thư Lê Khả Phiêu cho đoàn làm phim để cất nghĩa chiến thắng của mùa xuân Mậu Thân Huế và cho mọi chiến thắng vĩ đại của đất nước chúng ta...

Cũng xin được nói thêm rằng, đây là tập phim thứ 500 về đề tài chiến tranh

quân đội thì được tăng cường về đoàn nghệ thuật Quân khu này vào những ngày chiến tranh ác liệt nhất. Hai nửa tiểu thuyết lại viết về cuộc Tổng tiến công và nổi dậy tại thành phố Huế 1968, nơi năm ấy tôi cũng được trực tiếp tham gia và nhiều năm qua luôn ấp ủ trong lòng làm sao có thể tái hiện lại những ngày tháng ấy trong những tác phẩm điện ảnh thật hoành tráng... Ngay hôm sau, tôi gọi điện cho Triệu Phong và nhất trí sẽ thực hiện việc chuyển thể tác phẩm này thành phim truyền hình. Dự kiến ban đầu sẽ làm thành phim 10 tập, và nếu chưa tìm được nguồn kinh phí thì anh sẽ đầu tư cho tôi thực hiện với giá mỗi tập khoảng 180 triệu đồng. Là một đạo diễn đã làm gần 70 bộ phim, bao gồm gần 500 tập phim về đề tài chiến tranh, mà mỗi tập phim dù súng đạn ừng ực thế nào cũng chỉ được đầu tư quỹ 100

HUẾ MÙA MAI ĐỎ TỪ VĂN HỌC ĐẾN ĐIỆN ẢNH

TRIỆU PHONG - TIẾN CƯỜNG

phim truyền hình 25 tập với tên gọi *Huế mùa mai đỏ*, do Lê Phương - Trịnh Thanh Nhã chuyển thể kịch bản, Trần Vĩnh là đạo diễn, Lê Mạnh Thắng - Nghiêm Bá Hoài quay phim và nhạc sỹ Hoàng Lương sáng tác âm nhạc, cùng một dàn diễn viên tươi trẻ đảm nhận các vai chính của phim như Nguyễn Văn Báu, Nam Trung, Ngọc Thiện, Thiên Phúc, Ngọc Thảo, Văn Quý, Thanh Hải...

Phải ghi nhận là từ trước đến nay chưa từng có tác phẩm điện ảnh truyền hình nào được chuẩn bị công phu, khoa học, kỹ lưỡng như bộ phim này. Ngay khi HTV có ý định chuyển thể tác phẩm văn học này thành phim truyền hình nhiều tập, đã có hai cuộc hội thảo vô cùng nghiêm túc được tổ chức tại Huế và Hà Nội xung quanh tác phẩm văn học cũng như kịch bản của phim, với sự tham gia và đóng góp ý kiến của nhiều tướng lĩnh quân đội, nhiều đồng chí lãnh đạo của Đảng và nhà nước từng có mặt tại Huế - Trị Thiên mùa xuân 1968 như Nguyên Tổng bí thư Lê Khả Phiêu, Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, đồng chí Ngô Yên Thy - nguyên bí thư Huế Trị Thiên, nguyên Trưởng ban tôn giáo TW, Trung tướng Đặng Kinh, nguyên phó tư lệnh Quân khu Trị Thiên Huế, tư lệnh mặt trận Huế mùa xuân 68, nhà báo Phong Hải - nguyên thứ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin, cùng các đồng chí lãnh đạo của Trị Thiên - Huế hiện nay... Nhiều ý kiến chỉ đạo, đóng góp rất bổ ích từ những người trong cuộc như vậy đã làm tác phẩm thêm tầm cao về tư tưởng cũng như sát sao hơn với hiện thực cuộc tổng tiến công ngày ấy. Cùng với sự chỉ đạo sát sao đó là sự hỗ trợ rất đáng quý của các đơn vị quân đội như Quân khu 4, Bộ tư lệnh Hải quân, Bộ tư lệnh Tăng - Thiết giáp, Bộ tư lệnh Quân khu 5, và đặc biệt của quân và dân Trị Thiên - Huế đã góp phần làm 25 tập của bộ phim về chiến tranh không chỉ chân thực, mà còn được tái hiện một cách hoành tráng, mang đầy âm hưởng của một mùa xuân tổng tiến



Một cảnh trong phim *Huế mùa mai đỏ*, quay tại Huế

công lịch sử ở một thành phố mà chúng ta đã làm chủ được 24 ngày đêm làm nức lòng cả nước và chuyển rung cả lâu năm góc của Mỹ...

Bám sát với nội dung của tiểu thuyết, bộ phim 25 tập này không chỉ là câu chuyện của gia đình Trung đoàn trưởng Tư Thiên, là sự sum vầy sau bao năm xa cách mà còn là những đau xót, giằng xé nội tâm khi phải đối mặt với bản thân mình, với gia đình mình. Một gia đình nhưng lại là sự thu nhỏ tiêu biểu của cả xã hội. Có ai ngờ Tư Thiên, một trung đoàn trưởng gan dạ, dũng cảm, nổi tiếng, lại có Chiến - thằng con trai chuẩn bị tốt nghiệp trường sĩ quan Đà Lạt; Mai - cô gái hết lòng ngưỡng mộ Ba Tư Thiên, là y tá của cơ quan tham mưu lại từng có chồng là lính Ngụy... Đến cả bà Đào, vợ ông, cũng đã từng phải đối phó với thời thế cay nghiệt, mà về ở với người khác để tránh sự đàn áp gia đình Việt cộng... Những tâm lý giằng xé, đan xen trong tình yêu, tình vợ chồng, tình cha con cùng với cuộc đấu tranh giữa sống -

của đạo diễn NSUT Trần Vĩnh, một diễn viên điện ảnh, một đạo diễn điện ảnh chỉ làm phim về đề tài chiến tranh và đã đạo diễn được 70 phim với 500 tập phim về đề tài này. Anh từng là nghệ sỹ - chiến sỹ của Quân khu Trị Thiên - Huế mùa xuân năm 68, nên đã rất thấu hiểu, rất thực tế và rất tâm huyết khi xây dựng bộ phim truyền hình nhiều tập này. Và đặc biệt là sự ưu ái và sự quan tâm rất đặc biệt của nguyên Tổng bí thư Lê Khả Phiêu cho thành công của bộ phim; bởi nhiều năm tháng trước đây và trong mùa xuân tổng tiến công 1968, chính đồng chí Lê Khả Phiêu đã chiến đấu ở mặt trận này...

Đạo diễn Trần Vĩnh tâm sự Cách đây hơn hai năm, nhà báo Triệu Phong có đưa lại cho tôi xem bản photo tiểu thuyết *Huế mùa mai đỏ* của nhà văn Xuân Thiều, và bản nên chuyển thể tiểu thuyết này thành phim truyền hình nhiều tập. Ngay đêm ấy tôi đã đọc với rất nhiều cảm xúc, trước hết vì đây chính là chiến trường gắn bó với tôi nhiều năm, ngay sau khi tôi tốt nghiệp trường Nghệ thuật

triệu/tập thì việc đầu tư của anh Triệu Phong là rất bất ngờ và làm tôi chứa chan hy vọng...

Nhưng rồi sau khi đọc đi đọc lại tác phẩm của nhà văn Xuân Thiều, thì tầm vóc và độ dày của tác phẩm đã làm tôi thấm nghĩ chỉ 10 tập là không thể đủ, mà cần đến 30 tập hoặc có thể nhiều hơn nữa mới có thể chuyển tải không chỉ là một cuộc tổng tiến công và nổi dậy, mà còn là chiều dài số phận của bao nhân vật mà tác giả Xuân Thiều đã phản ánh trong tác phẩm... Tôi tìm thêm ba cuốn tiểu thuyết *Huế mùa mai đỏ* nữa, một kính gửi cho đồng chí Lê Khả Phiêu, một người lãnh đạo gần gũi và đáng kính của tôi từ những ngày ở mặt trận Trị Thiên - Huế, một gửi cho đạo diễn NSND Huy Thành, một người anh của tôi trong nghệ thuật và gửi cho anh Nguyễn Quý Hòa, Thành ủy viên, giám đốc đài truyền hình TP. Hồ Chí Minh, cùng dự định của tôi và nhà báo Triệu Phong là xây dựng bộ phim *Huế mùa mai đỏ* từ bộ tiểu thuyết này. Điều hết sức xúc động là ngay lập tức tôi nhận được không chỉ sự chấp thuận, mà còn rất nhiều sự động viên và cùng những ý kiến rất quý báu để làm sao làm tốt bộ phim...

Phải nói rằng, HTV đã đầu tư cho *Huế mùa mai đỏ* cũng rất "ác liệt" để có thể hoàn thành bộ phim nhiều tập này. Mà theo đánh giá chung là chưa có một phim truyền hình nào có thể được đầu tư sánh bằng. Trung bình mỗi tập phim được đầu tư là 453 triệu đồng (Theo đạo diễn Trần Vĩnh tiết lộ), tổng kinh phí toàn phim lên tới 11 tỷ 325 triệu đồng

Khi những thước phim cuối cùng hoàn thành, chính bản thân người lão tướng Trần Vĩnh cũng thấy đầy mỹ mãn, à coi nó như tác phẩm điện ảnh thành công nhất, xuất sắc nhất của đời mình, dù ngay sau đó anh lại khẩn trương bước ngay vào đạo diễn một bộ phim mới 45 tập cũng về đề tài chiến tranh... ■

THÁNG HAI HOA NHÃN

Truyện ngắn của HỮU PHƯƠNG

ANH từng bị trời trừng phạt. Và giờ đây, hình như cũng đang bị chính cuộc đời trừng phạt. Một sự trừng phạt không ồn ào, thậm chí dịu êm. Nhưng sẽ nhức nhối, và giày vò. Chúng cố là, anh đang vui mặt vào một xó góc nhà nghỉ, cố không để ai nhận ra mình, không để mình nhận ra ai, chờ sáng ra làm cho xong cái việc cần làm, rồi chuẩn thẳng. Thế mà, cái vắng trắng ký ức kia huyền hoặc, cái không khí thanh mát của miếng quê châu thổ lay thức, đã ve vãn bước chân anh? Lại tiếng rì rầm thao thiết của sông Hồng đêm anh bỏ trốn. Lại ngon gió thơm nồng hương tóc người nằm ấy. Càng muốn tránh, anh càng bị nó cám dỗ, cuốn đi không cưỡng lại được...

Bước chân anh lạc vào quảng trường trung tâm thành phố, với những đại lộ đèn đường sáng trưng, những khu nhà cao tầng kiểu cách hiện đại, những dải phân cách hoa chạy dài. Anh ngỡ ngàng trước một sự sang trọng đến bất ngờ. Sang trọng trong quy hoạch cấu trúc, trong từng đường hoa, cây cảnh được cắt tỉa công phu, cả trong từng mạch vữa của gạch lát vỉa hè. Chẳng còn đâu bóng dáng của thị xã tỉnh lỵ với những đèn đường đỏ quạch, những dãy nhà loi thôi, hàng quán lơ thơ ngày anh bỏ đi. Cách đây hai mươi lăm năm. Đêm đó anh mua với một cặp bánh chưng, nhét vào túi sau chiếc ba lô cóc cũ sờn, và nhảy lên một chiếc xe đồ. Đêm thu phố quê thật yên tĩnh.

Bước như mộng du, vô tình anh chạm phải một cái gì cao ngất vạm vỡ chắn ngang lối đi, với những bậc tam cấp bằng đá, và ba lối vào trần cuốn vòm cổ kính. Anh lùi lại mấy bước, đưa mắt nhìn lên. A! Tam quan của Văn Miếu Xích Đằng! Nó đã đứng đây gần hai trăm năm. Vẫn ba tầng, với các lầu gác và lầu chuông tường xám mốc, mái cong lợp ngói mũi hài rêu phong. Các cánh cửa gỗ lim vẫn đóng kín. Nó chỉ được mở những ngày đại lễ. Đây rồi, lối ngách dành cho khách đi bộ. Ngày xưa, người ấy thường nắm tay anh đi theo lối này. Bốn phía khuôn viên vẫn những rặng nhãn cổ thụ xòe tán đón trăng. Vẫn cái sân lát gạch rộng chứa năm bảy trăm người những ngày tế lễ. Anh đặt những bước chân kính cẩn lên bậc thêm ngôi nhà tiền tế. Hối hộp đẩy nhẹ cánh cửa. Và lập tức sụp lạy trước điện thờ. Ánh trắng và ánh điện từ ngoài hiên phả vào. Một thứ ánh sáng dịu êm và linh thiêng. Đủ soi rõ chân dung bậc thánh hiền Chu Văn An trên bệ cao. Gương mặt sáng láng và nghiêm nghị của ngài thoảng chút lo âu. Không biết về sự học của con cháu? Hay về cõi bờ Tổ quốc? Nhưng trông đôi mắt ngài vẫn hiền lành. Không ra hờn trách. Cũng không giấu cợt. Và chính điều này khiến anh bật khóc. Vẫn quỹ mọp sát đất, anh thắm thĩ nghẹn ngào: "Con đã không thực hiện được lời hứa. Con đã đỗ tiến sĩ, được phong hàm giáo sư. Nhưng con không thể vinh quy bái tổ nơi này, như đã nguyện cầu".

Không chịu nổi cơn giày vò tâm trạng, anh khom người chấp hai tay trước ngực, bước lùi ra khỏi điện thờ. Ngày xưa nàng đã cùng anh đến đây nhiều lần. Lần cuối cùng là mùa hạ cách đây hai mươi lăm năm, trước kỳ thi vào đại học. Hai người đã quỳ bên nhau trước điện, thành kính như hai tín đồ. Cầu mong những nguyện ước về sự nghiệp và tình yêu của hai đứa, được các vị thánh hiền chứng giám và phò trợ.

Anh đi như chạy khỏi Văn Miếu Xích Đằng, muốn men theo một trục đường rộng lên bờ đê Sông Hồng hóng mát, nhưng không hiểu sao lại đứng trước các trụ cổng bằng đá xanh rất cổ của chùa Chuông. Phía sau cổng chính là con đường lát đá, chia đôi một hồ súng

quanh năm hoa tím. Cánh cổng chính cũng đã khép cửa từ đời nào đời nào vì một lời nguyện, rằng con gái vùng này không được đi cửa chính, nếu không sẽ bị quá lửa lờ thi! Nghe nói xưa, chùa này có một vị sư thầy đẹp trai. Con gái vùng này thường trêu chọc, quấy quả sự thanh tịnh chốn cửa Phật. Đấng tu hành bậc mình, đã phán một câu như vậy. Lại thay, lời nguyện ấy khá linh diệu. Người ấy cùng anh thường vào đây ngắm hoa súng. Một lần, sau đêm hai người trao thân trên hoang cỏ bờ đê sông Hồng, nàng đã chui qua chỗ khe ván bị mục ở cửa chính để vào. Anh hốt hoảng kêu lên, em không sợ sao? Nàng cười khanh khách, em đã có anh rồi đấy thôi!..

Bây giờ, không biết nàng ra sao?

Cổ vẫn mềm mướt dưới chân. Gió về đêm mát lạnh. Sông Hồng dưới trăng gợn những con sóng lăn tăn màu thép bạc. Sao anh lại đến chốn này? Hoang cỏ dưới chân đê đây rồi sao? Anh bối rối gieo mình xuống mặt cỏ. Trăng vẫn ảo huyền hư đêm nay. Đêm ấy anh không câu được con cá nào. Nhưng đã câu được người con gái ấy. Tóc của nàng đen dày, trải ra như một tấm khăn...

Tuổi thơ của hai đứa gắn chặt với bạt ngàn những rặng nhãn quê hương trải xanh một phía Sông Hồng. Tháng hai hoa nhãn bung những vòm như mâm xôi khổng lồ màu cốm. Rồi đồng loạt nở xòe màu trắng mơ trong nắng dịu, sức nức hương thơm. Lũ ông rộ rành bài ca mở hội lấy mặt. Con người cũng náo nức hội hè đình đám suốt cả tháng ăn chơi chốn Phố Hiến ngàn năm văn vật. Mắt cô gái nào cũng long lanh đen màu hạt nhãn. Mái tóc cô gái nào cũng được hoa nhãn ướp hương.

Cuộc tình đang nồng nàn hương lửa, sao anh đã chạy trốn? Vì sự chỉ chiết bộc trực của thằng Vận, bạn học cùng lớp, con ông bác ruột nàng chăng? Hẳn gọi anh ra bờ đê vắng, nơi từ đó nhìn được ngôi nhà tường vôi trắng mái ngói đỏ của gia đình nàng. Hẳn nói, mày thử nhìn lại mình đi, cha mẹ mất sớm, ở với ông chú con cái lít nhít một đàn. Nghèo rớt mồng tơi. Mày có gì nữa không? Trong khi cái Hương em tao cành vàng lá ngọc. Mày đúng là đồ đứa mốc...! Câu nói của thằng Vận, đã gieo cả gàu nước vào bếp lửa tình hai đứa? Hay do kết quả kỳ thi đại học mà ai cũng đoán chắc là anh sẽ thủ khoa? Kết quả nằm dưới điểm sàn, đã như cái tát giáng vào mặt, khiến anh choáng váng. Tê điếng cả người. Trong khi điểm của nàng cao nhất nhì khối! Anh đã bỏ trốn khỏi phố làng ngay đêm ấy. Không một lần ngoái lại...

Thực ra, dù phải vào ngôi một lớp trung cấp, nhưng trong anh ngùn cháy quyết chí phải có bằng đại học, anh mới về quê. Thế nên, sau khi có bằng trung cấp, được nhận vào làm hợp đồng chân chạy vật, ở một cơ quan văn hóa Thủ đô, anh đăng ký ngay lớp đại học tại chức. Và đường đời đã lồi tuột anh đi một mạch. Như cơn lốc số phận. Ở đó, anh gặp một cô gái mà cha nàng có chiếc đũa thần. Cô nàng đã vài lần trượt vô chuỗi các kỳ thi đại học. Và cũng đã nhận phần thua thiệt trong vài mối tình tan vỡ. Anh và cô nàng, kẻ năm lạng người nửa cân, đã nhanh chóng bập vào nhau. Cô nàng giàu có, nhưng khát tình. Anh nghèo hèn, nhưng khát danh vọng. Hai người cưới nhau sau hai kỳ tập trung lên lớp. Sau đám cưới, anh làm chủ một căn hộ sang, một người đàn bà hoạt, và một xe máy xịn. Nhan sắc cô nàng không sánh được người ấy. Nhưng nói làm gì chuyện đó trong cuộc tìm kiếm phần thiếu hụt của mỗi người này!

Vừa cất bút sau kỳ thi tốt nghiệp lớp đại học tại chức, anh bất ngờ có quyết định chuyển về làm việc tại một trung tâm nghiên cứu văn hóa. Anh định xênh xang về

quê ít hôm. Nhưng phần thì bản khoản không biết ăn làm sao nói làm sao với người ấy. Phần khác là tức khắc nhận được ý chỉ bố vợ, phải có đề cương nghiên cứu một mảng văn hóa sông Hồng. Thế là anh lại vui mặt vào công việc. Sau này, khi nhanh chóng được cử đi nghiên cứu sinh ở nước ngoài, anh mới hiểu thâm ý sâu xa của bố vợ. Là cho thiên hạ thấy, rằng anh về trung tâm nghiên cứu này không phải ngẫu nhiên, rằng anh không tầm thường! Ở nước ngoài, người ta biết trấn Hưng Yên là đâu, phố Hiến xưa ra làm sao! Còn anh, lại để ra trên đất ấy, và với những tư liệu có sẵn, chỉ cần đảo phẩn, tìm lối diễn đạt khác. (Việc này anh thừa kinh nghiệm từ hồi làm luận văn tốt nghiệp đại học tại chức). Rồi thuê người dịch chính chu. Thế là xong cái luận án *phổ tiến sĩ hữu nghị*. Về nước chưa đầy năm, bỗng xảy ra chính sách mà nằm mơ cũng không thể có. Tất cả các vị *phổ tiến sĩ*, đều được phiên sang *tiến sĩ*! Anh nghiêm nhiên sánh ngang hàng với bao bậc râu tóc khác trong trung tâm nghiên cứu.

Một hôm, có một vấn đề bỗng được đưa ra thảo luận trong cơ quan. Ấy là cử người phụ trách trung tâm ở phía Nam, thay cho vị lãnh đạo tiền nhiệm nghỉ hưu. Và với các tiêu chuẩn cần có, anh là người duy nhất đặc cử. Khi máy bay đáp xuống phi trường, đã có xe ra đón. Đang lo lắng về điều kiện ăn ở nơi nhiệm sở mới, vợ anh đã đưa cho lái xe địa chỉ. Và anh choáng ngợp trước một biệt thự sang trọng, ở một khu khá biệt lập. Đây là nhà riêng của vợ chồng anh.

Môi trường mới, cương vị mới, đã cho anh một vị thế mới. Các trường đại học ở đó xếp hàng mời anh giảng bài. Anh lại cắt dán và cho in những giáo trình, những cái gọi là công trình nghiên cứu, về văn hóa châu thổ Sông Hồng, về trấn Hưng Yên xưa và Phố Hiến nghìn năm văn vật. Anh được vì nể, được tung hô. Như một nhà khoa học lớn. Và sau năm, bảy năm tham gia giảng dạy ở mấy trường đại học, anh được phong hàm phó giáo sư, khi tuổi mới bốn lăm.

Người ta có thể ngộ nhận về anh. Nhưng anh thì không. Anh biết anh đã làm gì, đã làm như thế nào. Và thấy hổ thẹn khi kiến diện các vị tiền nhân ở Văn Miếu Xích Đằng. Họ đã nấu sử sôi kinh bao nhiêu năm, trải bao kỳ thi ngặt nghèo, mới nên khoa bảng!

Đường loạn lộ rạn ngời bao nhiêu, thì đường con cái dòng giống anh tâm tối bấy nhiêu. Cả hai vợ chồng đều khỏe mạnh. Chỉ trừ hai năm đi Tây, còn thì hai người luôn ở bên nhau. Vậy mà không làm sao kiếm được mụn con. Hết các loại thuốc thang quý hiếm, đủ các thức cao lương mỹ vị, vẫn không kết quả. Khi người đàn bà của anh bước vào tuổi bốn mươi, đành bất lực tìm đến bệnh viện chuyên về hiếm muộn. Ở đấy người ta cho biết, từ lâu vợ anh không còn khả năng sinh đẻ nữa. Di chứng của những lần nạo thai thời con gái.

Anh bài hoài. Đó chẳng phải trời trừng phạt sao?

Cuối cùng, hai vợ chồng nhận con nuôi. Đó là một bé gái bị bỏ rơi trong bệnh viện. Rất dễ thương. Bụ bẫm và trắng trẻo. Đôi mắt to trong veo. Dù bú sữa ngoài, nhưng bé hay ăn chóng lớn. Bú no thì ngủ. Ngủ chán thì dậy khua khoắng chân tay. Đôi khi ồm ồm trong miệng như muốn bắt chuyện. Hai vợ chồng mừng khôn xiết. Đi làm về là lao ngay vào ru nựng bế bồng. Vậy mà ngoài sáu tháng, đang ăn chơi vui vẻ, nó chợt ho khục khặc. Rồi ho ngày một nhiều. Hết thuốc này sang thuốc khác. Hết bệnh viện này sang bệnh viện khác. Nó vẫn cứ ho. Không tìm ra bệnh gì. Người nó gầy mòn, xanh xao. Nó ho bốn mùa. Ho kinh niên. Ai bày chi cũng làm. Xa mấy cũng đi. Uống hết các loại lá lay, cây trái. Đều vô hiệu! Nhưng một hôm, có một người bạn đem đến cho một lọ thuốc, nhỏ bằng cái ly mất trâu. Đặc sánh, vàng sậm. Có vị ngọt lẫn vị chua. Bảo dùng thử. Mỗi sáng, một giọt nhỏ bằng hạt sương vào thìa cho uống. Hoặc dùng *lã* màn chấm rồi lau quanh vòm miệng và lưỡi cho trẻ. Ai ngờ, vị thuốc đơn giản vậy mà con bé đỡ ngay. Những cơn ho thưa dần. Bé trở lại ăn chơi như trước. Có điều, hết thuốc là bệnh trở về chứng cũ. Người ta bảo, con bé phải dùng phương thuốc ấy cho hết tuổi mười hai. Sau tuổi ấy, nó sẽ bình thường như mọi đứa trẻ khác. Bây giờ, anh phải tự làm lấy phương thuốc đặc trị ấy cho con gái. Nó gồm hai vị chính, mật ong và chanh đào. Người ta bảo, tốt nhất là mật ong hoa nhãn. Sau vụ hoa nhãn, mật ong được lấy và cất ủ ba tháng cho chín. Chanh đào thường có ở các tỉnh phía Bắc. Quả tròn to, mọng nước. Chanh được rửa sạch để khô ráo, thái lát dày độ một vài ly. Cho vào bình thủy tinh, và rưới mật ong lên đủ ngập. Đậy kín nắp cho được ba, bốn tháng mới dùng. Trẻ dưới vài tuổi thì chất lấy nước. Trẻ trên vài tuổi có thể vớt bã xay mịn, trộn chung vào. Người lớn thì ngậm và nhai

nuốt cả bã. Phương thuốc này triệt tiêu tự nhiên, không để cơn ho phát sinh. Vì thế mà anh trở về quê, sau mùa hoa nhãn ba tháng, khi mặt hoa đã chín...

Ông chủ quán phở sáng nói với anh, mua mặt ong hoa nhãn hử, tin cây nhất là đến công ty Hoài Hương. Anh tròn mắt, có công ty kinh doanh mặt ong hoa nhãn, ư? Đến lượt ông chủ quán ngạc nhiên, anh ở mặt trắng xuống chặc? Đó là công ty chuyên phát triển và khai thác các sản phẩm từ cây nhãn. Anh mừng hứm, lao vội đi, quên cả nói lời cảm ơn. Trụ sở công ty là một ngôi nhà hai tầng nằm giữa khu vườn đầy nhãn. Ngôi nhà cấu trúc đơn giản, nhưng hợp lý. Các phòng có cửa vào độc lập, lại có ngách thông nhau. Ở chính giữa, thẳng với cổng vào, là phòng giám đốc. Một cầu thang dẫn hồi đi lên tầng hai. Anh đang lưỡng lự trước cửa phòng giám đốc, muốn hỏi nơi bán mặt ong hoa nhãn. Chợt giật thốt người. Không tin ở mắt mình. Người ngồi trong chiếc ghế giám đốc đứng dậy, bước ra. Là em đấy sao? Anh chết lặng. Câu hỏi mắc cứng trong miệng. Người anh rất muốn gặp, nhưng rất ngại chạm mặt, đã đứng cạnh kể. Và nàng khẽ nở nụ cười xã giao, mời anh vào. Anh chợt lập cập mỗi bước chân. Sượng sùng mỗi ánh nhìn. Nàng vẫn giữ được những nét đẹp trời phú thời con gái. Bộ váy công sở bằng thứ vải đen mềm mại, uyển chuyển theo bước đi, phô làn da trắng và những đường cong quyến rũ. Dù có phần đầy đặn theo tuổi tác. Nhưng chính điều ấy càng khiến nàng trở nên cao sang, lịch lãm. Nàng bình thản pha trà. Và hỏi một câu cũng rất bình thản, tựa hồ anh vắng nơi này có mấy hôm: "Sao anh giờ mới về?"

Biết trả lời sao? Ngày bỏ trốn, anh đâu ngờ, có lúc lại ở tình thế này! Anh vội đưa mắt nhìn quanh căn phòng, lảng tránh cả câu hỏi lẫn ánh mắt nàng. Tất cả, tủ tài liệu, bàn làm việc, bàn tiếp khách, đều bằng gỗ nhãn đã lên màu cánh gián. Phía sau tủ, vô tình nhô lên chiếc cần câu. Nàng vẫn giữ niềm mê câu cá? Có lẽ trên thế gian này, nàng là người phụ nữ duy nhất biết tận hưởng niềm khoái cảm nhột nhột khó tả của giây khắc cá rung cần cần câu. Đêm đó hai người cầm cần vào bờ đất. Và lăn tròn trên cỏ. Ánh trăng ảo huyền. Mùi cỏ mặt thơm hắc. Gió sông Hồng thơm nồng mùi bùn non...

Ồ không! Anh lắc đầu ngăn dòng kỷ ức. Và cất tiếng lý nhí, tôi muốn mua mấy lít mặt ong về làm thuốc. Nàng nhìn anh mỉm cười kín đáo. Tuồng như nàng đã biết tất cả, hiểu tất cả. Có lẽ quá nửa đời người, mọi nỗi đau khổ, yêu thương, hờn giận và cả khinh bỉ nữa về anh, trong nàng đã không còn. Nàng bảo, anh uống nước đi đã! Rồi nói khẽ vào chiếc điện thoại cầm tay trên bàn, đưa xuống cho mẹ mười lít mặt ngay nhé. Lát sau, đã thấy một chàng thanh niên bê thùng cactong khá nặng, cùng một cô gái theo sau bước vào. Cả hai lễ phép cúi chào anh, đặt thùng hàng xuống sàn nhà. Đoạn, đến đứng bên lên sau lưng mẹ. Nàng giới thiệu, đây là con gái em, và bạn trai của nó. Chúng vừa tốt nghiệp đại

học, và trở về làm việc trong công ty em. Còn bác đây là, nàng đưa tay về phía anh, bạn học thời phổ thông của mẹ. Với phục trang như nhau, khiến hai mẹ con như hai giọt nước. Như hai chị em. Chao ôi, cô con gái giống hệt nàng từng nét, vào đêm cuối mùa thu năm ấy. Mặt hạt nhãn ướt lóng lánh. Bắp tay bắp chân tròn trắng, thon lẳn. Tóc mây cuộn xuống bờ vai...

Nàng nằm ngửa. Mái tóc dày trải ra như một tấm khăn. Chợt nàng nhìn bầu trời thăm sâu, băng quơ hỏi, sao tên anh là Hoài? Anh nghiêng qua, vui mặt vào chiếc khăn tóc, nói, Hoài là yêu em hoài hoài, yêu em mãi mãi! Bất ngờ, nàng cũng quay người lại. Hai khuôn mặt chợt mặt áp vào nhau. Hai đôi môi thốt nhiên cũng gặp nhau. Hai trái tim đập loạn xạ đến tức thở. Hai thân thể nóng rực quay tròn. Chúng tôi vừa thi xong đại học. Nghĩa là chúng tôi đã là người lớn. Tuổi học trò chấm dứt từ hai tháng trước, sau kỳ thi tốt nghiệp phổ thông. Nghĩa là giờ đây, có quyền tự định đoạt tình yêu và sự nghiệp. Anh nhớ, khi nàng hồn hồn mặc lại áo xống, nói, em đã thành người đàn bà của anh rồi nhé! Anh nhìn nàng âu yếm, phải, anh cũng thế! Hai người ngồi sát bên nhau thêm một lúc. Gió buồm mái tóc nàng sang phía anh. Một mùi hương rất quen nhưng không gọi ngay được tên. Anh buốt miệng, sao tên em là Hương? Nàng tựa đầu vào vai anh thăm thẳm, vì mẹ sinh em vào tháng hai, hương hoa nhãn sức nức sân nhà. Hương vờn quanh vành tai em, ướp lên làn da em. Phải rồi, tóc nàng thoang thoảng mùi hương hoa nhãn...

Anh thốt rừng mình. Kỷ ức ớn lạnh, tê buốt sống lưng. Thùng cactong đựng các chai mặt nom như thùng bia, nền màu lá cây, ở giữa nổi bật dòng chữ "Mặt ong hoa nhãn Hoài Hương" màu cam chín. Lúc sáng, ông chủ quán phở có nói tên công ty này, nhưng anh hiểu là hàm ý mặt ong hoa nhãn thơm mãi. Giờ biết đó là tên công ty của chính nàng, thì hàm ý không đơn thuần như thế. Anh thấy chột dạ. Và ngượng ngùng đứng dậy cáo rút lui. Nàng bảo cậu thanh niên đánh xe chở giúp anh về khách sạn.

Ra đến đường cái, không hiểu sao anh đột ngột đứng lại, bảo cậu thanh niên chở thùng mặt về trước, gửi chỗ lễ tân. Còn mình lang thang lên đoạn đê cao, nơi hai người sống đôi vào tháng hai năm ấy. Khi đó đã bước vào lớp mười hai, lòng đã thổn thức về nghề và nghiệp. Hai đứa lặng ngắm những rặng nhãn nở bung mùa hoa màu tím xanh, trải từ các làng quê phố xá miền châu thổ. Bất ngờ nàng nói, xứ mình có nhiều lễ hội, nhưng chưa có lễ hội hoa nhãn, tựa lễ hội hoa anh đào Nhật Bản. Anh ngớ ra, phải rồi! Ý nghĩa lắm. Đến thế hệ chúng ta, ta sẽ tổ chức Lễ hội hoa nhãn. Đôi mắt nàng chợt lúng liếng vì có người đồng cảm. Nàng nói thêm, nó ý nghĩa không chỉ ở vẻ đẹp đặc trưng. Ẩn dưới vẻ đẹp ấy, em mơ hồ một đặc sản quê hương. Anh vội hỏi, là cái gì? Nàng đáp, mặt ong hoa nhãn! Anh bật cười, vì cho thế là quá mơ mộng. Hơn nửa đời người, anh mới

thấy mình quá cạn hẹp so với nàng. Giờ cũng vì thứ mặt ong hoa nhãn ấy, mà anh lặn lội hàng ngàn cây số về đây...

Anh hít căng lồng ngực ngọn gió mùa hạ miền châu thổ từ lâu bỏ quên. Mùa hoa nhãn đã đi qua. Mùa quả chín sắp đến. Nhãn mệnh mỏng ngút ngát một phía sông Hồng đầy nắng. Những rặng nhãn đứng bá vai nhau, tựa tựa vào nhau, gánh trĩu từng buồng, từng chùm, từng nhánh no tròn trái. Có cảm giác, chúng đang xây nên, kết nên một vòm trái, một bầu trời trái. Mệnh mỏng vô tận. Cho con người...

Đôi chân vô thức dẫn anh theo một lối về phố, và gặp phải mấy con hổ thơ mộng, được xây cất như một khu công viên, một nơi du ngoạn. Phải rồi, đây là dấu vết còn lại của thương cảng sầm uất phố Hiến xưa. Ngày anh đi, đây còn là những hồ hoang, um tùm cây dại. Anh bước dọc phố Hiến, và dừng lại một ngôi chùa. Đây rồi, cây nhãn tổ! Nó vẫn ở ngay bên trái cổng vào. Nghe nói nó đã tồn tại hàng mấy năm trăm. Ngày xưa nó to lớn và gan góc của bậc trưởng lão. Nhưng vì quá già, nó viên tịch theo quy luật lão tử. Cả làng cả phố đau buồn. Có lẽ hiểu được lòng người xứ này, từ gốc, cây nhãn già kịp cho lên một nhánh non. Rồi nhánh non cũng trưởng thành, cho hoa thơm và trái ngọt. Người ta đem hạt nó về ươm gieo, nhân giống quý. Rồi với kỹ thuật chiết ghép, cây nhãn tổ đã phân thân, thành rặng thành rừng, khắp xứ Hưng Yên này. Bây giờ, nhánh cây nhãn tổ đã khá cao lớn. Người ta kê đá học xung quanh, đổ đất đắp cao gốc, nom như ngôi mộ tổ. Ngày xưa, vào các dịp tết lễ, Hương thường dẫn anh đến đây. Và nàng thành kính khấn lạy rất lâu. Hóa ra, sự nghiệp hôm nay của nàng, đã có chủ đích từ đạo ầy.

Ra khỏi cây nhãn tổ, anh tìm lối phố về chỗ nhà nghỉ. Sau hai mươi lăm năm anh vắng mặt, thành phố như một thiếu nữ dậy thì. Những con đường rộng mở. Những khu phố mới xây. Những khu vườn sắp xếp lại. Nhiều nơi còn bế bộn công trình. Có một nhóm công nhân đang đào đường lấp cống thoát nước. Người qua đây phải bước chậm lên vỉa hè. Anh dừng lại một bên, nhường lối cho một chiếc xe máy. Bỗng, có hai cánh tay rắn chắc chộp lấy hai vai anh, lắc mạnh. Một khuôn mặt rám nắng, với nụ cười giãn rộng của thằng Vận áp sát. Và hằn nở một tràng liên thanh, Hoài phải không? Cậu đi đâu biệt mù giờ mới ló mặt về? Vào đây, vào đây! Hân kéo tuột anh vào quán nước bên đường. Lại sôi nổi như thuở học trò, mình ở công ty cấp thoát nước thành phố, đang thi công cái cống này. Thế cậu đã gặp mẹ con chúng nó chưa? Mẹ con nào? Anh buốt miệng hỏi lại. Rõ chán cái cậu này! Thì cái Hương và bé Hoài đó, chứ còn mẹ con nào nữa! Vận nói hơi xằng. Anh như người bị giới một gáo nước lạnh vào mặt, cậu bảo sao? Vận thủng thẳng đáp, Bé Hoài là con cậu đấy! Sau khi cậu bỏ đi, Hương nó khóc ròng khóc rã. Vào đại học được

(Xem tiếp trang 8)



Minh họa của PHẠM MINH HẢI

SỞ TAY THƠ

GIÓ ĐẠI PHONG VẪN THỐI

(Tưởng nhớ Đại tướng Nguyễn Chí Thanh)

Gia từ Kẻ Lữ' mảnh đất đói nghèo
Đường cách mạng và đường đi đánh giặc
Rồi một ngày nghe theo lời của Bác
Vị Đại tướng trở lại với ruộng đồng

Đại Phong đi Đại Phong
50 năm gió Đại Phong vẫn thổi
Người quê mình vẫn chưa quên buổi ấy
Lon nước, mơ cơn chân Anh
lội khắp đồng

Kiến Giang đi vẫn còn xao động sông
Nhớ đêm Anh chèo đò
miệng ngọt ngào câu hát
Tướng và Dân cùng chung nhịp tim đập
Sóng như lòng gương tỏa sáng đến
mai sau...

Tên Anh thành truyền thuyết, ca dao
Trong lời người dân gian, trong câu ca
mộc mạc
Gió Đại Phong truyền khắp miền
đất nước
Hòa thành cơn bão táp những
ruộng đồng

Góp vào cơn bão táp của chiến trường
Đại tướng lại lên đường, miền Nam còn
có giặc
Sau lưng Anh những cánh đồng bát ngát
Và Đại Phong
Gió vẫn thổi hôm nay...

LÊ KHÁNH HOÀI

(*) Tên hủi làng Niêm Phò (Quảng Thọ
- Quảng Điền - Thừa Thiên) - quê hương Đại
tướng Nguyễn Chí Thanh.

Lời bình của NGUYỄN YÊN THẾ

TÔI đọc bài thơ này lần đầu trên
báo Nhân Dân cách đây đã hai,
ba năm. Rồi gần đây lại được đọc
trên tạp chí VNQĐ trong số kỷ niệm
đặc biệt về đại tướng Nguyễn Chí
Thanh. Bài thơ giản dị, mà có sức lay
động tâm hồn. Và rồi một sáng cuối
năm mưa phùn gió bắc, tôi được gặp
tác giả bài thơ từ phương Nam ra, và
trong một quán cà phê nhỏ đặc thù

của Hà Nội, Lê Khánh Hoài lại đọc tôi
nghe bài thơ trên...

Có ba hình tượng lớn làm trụ cột
cho cảm xúc và suy tưởng thơ mà từ
đây nhà thơ triển khai xây dựng nhân
vật trữ tình - Đại tướng Nguyễn Chí
Thanh - đó là Cánh đồng, Dòng sông
và Ngọn gió.

Cánh đồng bao đời nay gắn bó thân
thiết với người nông dân, vốn là lực
lượng chủ chốt của mọi vận động trong
lịch sử nước Việt ta từ cổ xưa tới nay.
Người anh hùng của quần chúng
thường xuất thân từ chốn dân già,
giống như trường hợp của Đại tướng
Nguyễn Chí Thanh - "Gia từ Kẻ Lữ
mảnh đất đói nghèo". Trước nay, "đi
binh ư nông" là kế sách quan trọng của
mọi nhà cầm quyền. Chính quyền
Cách mạng cũng đã vận dụng thực thi
kế sách đó một cách sáng tạo. Khi
"giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh", mọi
người đã chung tay chiến đấu cùng
quân đội - vốn được đào luyện từ con
em nông dân để trở thành những người
lính đi đấu bảo vệ Tổ quốc. Khi giặc
tan, phần đông những người lính đã
làm lễ "Hạ sao" để trở về nông bản. Đại
tướng của chúng ta cũng không ra
ngoài quy luật chung đó, và tác giả đã
diễn tả điều này một cách giản dị: khi
không còn bóng giặc nữa, "Vị Đại tướng
trở lại với ruộng đồng". Bài thơ có năm
khổ thì có tới bốn khổ thơ hình ảnh Đại
tướng được gắn với ruộng đồng và sự
phát triển của Đất Nước trong sự
nghiệp xây dựng và bảo vệ thành quả
Cách mạng: "Lon nước, mơ cơn chân
Anh lội khắp đồng" - "Hòa thành cơn bão
táp những ruộng đồng" - "Sau lưng Anh
những cánh đồng bát ngát". Từ một câu
chuyện có thực về Đại tướng đồng cam
cộng khổ với nông dân trên đồng
ruộng, tác giả đã khái quát lên thành
những biểu tượng giàu sắc thái lãng
mạn cách mạng và thấm đượm xúc
cảm thơ.

Chính những Cánh đồng đã sản
sinh ra, nuôi dưỡng và bảo vệ những
Dòng sông quê hương, và tới lượt Dòng
sông cũng là nơi sinh ra những Anh
hùng theo cách nói của cổ thi sĩ Bế

Kiến Quốc: "Sinh ra ở đâu, mà ai cũng
anh hùng?/ Tất cả trả lời: Sinh bên một
dòng sông"... (Những dòng sông). Khổ
thơ viết về Dòng sông nằm giữa bài thơ
như sự bao bọc quấn quýt đầy tình
nghĩa của Cánh đồng với Dòng sông,
và cho thấy hình ảnh thật đẹp của Đại
tướng trong mối quan hệ với Nhân dân:

Kiến Giang đi vẫn còn xao
động sông
Nhớ đêm Anh chèo đò
miệng ngọt ngào câu hát
Tướng và Dân cùng chung
nhịp tim đập,
Sóng như lòng gương tỏa sáng đến
mai sau...

Đã nhiều người viết về Sông quê
một cách thú vị, thấm thía, đến Lê
Khánh Hoài, anh đã có dịp viết về một
dòng sông cụ thể mang tên Kiến Giang
từng in bóng lồng lộng một người con
đáng tự hào của Dân tộc, người đã để
lại Công - Đức ngời ngời tựa "lòng
gương tỏa sáng đến mai sau"; nơi ấy
từng có một thời "Tướng và Dân cùng
chung nhịp tim đập" kể tục truyền
thống đẹp ông cha: "Tướng sĩ một lòng
phụ tử/ Hòa nước sông chén rượu ngọt
ngào" (Hịch tướng sĩ văn - Trần Quốc
Tuấn) khiến chúng ta rưng rưng lòng và
có thêm sức mạnh để vượt lên được
bao坎 cái, tầm lức đời thường...

Và với những gì miêu tả về Cánh
đồng, Dòng sông, tác giả đã có cơ sở
và đủ sức gọi lên được Ngọn gió, đủ sự
tin cậy nơi người đọc để có thể đánh
giá về một phong trào thi đua yêu nước
nức tiếng một thời: "50 năm gió Đại
Phong vẫn thổi" - "Gió Đại Phong
truyền khắp miền đất nước".

Cánh đồng lại gặp giống bão, Dòng
sông lại nổi lửa, những người con quê
hương lại tạm biệt người thân, bến đò,
mái đình cây đa để làm nghĩa vụ thiêng
liêng với Tổ quốc. Đại tướng ở trong
đoàn quân ấy, và tác giả đã xúc cảm về
lên hình ảnh vị tướng lên đường vào
chiến trường bằng những câu thơ thực
mộc mạc nhưng đượm ý vị anh hùng
ca:

Góp vào cơn bão táp của
chiến trường

Đại tướng lại lên đường, miền Nam
còn có giặc
Sau lưng Anh những cánh đồng
bát ngát

Bài thơ kết thúc bằng nguồn cảm
hứng đã được khơi lên từ đầu: "Vị Đại
tướng trở lại với ruộng đồng" để góp
phần quan trọng tạo nên ngọn Gió Đại
phong, và tới cuối bài thơ, khi tả ông
bước vào trận mới thì "những cánh
đồng bát ngát" sau lưng ông đã kịp
nhân lên những Ngọn gió của tình yêu
nước thương nỗi lồng lộng, nuôi dưỡng
sức mạnh cho bao lớp thanh niên xông
pha nơi hòn tên mũi đạn gìn giữ bình
yên cho cuộc sống. Hai câu thơ cuối
tựa lời thì thầm của tác giả thay mặt
nhiều người khi đứng trước bàn thờ Đại
tướng, cũng là lời hứa sẽ tiếp tục kế
thừa tinh thần Gió Đại phong của ông
năm nào để thúc đẩy xã hội đi lên:

Và Đại Phong
Gió vẫn thổi hôm nay...

Toàn bài thơ là những hình ảnh giản
dị, xuất phát từ những sự thật cuộc
sống mà lại mang bóng dáng huyền
thoại về những vị dũng tướng năm xưa
lật sà cày trong ánh mai và giỏ bình thư
bên ngọn bạch lập, rồi sau đó từ biệt
mái nhà thân yêu ra đi trong ánh trắng
lù nuôi chí diệt thù, để cứu thế "Tên Anh
thành truyền thuyết, ca dao..."

Tôi có hỏi tác giả vì sao khi làm thơ,
anh thường ký Châu La Việt, mà bài
này lại ký Lê Khánh Hoài, thì được biết
người cha của anh là ông Lê Khánh
Cần vốn là một học sinh Gia Định Huế
được Đại tướng kết nạp vào Đảng, và
mẹ anh - nữ nghệ sĩ Tân Nhân được vợ
chồng Đại tướng yêu quý như người
em gái trong nhà... Hoài đã ký tên hủi
của mình vì những tình cảm thiêng
liêng củ cha mẹ với đại tướng, nhưng
điều đáng quý là bài thơ đã giấu kín
được tình cảm cá nhân để có được chỗ
đứng của một nhân quần rộng lớn khi
nói về một Con người thuộc về lịch sử.
Câu chữ không có gì là mới. Thoảng
đọc qua, bài thơ có dáng vẻ thực mộc
mạc, với những khẩu ngữ và những
hình ảnh cùng những sự kiện có thực
về một Con người mà lâu nay người
dân đã từng quen thuộc. Có điều, người
làm thơ đã xử dụng khá nhuần nhị
những thứ đó như một thi liệu căn bản,
cấu trúc chúng lại trong cách bọc lộ
cảm xúc trữ tình về các đoạn đời một
Con người vĩ đại, để rồi kín đáo thể hiện
lòng kính trọng, tình yêu mến vô hạn
của đồng bào người Dân đối với vị Đại
tướng...■

THÁNG HAI HOA NHẪN

(Tiếp theo trang 7)

sáu tháng, phải xin nghỉ học để sinh con. Sinh xong
được vài tháng, nó gửi con cho ông bà ngoại, đi học tiếp.
Không hiểu sao, nó vẫn ở vậy nuôi con một mình...
Trong khi anh đang hoang mang, Vận đã giục, chưa gặp
thì đi mà gặp, nhanh lên! Nói rồi Vận đẩy anh ra đường.
Anh cầm cổ chạy như một cái máy. Lòng bồn loạn trước
những thông tin Vận cho biết. Anh có con ư? Nghĩa là
anh không đến nỗi tuyệt tự, như bấy lâu vẫn tưởng? Cô
gái ấy tên là Hoài, hả? Nàng đã lấy tên anh đặt cho
con? Và tên của công ty nàng, là tên của hai mẹ con
ghép lại? Hay nó hình thành từ đạo ấy, khi em mơ về
một ngày hội hoa nhĩn với đặc sản mật ong, và ghép
tên hai người yêu nhau? Chao ôi, em tri kỷ vậy sao! Anh

chợt bật cười thành tiếng, khiến người đi đường quay
mặt nhìn lại. Mặc kệ. Anh vẫn cười. Tiếng cười trẻ trung
và mãn nguyện, có được sau hai mươi lăm năm.

Nhưng chạy được một lúc, anh chợt khựng lại. Bế
bàng. Minh có quyền được gặp hai mẹ con nàng ư? Minh
có quyền gọi Hoài là con gái ư? Minh có tư cách
ấy không? Tự dưng anh thấy là người, bã bệu trong mỗi
bước đi. Và hoài nghi trong từng ý nghĩ. Anh bước thất
thểu dọc theo hè phố, như kẻ thất bại. Mỗi hồi rõ xuống
thành dòng trên mặt, trên cổ, ướt đầm đĩa lưng áo. Cuộc
đời trừng phạt mình đến thế này sao?

Kể thất bại là anh dừng bước dưới một vòm cổ thụ,
trước sân một ngôi đền cổ. Ngay sát trụ cổng, hai con
nghe đá ngồi trên hai bệ cao, chầu hai bên. Anh nhận
ra đền Thiên Hậu. Bao nhiêu mưa nắng gió sương, để

mọi cái thành rêu phong cổ kính nhường kia? Hai con
nghe đá vẫn sống cuộc đời của chúng, đầy sinh khí và
tinh cách lạ thường. Con bên phải miệng ngậm ngọc,
cười đắc ý. Con bên trái tay ôm con, miệng cười hả hê.

Chuyện kể rằng, ngày xưa, viên ngọc là của con bên
trái, còn đứa con là của con bên phải. Một cuộc y ước đối
chác xảy ra. Con bên phải có được viên ngọc, liền bỏ
ngay vào mồm. Viên ngọc đủ nhỏ để lặn lóc trong vòm
miệng, khoe khoang thiên hạ. Nhưng cũng đủ lớn để bị
những chiếc răng đá giữ lại, người đời không thể tở hào.
Con bên trái có được đứa con, thì ôm chặt vào lòng, đầy
mãn nguyện. Và người thợ dân gian tài hoa hàng trăm
năm trước, đã tạc khoảnh khắc ấy vào đá. Giờ nhìn kỹ
lại, điệu cười của con ngậm ngọc, trưởng giả và hợm của
lâm sao. Nhưng lại ẩn chứa sự xót xa lẽ làng không giấu
được, cứ phả ra về gương gạo và ngò nghệ!..

Những người thợ đá tự ngàn xưa, muốn nói với người
đời sau chuyện hai con nghe, hay đã tiên nghiệm
chuyện anh và nàng hôm nay?■

VŨ BÌNH LỤC

Lối nhịp ca dao

Rồi sẽ có ngày ngược về quê cũ
Nhật lấy tiếng cười xanh vắt tuổi thơ
Rồi sẽ có ngày gom bao thương nhớ
Chắt ra câu hát tìm trời như mơ

Rồi ra đừng đợi
Rồi ra ngồi chờ
Gốc đa bông trúc nghe người ầu ơ
Lỡ bước một chiều
Ngẩn ngơ một kiếp
Trăm năm thì ngắn
Một ngày dài ghê...

Cái đêm già bạn đối giảng đường về
Gió vàng hiu hắt náu người si mê
Những lời đinh ninh buộc vào giải yếm
Trăm năm thì ngắn
Một ngày lê thê...

Làng chài

Loi thoi doi cát trườn ra biển
Xanh thắm phi lao ngợp bông làng
Lấp lất mái vàng chen mái đỏ
Giữa ba bể gió mặn...chung chiêng

Làng cá sinh thành nơi cửa sông
Triều lên nước xuống thỏa thuê lòng
Quanh năm nắng đổ bầm vai mẹ
Dân chài như dáng gió nghiêng nghiêng

Dấu chân cần mẫn nhòe trong cát
Phơ phất lưới phơi rồi mắt nhìn
Tiếng trẻ gọi nhau chát bên cá
Nắng chiếu như mặt xối vàng lên

Mấy năm mê mãi phương trời lạ
Sắp giữa mưa sinh chốn thị thành
Bất chợt xóm chài trong trẻo quá
Muốn về uống đã gió khơi xanh!

NGUYỄN DỊCH LONG

Đêm Vầy Na nhớ em

Đêm chùng buồng bản Vầy Na
Vẳng nghe nai tác nhặt tha mẹ rừng
Từ quy lịm tắt ngang chùng
Sao xanh lữ bước ngập ngừng dặm khuya

Phố Bò xưa

Phố Bò xưa
Đường đá gồ ghề
Xác xơ quán lá
Dây xe bò vắt ngang vai gầy của mẹ
Bánh xe nhọc nhằn
Con phố lặng câm
Đêm cuối năm
Rét đứt da
Chân sưng đỏ
Mẹ bậm mình trở dạ
Con chào đời
Một mảnh khăn đơn
Trăng suông heo hút con đường...

Con lớn lên theo vết bánh xe
Lăn qua phận nghèo đời mẹ
Mẹ chịu chết
Táo tẩn sớm khuya
Bữa cháo, bữa rau
Vượt nạn đói tháng Ba tháng Tám
Nửa đời góa bụa
Nuôi con thành người

Mẹ vẫn tin sương khổ tại trời
Buồn vui định mệnh

Mỗi bận về làng
Qua phố Bò xưa ấy
Đâu bóng mẹ nghìn trùng với vợ
Cơn gió trở mùa se sắt bước chân con.

NGUYỄN THỊ LIÊN TÂM

Đêm dạ lan

Người đàn bà nhốt mình vào đêm.
Đêm bật ra tiếng thở dài. Trống vắng.
Con thạch sùng tặc lưỡi sấu đêm
Người đàn bà nhớ thương một thời hoa phấn

Căn phòng vẫn ngọt ngào mùi dạ lan
Gió thu vẫn mơn man lùa vào khe cửa
Người đàn bà giấu trái tim hừng hực lửa
Mơ hoài một ánh trăng di

Người đi. Hoa tàn. Vãn cử mãi đi.
Đêm, chỉ có ánh trăng khi mờ, khi tỏ.
Người đàn bà thả hồn theo ánh trăng về nơi cuối phố
Nơi có một người. Ngày xưa...

Người đàn bà đánh mất dịu dàng

Một ngày kia
Người đàn bà bỗng dung hoài nghi
Có điều gì đang xảy ra nơi người đàn ông chung thủy?
Hình như

trái tim anh đang bị đánh thức
Bởi một người đàn bà khác,
không phải là người đêm đêm đồng sàng cùng anh
Người đàn bà hoài nghi
bỏ vào lọ hoa một viên sỏi trắng
Và hình dung nó sẽ biến thành viên sỏi màu đen
tượng trưng cho sự khuất tất, dối lừa

Rối tự vấn:
Vì sao? Vì sao anh yêu người đàn bà khác
em nhiều đến vậy.

Khiến em phải ca thán em
Khiến em phải rùng mình khóc ngất
Anh ơi!
Có phải vì em đánh mất dịu dàng?

HỒ PHONG TỰ

Bèo

Biết gửi gì cho mai sau
Một đời khát vọng, một câu thơ buồn ?

Cử trôi, trôi đến ngọn nguồn
Héo khô chỉ gặp tiếng chuông vọng về

Trả cho trời đất câu thơ
Này xin giữ chút đam mê cõi người

Chẳng tin vào ánh sao trời
Tin đèn thờ mẹ thấp nơi mái nghèo

Sóng xô bầm dập cánh bèo
Mà hoa cứ tìm trong veo giữa đời...

Kìa như thu đã đến rồi
Ngẩn ngơ sắc lá vàng rơi chân cầu...

Biết gửi gì cho mai sau
Một đời khát vọng, một câu thơ buồn?

Bến Ghèn

Giá không có cái Bến Ghèn
Thì câu thơ cũ đã quên lối về
Lào thảo chén nước chân đề
Lời hẹn thì vắng, lời thề thì không

Bởi em gọi "Bến không chống"
Cho tôi bất chợt mệnh mông nổi buồn
Đất nghèo gửi nắng cho sương
Đậu vào tôi những cánh chuồn vu vơ...

Một thời bom đạn, nắng mưa
Mòn tro bạc đá, xanh bờ rêu phong
Ai đứng đợi, ai ngồi mong
Bến âm thầm bến, người trống bóng người...

Em giờ theo bạn cuối trời
Tôi về tìm lại hồn tôi
Bến Ghèn...

ĐOÀN VĂN THANH

Mũi Cà Mau

Mỏm đất cuối
Gió mặn, sóng duềnh

Giới hạn bởi những vật được xanh
Những cây được non - đội phù sa quẩy đập
Những cây được trẻ - choãi chân niu sông
Choãi ra biển
Những cây được già - kết nối rừng
Định đất.
Đất gọi người đất ấm
Rừng gọi chim rừng thiêng!

Mũi Cà Mau
Rừng được - là bướm xanh
Mướt gió
Cột mốc - mỏm đất cuối cùng
Nơi bắt đầu
Không giới hạn!

Đêm Côn Sơn

Bao mùa vãi
Tu hú về
Hạ chín

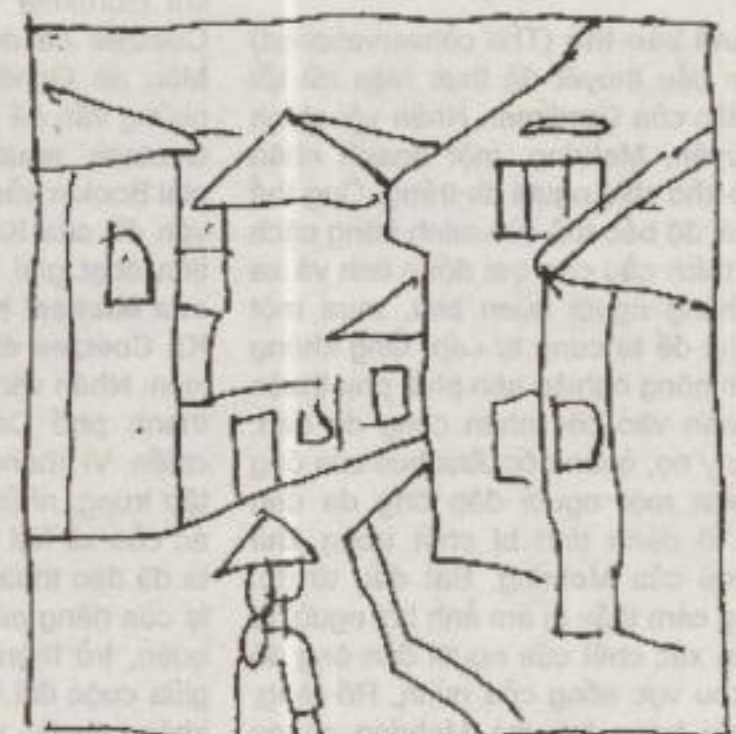
Sao Lệ Chi Viên
Khản giọng chim kêu
Ba họ đầu rơi
Trăm họ muôn đời đau buốt

Máu những cây vãi chảy ròng ròng
Mặn như nước mắt
Trong như nước mắt
600 năm còn chảy!

Côn Sơn sừng sững
Thông thành minh chứng
Trúc hóa bút nghiên

Mùa nay
Lên Côn Sơn
Trước bàn cờ đá
Tướng, sĩ, tượng, xe, pháo, mã
Vẫn vẫn xoay...

Bống! Một luồng sáng
Vút lên
Tôi ngược theo
Giữa trời
Vắng Sao Khuê vàng vạc!



VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

KHÔNG thể nói về văn học Nam Phi đương đại mà bỏ qua vấn đề phân biệt chủng tộc. Nó ám ảnh trong cả đọc và viết, là một phần quan trọng và là một cảm giác đặc trưng trong văn học Nam Phi, được thể hiện bằng cả tiếng Anh và tiếng Nam Phi bởi các tác giả nổi tiếng của quốc gia này như Zulu, Xhosa, Sotho, Pedi, Tswana, Venda, Siswati, Tsonga và Ndebele.

Khi Nadine Gordimer trở thành nhà văn Nam Phi đầu tiên giành được giải thưởng Nobel Văn học năm 1991 (ba năm trước khi kết thúc chủ nghĩa phân biệt chủng tộc đồng thời là giai đoạn đầu tiên mà FW de Klerk thực hiện công việc phá bỏ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc Apartheid), người ta đã tránh việc tôn vinh tác giả như là một người phản đối chế độ phân biệt chủng tộc. Thay vào đó,

khó chịu bởi các nhân công da đen trong trang trại đã chôn cất anh ta như một người thân. Đây là một câu chuyện ngụ ngôn nhẹ nhàng nhưng lan tỏa, tạo được lòng đồng cảm sâu sắc của người đọc. **Người tháng Bảy** có lẽ là tác phẩm gây tranh cãi nhiều nhất của tác giả này. Nó kết thúc với một mô tả bạo lực phân biệt chủng tộc, trong đó, người da trắng bị bức hại. Giống như **Đảo tối** (Fugue for a Darkening Island) của Christopher Priest, tác phẩm mô tả sự trả thù, giải phóng người da đen, nó đã khiến cho các nhà phê bình phải lúng túng.

Trong các tác phẩm sau thời kỳ phân biệt chủng tộc, Gordimer viết về sự gia tăng của tội phạm bạo lực. Trong một bài phát biểu, bà đã hùng hồn nói về mối quan hệ giữa Nam Phi và thế giới cũng như nhiệm vụ của các nhà văn Nam Phi:

đối. Tác phẩm đoạt giải Booker thứ hai của Coetzee, **Ruồng bỏ** (Disgrace), cũng xây dựng một nhân vật tương tự với K, đó là David Lurie, một giáo sư văn học đau đớn, dấn vật bản thân vì tình yêu đối với một nữ sinh.

So với các phản ứng thì những biểu tượng về chủ nghĩa thực dân và áp bức được tìm thấy nhiều hơn trong các tác phẩm của Coetzee. Trong **Thời thơ ấu của Chúa** (The Childhood of Jesus) hoặc trong **Đợi chờ quân man rợ** (Waiting for the Barbarians) hay **Thời đại đồ sắt** (Age of Iron), mối liên hệ giữa sự nhục nhã và chính trị của Nam Phi được miêu tả rất phức tạp và nan giải. Ủy ban Chân lý và Hòa giải của Nam Phi trong mắt Coetzee là một nghi ngờ và là "một khía cạnh quan trọng của sự ô nhục".

Phân biệt chủng tộc (Apartheid) là

hướng hiện đại. Nelson Mandela đã từng dùng một bài thơ của Ingrid Jonker, tác giả thuộc phong trào này, trong một bài phát biểu đầu tiên gửi tới Quốc hội Nam Phi.

Breytenbach, một nhà văn và nhà thơ của Nam Phi, người bị giam cầm trong tám năm vì tội phản quốc, đã từng tạo nên một cuộc tranh luận khốc liệt trên Tạp chí McSweeney với **Ghi chú từ Thế giới trung dung** (Notes from the Middle World). Thế nào là nghệ sĩ và nhà văn trong một thế giới toàn cầu hóa? Cuốn sách của Breytenbach đã ghi lại những va chạm giữa viễn tưởng và thiên tai, chấn thương chính trị và hy vọng đổi mới. Nó là một bức thư gửi ngỏ đến Nelson Mandela, phản ánh tình trạng nguy hiểm của hậu phân biệt chủng tộc Nam Phi. Và Etienne van Heerden đã chuyển đổi những mệnh đề của Breytenbach thành cuốn tiểu thuyết có tên **Sự im lặng vĩnh hằng của Mario Salviati** (The Long Silence of Mario Salviati). Đó là một cuốn tiểu thuyết có thể sánh vai với chủ nghĩa hiện thực huyền ảo của Rushdie, García Márquez và Ngũgĩ wa Thiong'o. Nó đã bị chỉ trích nặng nề bởi Christopher Hope, một tiểu thuyết gia của Nam Phi.

Trong nền văn học Châu Phi, đại diện của văn học tiếng Nam Phi là không nhiều. Cuộc tranh luận lớn giữa Wa Thiong'o và Chinua Achebe về vai trò tương đối của tiếng Anh và các ngôn ngữ Châu Phi đã không bỏ qua Nam Phi, nó chỉ đơn thuần là phải tạm ngưng khi đối mặt với một mối quan tâm cấp bách hơn. Hầu hết các nhà văn nổi tiếng của Nam Phi là da trắng có thể phản ánh nhiều hơn sự bất bình đẳng chung trong thế giới văn chương. **Nước mắt của Winnie Mandela** (The Cry of Winnie Mandela) của Njabulo Ndebele có thể sẽ là một "pha" hấp dẫn. Có một lịch sử văn học ghi lại những đáng tiếc trong văn học tiếng Nam Phi, đó là sự chậm trễ của **Cơn giận dữ của Tổ tiên** (Wrath of the Ancestors), một tác phẩm nổi tiếng của AC Jordan, được viết bằng ngôn ngữ Xhosa vào năm 1940. Nó chỉ được dịch sang tiếng Anh vào năm 1980, 12 năm sau khi tác giả qua đời. Lùi lại một khoảng thời gian nữa, vào năm 1925, **Chaka** (Chaka) của Thomas Mofolo bị bỏ rơi hoàn toàn. Các phiên bản **Chaka** chỉ thật sự trở nên nổi tiếng sau khi cha đẻ của nó đã bị đuổi ra khỏi nhà theo Đạo luật Đất đai của người Bantu vào năm 1937.

Cuối cùng, tất nhiên phải nhắc đến **Chặng đường dài đến Tự do** (Long Walk to Freedom), cuốn tự truyện của Tổng thống Nam Phi Nelson Mandela, được xuất bản vào năm 1994. Đây là một cuốn sách ghi lại từ thời thơ ấu đến trưởng thành và cả 27 năm tù giam của ông. Dưới sự cai trị của chính quyền phân biệt chủng tộc, Mandela đã bị coi như là một thành phần khủng bố, tuy nhiên, ông đã tìm được sự công nhận của quốc tế và trở thành người đứng đầu đất nước. Cuốn tự truyện của Mandela không chỉ là một cuốn hồi ký chính trị, nó còn bao hàm trong đó những giá trị đạo đức của một con người vĩ đại.■

VŨ THỊ HUỆ

(Lược dịch theo Theguardian.com)

*Stuart Kelly là biên tập viên văn học của báo Scotland Chủ nhật, đồng thời là một nhà văn và nhà phê bình tự do. Ông thường xuyên cộng tác với các tạp chí nổi tiếng như he Scotsman, The Guardian và The Times.

DI SẢN VĂN HỌC CỦA NELSON MANDELA

STUART KELLY* (Anh)

ban giám khảo ca ngợi bà như một tiểu thuyết gia đã "thông qua những văn bản trắng lệt mà đem đến rất nhiều lợi ích cho nhân loại", dù Nadine Gordimer thật sự đã dùng ngòi bút của bà để phản kháng chủ nghĩa phân biệt chủng tộc Apartheid.

Cha của Gordimer là một người tị nạn Do Thái, một người bạn của bà là Bettie du Toit bị bắt, nhà của nữ nhà văn cũng từng bị cảnh sát đột kích. Gordimer kết bạn với luật sư bào chữa của Nelson Mandela tại phiên tòa năm 1962. Giải Nobel Văn học là đỉnh cao trong sự nghiệp văn chương của bà. Trước đó, Gordimer đã từng được trao giải James Tait Black trong năm 1971 và giải Booker trong năm 1974. Tuy nhiên, sự công nhận của thế giới đối với bà song song với "bóng tối" của Nam Phi. **Thế giới những kẻ lạ mặt** (A world of strangers), **Người tháng bảy** (July's people), **Thế giới tư sản muộn màng** (The late bourgeois world), **Con gái của Burger** (Burger's daughter), đều bị nhà nước Nam Phi kiểm duyệt gắt gao, cho dù **Con gái của Burger** là một tác phẩm siêu thực.

Người bảo thủ (The conservationist) là cuốn tiểu thuyết đã thực hiện rất tốt công việc của Gordimer. Nhân vật chính của truyện, Mehrling, một doanh nhân giàu có khó chịu người da trắng. Ông thể hiện thái độ bảo thủ của mình bằng cách phóng thích cậu con trai đồng tính và xa lánh những người quen biết, mua một trang trại để tự cung tự cấp. Ông không biết làm nông nghiệp nên phải phụ thuộc hoàn toàn vào các nhân công da đen. Một ngày nọ, quản đốc Jacobus của ông phát hiện một người đàn ông da đen không rõ danh tính bị chết trong khu trang trại của Mehrling. Bắt đầu từ đó, Mehrling cảm thấy bị ám ảnh bởi người ta đã chôn xác chết của người đàn ông đó trong khu vực sống của mình. Rõ ràng, trong cái trang trại mà Mehrling chẳng biết làm gì khác ngoài việc đi loanh quanh, ông giống như người thừa. Tuy nhiên, ông vẫn không ngừng cảm thấy ghê tởm đối với người da đen đã chết và

"Khi tôi bắt đầu viết như một đứa trẻ cố chấp với vấn đề phân biệt chủng tộc và ức chế xã hội thuộc địa, giống như mọi người, tôi cảm thấy mình chỉ tồn tại bên lề của những ý tưởng, sự sáng tạo và vẻ đẹp thế giới. Phân biệt chủng tộc hình thành trong thơ ca, tiểu thuyết, kịch, hội họa và điêu khắc đồng thời là độc quyền trong các lĩnh vực mang tên "ngoại quốc". Đó là ước mơ của những người đương thời chúng tôi, màu da đen và màu da trắng, mạo hiểm là cách duy nhất để bước chân vào thế giới của những nghệ sĩ. Phân biệt chủng tộc giống như cánh cửa đóng kín trong câu chuyện của Kafka vậy, nó im ỉm trong suốt cuộc đời nhà văn và ông ấy không hiểu rằng, chỉ ông ấy mới có thể mở được cánh cửa đó. Phải mất khá nhiều thời gian để chúng tôi nhận ra rằng, chúng tôi nên làm gì để mở cửa cho thế giới bước vào cõi riêng của chúng tôi."

Năm 2003, Nam Phi đã có Nobel Văn học thứ hai với tác giả JM Coetzee. Coetzee và Gordimer trở thành hai cái tên được đưa ra để so sánh. Năm 2006, khi Gordimer vẫn sống ở Nam Phi thì Coetzee đã di cư và lấy quốc tịch Úc. Mặc dù Gordimer đã khắc phục được những vấn đề phân biệt chủng tộc, song Coetzee, người đã hai lần chiến thắng giải Booker vẫn còn tỏ ra ngờ vực. Nói về vấn đề của Kafka trong cuốn sách đầu tiên đoạt giải, **Cuộc sống và Thời đại của Michael K** (Life & Times of Michael K), Coetzee đã nói rằng, đó là một góc xiên. Nhân vật K sống trong bóng tối của thành phố Cape Town giữa cuộc nội chiến. Vì không chịu đựng nổi những trại tập trung, những bắt bớ, khổ cực, tàn ác của xã hội Nam Phi lúc bấy giờ, anh ta đã đào thoát và bắt đầu cuộc sống kỳ lạ của riêng mình ở một nông trại bị lãng quên, trở thành một kẻ bơ vơ, lạc lõng giữa cuộc đời và thời đại, một con người không thuộc về bất cứ kiểu phân loại nào, lặng lẽ sống, ngắm nhìn trong thế giới riêng và hờ hững với tất cả. K tuyệt thực vì chán nản, tuyệt vọng và chỉ có thể tìm đến tự do với việc để bản thân chết



một từ vay mượn từ tiếng Nam Phi, nó là sự kết hợp của bất công, nghịch lý, và phân biệt chủng tộc là không có ngoại lệ. Đó không phải là vấn đề màu da, đen hay trắng, phân biệt chủng tộc chia rẽ xã hội thành người bản xứ, người da trắng, da màu, da vàng. Chuỗi tiểu thuyết gần đây, **Xích chó** (Choke Chain) của Jason Donald, **Gọi nó là chó** (Call It Dog) của Marli Roode, **Thành phố thú vật** (Zoo City) của Lauren Beukes, **Trong phòng lạ** (In a Strange Room) của Damon Galgut's và **Trái đắng** (Bitter Fruit) của Achmat Dangor, đã giải quyết các nghịch lý bằng một số phương thức khá hay. Các tác giả phải đối mặt với xã hội Nam Phi đương đại và đã có một xu hướng "tội lỗi". Các nhân vật là tội phạm, HIV, AIDS ngày càng nhiều hơn và dường như đã trở thành phương tiện để giải quyết vấn đề phân biệt chủng tộc trong **Hoa hồng đẫm máu** (Blood Rose) của Margie Orford và **Những kẻ đi săn** (Trackers) của Deon Meyer.

Sự thống trị toàn cầu của tiếng Anh cũng đem đến những thách thức cho việc viết bằng ngôn ngữ Châu Phi. André Brink, tác giả của **Đạo luật khủng bố** (An Act of Terror) và **Mùa khô trắng** (A Dry White Season), có lẽ là tác giả tiếng Nam Phi nổi tiếng nhất. Cùng với Breyten Breytenbach, ông đã thành lập nên phong trào Tuổi 60 (The Sixty-ers), cố gắng kết nối văn học Nam Phi với xu

KỶ NIỆM LẦN THỨ 40 NGÀY MẤT CỦA NHÀ THƠ MAX ZIMMERING

“CÓ MỘT VIỆT NAM TRONG TRÁI TIM TÔI”

TRẦN ĐƯƠNG

Cái tin nhà thơ Max Zimmering qua đời đến với tôi quá đột ngột. Một năm trước (1972), tôi cùng mấy bạn sinh viên Việt Nam đến thăm ông tại bệnh viện trung tâm của thành phố Dresden, đã rất mừng thấy sức khỏe ông hồi phục trở lại, có thể được ra viện vào một ngày không xa. Tôi thổ lộ với ông về ý định sẽ đến thăm ông tại nhà riêng để nghe ông giới thiệu các sáng tác của ông về Việt Nam. Ông vui lắm. Đồi mắt đến sáng lên: “Tôi rất vui mừng được đón và tiếp anh. Trong trái tim tôi luôn luôn có một Việt Nam!”. Ông nói, rồi siết chặt tay tôi cùng các bạn trẻ Việt Nam lâu nay vẫn thường đến thăm ông tại bệnh viện.

Vậy mà, một cơn đau tim đã cướp mất ông - nhà thơ lớn, từng giữ những trọng trách quan trọng trong ngành báo chí, xuất bản, đào tạo, sáng tác văn học nghệ thuật. Ra đi ở tuổi 64 (1909 - 1973), quả là quá đột ngột, nhất là giữa lúc ông đang có nhiều dự định về sáng tác văn học, trong đó có việc sẽ xuất bản một tập thơ riêng về chủ đề Việt Nam. Trong những năm đầu của thập kỷ 70 thế kỷ trước, ông được coi là một trong những nhà thơ lớn của Cộng hòa Dân chủ Đức sáng tác nhiều nhất về Việt Nam. Có những nhạc sĩ như: Rudolf Wagner - Régeny, Hans Naumilkat phổ nhạc hầu hết các bài thơ đó. Mỗi lần đến thăm ông, các bạn sinh viên Việt Nam đều được ông quay đĩa để thưởng thức các bản nhạc thiết tha với lời thơ trong sáng, đầy tình cảm của ông dành cho Việt Nam. Những năm ấy, ở Cộng hòa Dân chủ Đức, phong trào ủng hộ Việt Nam chiến đấu chống đế quốc xâm lược dâng lên mạnh mẽ về mọi phương diện: chính trị, tinh thần và vật chất. Văn học - nghệ thuật cũng đóng một vai trò quan trọng. Thơ của Max Zimmering viết về Việt Nam được in ở nhiều nơi, riêng các bài đã phổ nhạc thường xuyên giới thiệu trên chương trình “Để cho tiếng hát vang lên bên sông Hồng” do Đài Tiếng nói Cộng hòa Dân chủ Đức để xướng. Toàn bộ tiền nhuận bút, thù lao đã được ông và các nhạc sĩ gửi vào Quỹ Đoàn kết ủng hộ Việt Nam.

Nơi gương ông, nhiều nhà thơ chuyên nghiệp và không chuyên ở thành phố Dresden - cùng các nghệ sĩ khác trên các lĩnh vực âm nhạc, hội họa, điêu khắc, điện ảnh... đã cống hiến nhiều tác phẩm quý về Việt Nam, được coi là thành phố có phong trào ủng hộ đặc biệt sôi nổi dành cho Việt Nam. Cái hôm đến thăm ông tại bệnh viện, Max Zimmering không nói gì với tôi về tác phẩm của ông mà đã nhiệt tình giới thiệu bài thơ “Việt Nam mến yêu” của Paul Wittmann, trong đó có những câu như:

“Bởi vì yêu từ tia nắng mặt trời
Từ khúc hát những đêm trăng lồng gió
Bởi vì yêu từ tiếng cười trẻ nhỏ
Nên Việt Nam đã quyết thắng cho đời.
Dân tộc nào cũng phải thế mà thôi,
Yêu cuộc sống - một tình yêu lớn rộng

Bởi yêu thế nên vô cùng tự trọng:
Không gì hơn độc lập, tự do!”

Sau khi ông qua đời một thời gian, tôi có gửi thư cho bà Zora Weil - Zimmering, phu nhân nhà thơ, xin bà sưu tầm và gửi cho những bài thơ ông viết về Việt Nam. Bà rất vui lòng đáp ứng nguyện vọng của tôi. Có bài bà sao lại từ sách báo, có bài đánh máy, tất cả được 15 bài. Tôi gửi thư và gọi điện nồng nhiệt cảm ơn bà, xúc động đọc từng bài, đồng thời dành thời gian tìm hiểu cuộc đời, sự nghiệp của ông. Việc tìm hiểu này giúp tôi cảm nhận đầy đủ hơn lý do ông trở thành một tác giả sáng tác nhiều bài thơ về Việt Nam.

Từng giữ nhiều trọng trách lớn, làm việc ở nhiều nơi trong nước, nhưng trong đời mình, Max Zimmering hầu như luôn gắn bó với Dresden - nơi ông ra đời, lớn lên, hoạt động trong phong trào công nhân và cộng sản từ năm 18 tuổi cho đến lúc đi xa, về cõi vĩnh hằng. Cuối những năm 20 của thế kỷ trước, ông đã có thơ và ký đăng báo. Trong chiến tranh, ông sống lưu vong tại nhiều nước, năm 1946 trở về thành phố quê hương - nơi bị đế quốc Anh - Mỹ bỏ bom, trở thành một đồng tro tàn. Ông có mặt và đóng góp sức mình vào việc xây dựng lại thành phố thân yêu bên sông Elbe ngay từ buổi đầu. Max Zimmering hoạt động trên nhiều lĩnh vực: viết báo cho nhiều tờ báo ở địa phương và trung ương; làm biên tập viên cho nhà xuất bản *Hình ảnh thời đại*, trở thành Chủ tịch Hội Nhà văn Bang Sachsen, rồi Thư ký thứ nhất Hội Nhà văn Cộng hòa Dân chủ Đức, Giám đốc Viện Văn học “Johannes R. Becher”. Ông đã được bầu làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức (SED).

Về sự nghiệp sáng tác văn học của Max Zimmering, giới nghiên cứu phê bình coi đó là “cuốn biên niên của phong trào công nhân Đức từ những năm 20 cho đến những năm đầu xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa trên đất Đức - để tài chủ yếu là đấu tranh chống áp bức bóc lột tư bản, chống chủ nghĩa phát xít, xây dựng và ca ngợi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đoàn kết quốc tế và tình hữu nghị giữa các dân tộc”. Thân tượng của ông là: Heinrich Heine, Heinrich Mann, Erich Weinert và nhất là Majakowski.

Ông sáng tác bằng nhiều thể loại: Thơ, tiểu thuyết, bút ký, kịch, truyện thiếu nhi, dịch thuật, phê bình lý luận, nghiên cứu... nhưng chủ yếu là thơ. Năm 1943, ông xuất bản *Tuyển tập thơ* và “*Mầm của cái mới*” (Thơ 1936 - 1943); tiếp đó là “*Gương mặt của thời gian*” (1930 - 1946), “*Trong gió gát ban mai*” (1953), “*Hãy nhìn, nắng cười cùng ta!*” (1955), “*Ngày đang gọi*” (1958). Về kịch, ông có tác phẩm “*Gia đình Balanchard*” (1944). Ông cũng là tác giả của bộ tiểu thuyết được đề cập nhiều trong lịch sử văn học Đức “*Phốt pho và hoa từ đỉnh hương*”, nói về sự sụp đổ và trỗi dậy của thành phố



Dresden (1954). Về thành phố của mình, ông còn viết “*Nhật ký Dresden*” (1960), tạo cho bạn đọc những ấn tượng sâu sắc về thành phố cổ kính và hiện đại này. Các tập bút ký “*Cuộc hành trình trên đất Tiệp Khắc*” (1953), “*Chuyến đi Triều Tiên*” (1955), “*Gặp Majakowski*” (1955)... giúp các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ nhiều hiểu biết mới mẻ về các nước anh em. Là một chiến sĩ chống phát xít, ủng hộ nồng nhiệt cuộc đấu tranh vì tự do của các dân tộc, ông viết nhiều bài thơ nhằm thúc đẩy và tăng cường tinh quốc tế của nhân dân Đức. Người ta ca ngợi bài thơ “*Tôi hối tội bọn hung thủ ở Công Gô*” đã diễn đạt sắc nét, mang âm điệu dễ thuộc. Riêng về Việt Nam, ngay từ năm 1950, ông đã có bài “*Ý nghĩ đêm Giáng sinh*” bày tỏ lòng thương mến và cảm phục các bà mẹ Việt Nam anh hùng trong cuộc chiến đấu chống thực dân. Liên tiếp các năm từ 1965 đến 1972, 1973 ông sáng tác hơn 10 bài riêng về chủ đề Việt Nam, để cập niềm tin tưởng vào chiến thắng ngày mai của nhân dân ta (“*Hãy tin ngày ấy sẽ đến!*”, “*Hùng vĩ Việt Nam*”, “*Đồng Hới*”), lòng căm thù đối với giặc Mỹ tàn sát các xóm làng Việt Nam, tiêu biểu nhất là bài “*Sơn Mỹ*” viết năm 1969, trong đó có đoạn:

“Sơn Mỹ! Sơn Mỹ! một cái tên! một âm thanh mới lạ!

Như ngày xưa... tôi nào biết

Cho đến một sớm mai, cả làng quê bị chôn vùi trong khói lửa.

Những xác người chống chất, tái tê...

Sơn Mỹ! Sơn Mỹ! Tôi nghe rõ tiếng kêu của bao người đã khuất

Của các em thơ trong sợ hãi, giẫy vò

Ôi những tiếng kêu tưởng chừng rung

trái đất

Những tiếng kêu đòi trả lại tự do!”

Max Zimmering đã đi xa từ 40 năm trước, nhưng lạ thay, qua thơ, dường như trái tim ông vẫn đang đập cho Việt Nam. Đặc biệt, với âm thanh từ bản nhạc của Hans Naumilkat, chúng ta vẫn nghe rõ tiếng nói của tâm hồn ông:

Bài ca Việt Nam

“Các em, những em nhỏ của
“Mảnh đất - phương Nam”
Hãy tin ở các anh, các em là người
thân thiết

Các anh đã đọc
về sông Cửu Long,
về đồng bằng - tên là sông Cái.

Giờ đây
các anh nghe tiếng bom rơi
Nghe rất gần
Rơi trên đất nước các em
các anh học ghét
Ghét những tên giết người, từ USA.

Vì vậy, không một ngày - dù chỉ một
ngày trôi qua
các anh không nghĩ tới các em
các anh không làm một việc tốt
Để ủng hộ các em, trong chiến đấu.

Các anh nhìn thấy trong tấm ảnh
Những ngôi đền, những mái chùa
Nằm giữa những khu vườn lồng lầy và
nhìn thấy
Những người nông dân đang gặt lúa,
hái trái cây
Những người thợ mỏ đang bước ra từ
hầm lò

Giờ đây
các anh nhìn thấy
Những túp lều bị thiêu trụi,
Những cánh đồng, những khóm lúa,
Những bệnh viện, những trường học
bị phá hủy,
Và làn khói đen
Và ngọn lửa ngút cháy.

Vì vậy, không một ngày - dù chỉ một
ngày trôi qua
Các anh không nghĩ tới các em
Các anh không làm việc tốt
Để ủng hộ các em, trong chiến đấu.

Cũng như các anh,
Các em ước mơ và ca hát
Các em bên dòng sông Cửu Long
Các em bên dòng sông Cái
Cũng như các anh,
Các em thích ước mơ, ca hát
Các em - miền sông Cửu Long
Cũng như các anh,
Các em mong được học trong
hòa bình.

Và, thuộc về các em
tương lai, hạnh phúc.
Nhưng, giờ đây
Các em phải hy sinh và đang

chiến đấu
Cho tới khi đuổi sạch quân cướp nước
Cho đến khi đánh nhào bọn lính
đánh thuê

Cho tới khi quét hết bụi chur hầu của
giặc xâm lăng.

Vì vậy, không một ngày - dù chỉ một
ngày trôi qua

Các anh không nghĩ tới các em
Các anh không làm một việc tốt
Để ủng hộ các em - trong chiến đấu.”

Hà Nội, mùa thu 2013

CHUYỆN LÀNG VĂN NGHỆ

MỪNG TUỔI LÚA

NGÔ XUÂN HỘI



NHỮNG năm cuối tám mươi của thế kỷ trước tôi công tác ở Nhà xuất bản Nghệ Tĩnh, mỗi dịp cuối năm hay vào Huế bán cuốn thư, câu đối cùng một số văn hóa phẩm khác. Kinh phí cơ quan cấp eo hẹp, đến Huế tôi thường tá túc nhà bạn bè, trong đó có nhà Nguyễn Trọng Tào. Nói nhà anh nhưng thực ra vợ chồng con cái anh sống cùng ông bà ngoại của hai cháu trong một nửa ngôi biệt thự Pháp cũ nằm đầu đường Nguyễn Huệ, gần ga Huế, lên xuống tàu cũng tiện.

Căn phòng nhỏ phía tiền sảnh ngôi biệt thự vừa là phòng khách vừa là phòng làm việc của chủ nhân, kê cái giường một. Tôi ngủ ở đó. Nguyễn Trọng Tào dậy sớm. Nhiều hôm tôi đang ngủ đã thấy anh bật đèn bàn lên làm việc, sau đó thì xuống bếp chuẩn bị bữa sáng, thường là cơm rang ăn với món sớ trường gan lợn áp chảo, hoặc cà muối, cá kho. Sau khi tắm rửa xong đã đầy bằng vài chén cơm, anh kéo tôi đi tìm chỗ nhậu, địa điểm đầu tiên chúng tôi nhắm tới là trụ sở Hội Văn nghệ tỉnh ở 26 Lê Lợi. Tới nơi, gặp gỡ chuyện trò với một vài anh em bạn nắm tình hình, nếu thấy khả năng sẽ có một cuộc nhậu nào đó được tổ chức, chúng tôi ở lại chờ chung vui, mà không thì lại đi đến một nơi nào đó kỳ cho ra vấn đề mới thôi. Ngày ấy anh em ai cũng trẻ, ai cũng nghèo, nhậu đơn giản, thức uống: một chai rượu gạo, mỗi là vài quả và chấm nước, một ít rau xanh, sang nữa thì thêm xầu nem, tré... thế nhưng kiếm được tiền để nhậu đòi hỏi cả một sự lao tâm khổ trí.

Đồng hành không mệt mỏi cùng Nguyễn Trọng Tào trong các cuộc nhậu có Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Quang Lập, Ngô Minh. Hễ người này ới một tiếng những người kia lập tức có mặt. Tôi là khách, lần đầu diện kiến Huế, những cuộc nhậu giúp tôi gặp gỡ làm quen với các tao nhân mặc khách đất Thần Kinh. Nhưng Nguyễn Trọng Tào sống ở Huế đã lâu, thuộc cổ đồ từng đường ngang lối tắt mà xem ra nhu cầu đi và gặp của anh còn bức thiết hơn tôi. Lúc nào anh cũng cảm tưởng như có ai đang gọi mình ngoài đường. Tới nơi, giáp mặt bạn bè, nói dăm câu ba điều nếu thấy không ai có khả năng chịu trận, anh liền lục túi mình và giục mọi người lục túi tìm tiền đóng sớ hội, nhậu tại chỗ hoặc kéo nhau ra ngồi quán cóc vỉa hè. Nhưng thường là thế này, mấy ông ngồi với một chai rượu giữa bàn chuyển tới chuyển lui câu đố. Một, hai người tới nhập cuộc, đăm chiêu đi còng dài. Trong những vị nhập cuộc sau thế nào rồi cũng có một vị như con cá mất cảnh giác, ngờ nghệch dớp mồi. Một trong những con cá ấy là anh Nguyễn Huy Tường, giám đốc xí nghiệp mây tre xuất khẩu. 9 giờ sáng anh Tường chạy xe trên đường, nghe Nguyễn Trọng Tào ới một tiếng liền ghé vào. Thấy các sĩ phu nhậu đậm bạc quả, anh nổi máu Mạnh Thường bỏ tiền bao cả đám uống bia Heniken đến quá chén. Bia Heniken thời ấy cũng ví như nước cam lỏ của Bô tát, được một lon đã quý nói chi đến xài xả láng, ai nấy nói cười hi hà...

Bia rượu vào, chuyện nỏ như ngô rang, toàn những vấn đề thuộc hàng quốc kế dân sinh, nếu những nhà cầm trịch quốc gia nghe được rồi đem áp dụng vào việc hoạch định chính sách cho đất nước, chắc nền kinh tế nước ta đã khởi sắc từ lâu. Rồi đọc thơ, bàn chuyện, từ Tư bản luận, Mỹ học Heghel, Lão Tử, Khổng Tử đến... sinh đẻ có kế hoạch, đủ cả. Vào cuộc rượu, Nguyễn Trọng Tào lịch sự như người Pháp, cảm ly năng nang mảy cung kính nhấp một ngụm, sau đó ngừng một tý cho vị rượu thấm môi để kiểm tra xem chai rượu mình đang uống thuộc loại nào, rồi anh đặt ly xuống phân một câu được hoặc không. Nhưng rượu luôn luôn mua ở quán quen nên câu phân thường là được. Lại cảm đưa gấp một miếng mồi nếm thử, không "rượu ngon nhắm với nói cười" như Hoàng Phủ Ngọc Tường, nhưng Nguyễn Trọng Tào cũng không thuộc loại phá mồi. Với anh mồi là để tăng thêm hương vị rượu, rượu là để câu chuyện được thăng hoa, uống ăn đúng mực nói năng phải lời, không to tiếng bao giờ. Nhưng khi đã ngấm hơi men rồi thì trời cũng nhỏ, lúc ấy nếu nghe ai nói một câu nghịch nhĩ, anh sẵn sàng dằn ly xuống bàn có khi đến vỡ tan, "vàng nát không chừng cốc đã tan" là vậy, rồi lăn ra... ngủ. Bởi những sự cố như thế, Nguyễn Quang Lập đã hơn một lần tuyên bố với tôi:

- Từ nay tôi không nhậu với ông Tào nữa!

Tôi cười:

- Đất này, ông không nhậu với ông Tào thì nhậu với ai!

Và đúng vậy, lập tuyên bố hôm trước, hôm sau tôi đã thấy hai ông "...lướt khướt diu nhau bước" trên đường.

Thấy Nguyễn Trọng Tào nhậu say hay chứng tình, anh em bạn nhậu mỗi bảy tám bữa dờ các cuộc nhậu về nhà anh ở số 2 Nguyễn Huệ. Nguyễn Trọng Tào Ờk, gì chứ rượu thì anh luôn rộng lòng.

Thời ấy cả nước đang có phong trào nuôi cá trẻ phi,

cứ theo lời đồn thì cá trẻ phi ít ăn mà chóng lớn, nuôi vài tháng mỗi con cho cả ba bốn ki lô là thường. Nghĩ vợ dạy ở trường Nông lâm, việc nuôi cá đúng nghề của nàng, Nguyễn Trọng Tào mới cho xây một cái bể đồ sộ ở sau nhà. Xây xong anh bơm nước, thả cá vào đó, yên tâm năm sáu mươi ngày sau cá lớn cả làng Huế tới nhậu không hết. Nhưng nuôi mãi không thấy trẻ phi lớn, mà nhà Nông học thì cứ bằng quan coi như chuyện của ai, cho ăn bữa đực bữa cái. Cũng may cá không như heo, bị bỏ đói dài ngày chúng vẫn im như nước, chỉ có điều ngừng tăng trưởng. Cá không chịu lớn mà bạn nhậu thì cứ tới rầm rầm, mỗi lần bạn tới Nguyễn Trọng Tào lại cầm vợt đi ra bể bắt cá, bé còn hơn không. Những con cá trẻ phi nuôi giáp năm mà chỉ to bằng cán liềm, được anh vớt lên làm mồi. Đều đều như thế, khi tôi trở lại Huế thì cái bể đã cạn trơ đáy.

Dù có tổ chức cuộc nhậu ở nhà Nguyễn Trọng Tào, anh em cũng thưa. Nguyễn Trọng Tào có thói quen xong chỗ này đi chỗ khác, không nhậu một chỗ bao giờ. Ở nhà anh, khi khách nhậu thấy đã đủ đồ, chào chủ ra về. Trăm lần như một, chủ dọn vội dọn vàng bạn nhậu để còn kịp tiễn khách về... đến tận nhà khách luôn! Và tại nhà khách hai bên đối ngồi, một cuộc nhậu mới lại bắt đầu. Và lại so với anh, các bạn nhậu đều kẻ nửa cân người tám lạng. Lần tôi, anh, Mai Văn Hoan nhậu ở nhà Ngô Minh, câu chuyện loanh quanh chẳng biết thế nào lại dẫn về thơ Tố Hữu. Mai Văn Hoan là nhà giáo, giảng dạy thơ Tố Hữu có thâm niên, trong cơn say tưởng mình đang đứng lớp và các bạn nhậu là những cậu tú, mới trở tài hùng biện nói về cái hay trong thơ Tố Hữu. Ngô Minh ngồi vọc mồi, giữa hai cái lỗ mũi suốt không trôi, nổi khùng chửi. Sau một hồi khẩu chiến, thấy đối phương ngoan cố giữ nguyên lập trường, Ngô Minh điên tiết chồm lên túm tóc Mai Văn Hoan ghì xuống. Mai Văn Hoan đau khổ vì thân tướng một đời của mình bị Ngô Minh "hà bệ", mới vịn hết mười thành công lực túm lấy áo Ngô Minh vật. Cả hai lăn tròn trên chiếu rượu. Không đành như tôi "toa sơn quan hổ đấu", Nguyễn Trọng Tào lao vào can. Anh lôi được người này ra thì người kia lại lần xả vào đối phương. Bấy giờ nàng Tâm, vợ Ngô Minh xấn vẩy quai cồng từ dưới bếp chạy lên hét toáng, hai ông mới chịu rời nhau ra. Câu thơ "bạn bè ở Huế thương nhau thiệt/ một đứa vợ la chực đứa kinh" của Nguyễn Trọng Tào sau đó, đáng lẽ phải chia bản quyền cho nàng Tâm mới đúng.

Trên đường về Nguyễn Trọng Tào bảo tôi:

- Thăng Ngô Minh bé con con thế mà khi động đến dây thơ hàng lên khỏe gồm, tao can không được.

...

27 tết Canh Ngọ 1990, ông anh cả tôi ở Nam Đàn xuống Vinh chơi. 10 giờ đêm, hai anh em đang soạn giường chiếu chuẩn bị nằm ngủ thì Nguyễn Trọng Tào vừa đi ô tô từ Huế ra, ghé tôi ngay. Ngồi trên tầng 5, nghe tiếng anh gọi tôi vội xuống đón lên.

Sẵn bình rượu chuẩn bị uống tết, tôi lôi ra. Trà tam rượu tứ, nhưng cận tết anh em ai cũng bận, và lại đêm đã khuya nên tôi không gọi bạn văn nào, cùng ông bác ngồi tiếp anh. Nguyễn Trọng Tào gấp một con cá rô tôi kho ăn thử, lại gấp một quả cà, một gấp dưa cải đưa lên miệng:

- Ngón! - Anh buột miệng khen - Cái gì mầy cũng biết làm thế này, chắc rồi khổ.

Thấy anh ăn ngon miệng tôi mừng, còn những suy đoán của anh về sự xuống khổ không làm tôi băn khoăn. Ba anh em chúng tôi vừa uống rượu vừa chuyện trò, chủ yếu Nguyễn Trọng Tào nói, còn tôi và ông bác chỉ hỏi khơi chuyện. Chúng tôi ngồi hiên như ba ông đầu rau trong đêm khuya, phố phường chung quanh yên ngủ, ngoài đại lộ Quang Trung thỉnh thoảng một chiếc ô-tô chạy vù qua vọng tiếng lên rung cả cửa kính phòng. Anh trai tôi là một cây rượu có hạng, nhưng trước lối uống lai rai của Nguyễn Trọng Tào thì anh chịu thua, xin phép lên giường nằm, chiếu rượu còn tôi và anh bác chỉ ngồi. Chúng tôi nói với nhau đủ thứ chuyện. Nguyễn Trọng Tào là con trai trưởng, dưới anh còn năm người em, nhưng tết nhất giỗ chạp anh luôn về nhà. Bố anh mất đã 17 năm, 17 lần giỗ chưa giỗ nào anh vắng mặt. Ngay cả những năm chiến tranh đóng quân ở giáp Lào, đến kỳ giỗ bố anh vẫn tìm cách về bằng được, thực đáng nể.

Tôi nhìn lên đồng hồ treo tường, kim ngắn chỉ số 2, kim dài chỉ số 12. Trong lúc đó Nguyễn Trọng Tào càng uống càng hào hứng, không có ý gì chuẩn bị đi ngủ. Tôi nghĩ bụng thôi rồi, điều này bạn hiền sẽ cho mình thức trắng đêm đây. Ngồi một lúc nữa, mệt quá tôi mới lay ông bác dậy vào ca thay tôi tiếp nhà thơ. Lưng chưa chạm chiếu mắt tôi đã nhắm tịt lại. Ngủ được một lúc tôi lại bị ông bác lay dậy giao ca, vì ông cũng mệt quá. Cứ thế hai anh em tôi thay phiên nhau ngồi uống rượu với anh suốt đêm. 6 giờ sáng, bình rượu hai lít của tôi cạn

trơ đáy. Nguyễn Trọng Tào đứng dậy múc một ca nước lạnh vỗ vào mặt, bảo tôi:

- Đi!

- Đi đâu?

- Sang bác "Thọ cái lương" chơi.

Qua một đêm mất ngủ, tôi chỉ muốn nghỉ ngơi. Nhưng Nguyễn Trọng Tào sau khi trải hành trình Huế - Vinh gần 400 cây số, ngồi thức uống rượu suốt đêm, sáng ra vẫn hào hứng đi thì tôi thấy mình đúng là đồ cá ươn nếu cứ nằm ở nhà, thế là đành cút cung theo anh.

Nhà bác "Thọ cái lương" ở gần Mộ Cháy. Bác đặc biệt hâm mộ Nguyễn Trọng Tào, luôn coi anh như thượng khách. Tới nơi, chúng tôi thấy bác và bạn thơ Phan Hồng Khánh đang ngồi chờ bên một bàn nhậu đã chuẩn bị sẵn. Hai bên tay bắt mặt mừng. Tôi rí tai bác Thọ và Phan Hồng Khánh chuyện ông bạn vàng của các bác suốt đêm qua một mình ngồi cửa sổ hai lít rượu nhà tôi. Cả hai mỉm cười. Nhìn cách cười, tôi biết các ông này đã hơn một lần chịu trận Nguyễn Trọng Tào nên cũng yên tâm, nghỉ quá lắm 10 giờ sáng mình sẽ được giải phóng. Nhưng kỳ lạ là vào cuộc rượu, Nguyễn Trọng Tào vẫn uống như chưa bao giờ được uống. 9 giờ trôi qua, 10 giờ trôi qua... không thấy anh có vẻ gì như sắp sửa lên xe về Diễn Châu cả. Đồng hồ điểm 11 giờ, Phan Hồng Khánh nhìn đồng hồ. Anh là chủ gia đình, 28 tết rồi, còn nhiều việc phải lo.

- Ngồi yên - Nguyễn Trọng Tào cấm ly rượu của Phan Hồng Khánh đánh cái cộc xuống bàn - Uống đi! Tôi là con trai trưởng, còn phải đi 40 cây số nữa về quê lo tảo mộ mà chưa vội thì ông vội gì.

Phan Hồng Khánh ngồi im, nụ cười nở sau vành râu quai nón vẻ biết lỗi. Thêm một giờ đồng hồ nữa trôi qua. Đến lúc này không chỉ Phan Hồng Khánh mà cả bác "Thọ cái lương" cũng lăm lét nhìn đồng hồ. Không đếm xỉa gì đến về sớ ruột của chúng tôi, Nguyễn Trọng Tào cứ uống và cứ nói, lúc này có vẻ như anh đã ngấm rượu, giọng bắt đầu nhừa nhựa. Đúng ngo, bác Thọ đứng dậy nói nhẹ nhàng:

- Thôi, Tào đi ta kết thúc ở đây nhé. Ông còn phải về Diễn Châu nữa.

- Ừ, cũng phải về chứ nhĩ - Nguyễn Trọng Tào như sực tỉnh, rót đầy bốn ly rượu. Cầm một ly nâng cao, anh nói - Chúc mừng năm mới!

Phan Hồng Khánh nghĩ thời cơ giải phóng đã đến, mừng quá vội luyến quỳnh uống cạn ly của mình. Nguyễn Trọng Tào không trầm ngâm, anh nhấp một ngụm rồi lại ngồi xuống ghế. Khánh chưng hửng. Cuối cùng thì Nguyễn Trọng Tào cũng uống hết ly rượu, sau đó đứng dậy cảm ơn và chào chủ nhà để hồi hương. Ba chúng tôi dặt xe đạp rồ rồ theo sau tiễn anh ra bến xe. Nguyễn Trọng Tào ngồi sau xe đạp của tôi, cả bọn nhòm phía Bắc thẳng tiến, ngang qua cánh đồng lúa, bất chợt anh nhảy xuống. Tưởng anh xuống làm "nhẹ người", tôi phanh xe lại chờ thì đã thấy Tào vai khoác túi, chân mang giày, xấn xấn đi xuống ruộng. Sau vài mươi bước chân, nhìn xung quanh mình là những bụi lúa xuân mơn mớn, anh đứng lại thọc tay vào túi quần, lôi ra một nắm tiền với đủ loại mệnh giá, miệng nói to niêm cảm xúc dâng trào:

- Chào Lúa xinh đẹp, sao các em xanh tốt thế? Anh yêu các em! Anh mừng tuổi các em!...

Rồi như nhà nông gieo mạ, anh quai tay vung nắm tiền khắp sau lưng, trước mặt. Trong ánh vàng rực của buổi chiều cuối năm, những tờ tiền như những cánh chim trước gió lừng lờ bay, gặp không khí thoáng đãng của mùa xuân chúng lưỡng lự một lúc rồi lần lượt đầu xuống những bụi lúa, những vạt nước chân ruộng. Một cơn gió nhẹ thổi, những tờ tiền nằm trên lúa lật úp lật ngửa tiếp tục bay, chỉ chịu nằm yên khi rơi hẳn xuống ruộng.

Chúng tôi há mồm ngạc nhiên. Sau đó cả bọn tụt giày đi xuống ruộng lúa, Phan Hồng Khánh đi Nguyễn Trọng Tào lên bờ. Bảo hai tôi và bác Thọ cứ phải lội khắp ruộng lúa nhặt từng tờ tiền một, tờ khô gấp lại, tờ ướt lau khô nhét trả vào túi anh không thì năm ấy Nguyễn Trọng Tào mất tết.

Chúng tôi nhặt kỹ lắm, nhưng không chắc đã hết, bởi mùa gặt năm ấy lúa ở ruộng được Nguyễn Trọng Tào mừng tuổi bội thu hơn hẳn ở những thửa ruộng khác. ■

(*) Lò rượu chị Hiếu trên dốc Phú Cam, nổi tiếng ngon.

(**) Những câu in nghiêng trong bài là thơ NTT.

VÂN LONG Đỉnh gió

Gió hú
Núi thông
Chàng thi sĩ khổng lồ
U ơ đêm gió dậy
Tìm chữ lửa, cho đam mê rực cháy

Gió hú
Núi thông
Tiếng tiêu trời
Sầu vạn cổ hồn tiêu bi thiết
Gió hú
Núi
Thông đôi làm người

Đứng thẳng
Xanh tươi...

Về bản thể

Rủ phố Bụi
Về ngõ Xanh
Về với bé Miêu lên ba lém lỉnh
với con Phốc đánh hanh
bằng những dọa trẻ qua đường

Về với thơ ngây trong suốt
Ngô nghệ hàm súc
Hồn nhiên như Đất
như Trời

Đọc ngõ Xanh
Ba ông cháu thông dong...

Thật và giả

Tôi chọn từ vườn năm bông cúc tím
Thật hài hoà – men rạn – một bình hoa
Chợt đỏ mặt vì lời reo cô bé:
Hoa ni lông đẹp quá, chú à!

Sự hoàn mỹ của thiên nhiên đến độ
Sau nhịp cười ran
Tôi bỗng nghi ngờ...

Bến lở

Khi tôi chưa tới đây
Đám lục bình vẫn trôi mãi miết
Bến vẫn lở vì con nước xiết?

Khi tôi chưa đến đây
Tóc em vẫn dài như sông
Tiếng chuông chùa nhỏ giọt
Con họa mi cuối vườn xoài vẫn hót
Và số phận con người
Vẫn bên lở bên bồi...

Cả một đêm tâm sự vui đầy
Nước mắt chớp sau mi...

Tôi chỉ có hai bàn tay
Cộng thêm cuộc đời – như giọt nước
Mà nỗi đau em sa mạc!

Mảnh đất ấy - Số phận em
Mãi mãi
Nặng hành trang cuộc sống riêng tôi!



NHỮNG CÂU THƠ CỦA MỘT NHÂN CÁCH

NGUYỄN QUANGTHIỆU

TRONG bản thảo tập thơ *Một chút* ông đưa cho tôi trước kia và bây giờ là bản thảo tập thơ *Đôi điều với con* (sửa chữa và bổ sung), bài thơ được để đầu tiên của cả hai tập thơ như là một lời tâm sự thật xúc động, một thái độ thật rành mạch và cả một nỗi buồn xa xôi, kín đáo nào đó. Tôi đã đọc bài thơ ấy và dừng lại rất lâu ở hai câu cuối:

*Nếu ai đó đọc thơ tôi
Đọc xong vô cảm thì tôi rất buồn.*

Lúc này, tôi đang hình dung một cái gì đó vượt qua cả thi ca. Đó chính là cuộc đời với sự chia sẻ của những con người. Theo tôi, Dương Đức Quảng đã viết những bài thơ trong cuộc đời mình với nhiều mục đích. Nhưng có một mục đích rất quan trọng là tìm kẻ tri âm. Đôi khi, ta lại trở thành người tri âm của chính ta. Trường hợp này thấy rất rõ trong sáng tạo thi ca. Với tất cả những gì ông viết trong tập thơ: ký ức về người thân, về chiến tranh, nỗi buồn nhân thế, sự cảm nhận thân phận... thì người đọc không thể vô cảm. Văn bản lần thứ nhất thuộc về Dương Đức Quảng còn văn bản lần thứ hai của chính bài thơ đó lại thuộc về bản thân ông mà cụ thể là tôi lúc này. Hai câu thơ thật giản dị. Giản dị như thể làm thơ chẳng có khó khăn gì. Nhưng điều khó khăn rất lớn đối với người đọc là có khả năng dừng lại ở hai câu thơ đó và suy ngẫm.

Nếu ai đó vô cảm trước những câu thơ của ông thì không chỉ ông mà chính bản thân tôi cũng thấy trong lòng dâng lên một nỗi buồn. Bởi trong những bài thơ của ông, cao hơn cả ngôn từ là hiện thực của một đời sống ông đã trải qua với máu của những đồng đội đã hy sinh, với nước mắt của những mất mát và tan hợp, với tình yêu trong bom đạn của chiến tranh

và trước thách thức của cuộc đời, với những ký ức ám ảnh như mộng mị, với những trống vắng trong lòng mà ta không lấp nổi và với những suy tưởng về nhân thế. Và với cái chết trong những năm tháng đó luôn luôn bám theo đồng đội ông và bám theo ông. Lẽ nào chúng ta đi qua những điều ấy với một trái tim giá lạnh? Nỗi buồn của ông ở đây không phải nỗi buồn về cái gọi là *Thơ* mà là nỗi buồn về *Tình người*. Hai câu thơ ấy không chỉ cho tôi thấy ông có những khoảnh khắc thăng thốt về cái *Tình người* đang có nhiều vô cảm trong đời sống hiện đại của chúng ta và chúng ta thật sự đang lãng quên đi không ít những điều đã làm nên ý nghĩa của đời sống và lẽ làm người của xứ sở này. Với hiện thực đời sống trong những năm tháng này, tôi thực sự cảm thấy hai câu thơ đó là một bức thông điệp. Tôi tin sẽ rất nhiều người khi đọc hai câu thơ đó sẽ cùng mang một cảm nhận như tôi.

Tôi quen biết ông đã lâu. Ông là một con người giản dị và chân thành. Từ ông luôn luôn mang lại cho chúng ta cảm giác của sự gần gũi và tin tưởng. Điều làm tôi rất kính trọng ông là sự im lặng của ông. Chính sự biết im lặng ấy đã cho ông những câu thơ, những bài thơ mà tôi có lúc đã giật mình. Ông im lặng nhưng lòng ông luôn luôn cuộn chảy bởi ký ức và những suy ngẫm có khi dẫn vật đau đớn. Hầu như mỗi bài thơ của ông là một câu hỏi về chính ông và về chúng ta. Câu hỏi về đạo làm người mà chúng ta phải trả lời một câu trả lời dài đúng bằng cuộc đời mình kể từ sinh cất tiếng khóc chào đời và khi rời bỏ thế gian này. Tôi không phải là một người lính, nhưng tôi đã cảm nhận, đã hình dung về một mảnh đất mà ông và đồng đội ông đã đi qua. Ở đó là ranh giới giữa sự sống và cái chết, ở đó là câu trả lời về nhân cách của những con người. Và ông cũng biết bao đồng đội đã đi trên mảnh đất ấy mà không hề gục ngã. Có biết bao đồng đội ông đã hy sinh nhưng niềm kiêu hãnh của họ không bao giờ gục ngã. Trở về từ chiến tranh, ông lại đứng trước những thử thách

khác mà có lúc có phần nguy hiểm hơn khi đối mặt với kẻ thù trong chiến tranh. Bởi kẻ thù trong hòa bình của ông, kẻ thù khi ông có quyền chức không hiện ra rõ ràng mà lặng lẽ bám theo ông không bao giờ biết mệt mỏi và thường thì thâm diệu ngọt và mím cười với ông. Nó chờ một cơ hội để hạ gục ông hay nói chính xác là hạ gục danh dự và nhân cách ông. Nhưng vẫn như những năm tháng chiến tranh tàn khốc, ông lại đi qua và chiến thắng bằng một thứ vũ khí của lòng tự trọng, của sự chân thành và của nhân cách sống của ông.

Tôi giật mình không phải vì những thủ pháp ông dùng trong ngôn ngữ hay hình ảnh thi ca. Bởi ông làm thơ không phải là việc làm thơ của một nhà thơ. Ông làm thơ với nhu cầu tự thân, như tiếng cười vang lên khi vui, nước mắt rơi xuống khi buồn, như xa xôi thì thương nhớ, cách biệt thì tái tê... Cái ông làm tôi giật mình là những suy ngẫm và bản lĩnh sống của ông. Trong bài thơ *Thử khác mình*, ông thực sự làm tôi lúng túng. Tôi không bao giờ nghĩ một con người đã ở vào tuổi "tri thiên mệnh" từ nhiều năm rồi như ông, đã và đang giữ những vị trí sang trọng trong xã hội như ông, đã có một gia đình thật hạnh phúc như ông lại mang nỗi giày vò về một sự thay đổi như thế. Sự thay đổi ở đây vừa là do ông nhận biết sự nhảm tẻ của đời sống và vừa được sống như chính mình. Thực ra, bài thơ này là một cuộc đối thoại khó khăn nhất đối với một con người chúng ta. Cuộc đối thoại giữa ta và một cái mang danh ta nhưng không phải là ta. Vậy ta sẽ thuộc về ai: *Ta hay cái mang danh ta*. Thách thức này là thách thức lớn nhất với mỗi người khi đang sống. Ông đã nhìn thẳng vào bản chất của con người với hai phần *sáng* - tối tự nhiên thông qua chính bản thân ông dù chỉ trong một khoảnh khắc. Bài thơ ấy là bài thơ của một người hiểu đạo và tới đạo. Bởi khi con người đi đến tận cùng của sự chân thành và công bằng với chính cái tôi của mình thì đã đến với đạo rồi.

Thơ ca là trải nghiệm sống và trải

nghiệm văn hóa. Dương Đức Quảng đã chứa đựng trong tâm hồn mình hai trải nghiệm ấy. Chính thế mà ông đã viết ra những câu thơ đầy tính triết lý nhân gian.

*Có phải càng bình dị
Cuộc đời càng lớn lao*

Hay:
*Bất chợt thấy đời lặng lẽ
Trong tiếng hò reo vang trời*

Những câu thơ giản dị nhưng sâu sắc như thế cho thấy ngay một điều: Ông là người đã thấu được lẽ đời. Bởi thế mà ông là người tránh được cái phù du, cái hão huyền và sự ồn ào trong đời sống. Ôi, cái "tiếng hò reo vang trời" ấy như một thứ bùa mê thuốc lú đã từng dẫn dụ không ít người để rồi làm cho họ gục ngã mà không đứng dậy được. Tôi quen biết ông nhiều năm, tôi nhận thấy ông đã sống như thế và bây giờ quan niệm sống và hành động sống của ông đã đúc kết bằng những câu thơ như vậy. Khi người ta thấu được lẽ đời thì người ta thoát được những hư danh, người ta biết được đâu là cái đẹp và đâu là giá trị thực của đời sống. Điều ấy viết ra đôi khi chỉ trong vài dòng thậm chí vài chữ, nhưng để đến được gốc rễ của những điều ấy, có khi đến chết mà nhiều người vẫn không nhận ra.

Dương Đức Quảng làm thơ như một hình thức tự sự của ông. Tôi quen biết ông đã nhiều năm nhưng gần đây mới biết ông có làm thơ. Và bây giờ, ông in thơ cũng không phải để trở thành tác giả của một cuốn sách văn chương mà chỉ là một hình thức lưu lại những ký ức, những sự kiện trong tâm hồn ông. Thậm chí ông làm thơ bởi chỉ có những câu thơ mới thay ông để làm hiện lộ cười, khóc, nỗi giận, yêu thương, chia sẻ, bày tỏ, dằn vặt của ông. Ông không hề có ý định đóng góp điều gì đó cho nền thi ca của chúng ta. Nhưng những câu thơ như vậy của ông, nếu chúng ta suy ngẫm kỹ sẽ thấy rằng: Những câu thơ ấy đóng góp cho sự tồn giữ và phát triển nhân cách con người trong thế giới hiện đại.■

HỌA SĨ Hoàng là một người vui tính, cởi mở và nhiệt tình. Tấm lưng dày đôi vai rộng, bước đi dài, ông có dáng vẻ một trang trung niên hơn người đã bước sang tuổi 65. Vốn là lính chiến miền Đông Nam Bộ, độ súng nhiều trận với quân Mỹ, quân ngụy, song thật may những trận đánh một mất một còn ấy không để lại trên người ông dấu vết đạn bom nào dù nhỏ. Tuy nhiên ký ức ông lại đầy ắp kỷ niệm chiến tranh. Đang học năm cuối Đại học Mỹ thuật Hà Nội, chỉ còn mấy tháng nữa nhận bằng tốt nghiệp; chứng kiến cảnh cả nước lên đường đánh giặc, chàng thanh niên vẫn ngày đêm mơ ước trở thành họa sĩ ấy đã "xếp bút nghiên" xung phong ra trận. Chiến tranh kết thúc, đất nước hòa bình, anh bước ra khỏi cuộc đời người lính với một tâm thế nhẹ nhàng và "gia tài" đơn sơ: Chiếc ba lô, vài bộ áo quần nhàu bạc và hơn chục cân gạo phiếu. Không huân chương, huy chương, không chế độ đãi ngộ. Như bao chàng trai từ chiến trường trở về, anh lấy vợ khi tuổi đã gần 30. Vợ anh, cô thiếu úy nhân viên văn thư ở một đơn vị quân đội, lương ba cọc ba đồng sáng xách cặp đi, chiều xách cặp về. Dù đồng lương của vợ hết sức ít ỏi, song vẫn phải tần tảo nuôi hai người với bao thứ nhu cầu, từ cái tăm, bao diêm đến gạo, muối, rau dưa.v.v... Cuộc sống không cho anh quyền lựa chọn; phải gác lại ước mơ từ thời niên thiếu để tìm cách kiếm sống. May mắn là anh có sức khỏe. Vay mượn được mấy chục đồng bạc, anh quyết định đi buôn, mua thuốc lá sợi Lạng Sơn đem vào Sài Gòn bán. Chuyển đầu tiên thắng lợi, trừ vốn và ăn uống dọc đường lãi được 60 đồng, gần bằng tháng lương của vợ. Chuyển thứ hai anh không cầm tiền về mà mua quần áo may sẵn ra bán. Trong tình cảnh đất nước việc lưu thông hàng hóa bị ngăn sông cấm chợ, các vùng miền tự sản tự tiêu tính toán như vậy là khôn ngoan, cả đi và về đều có tiền. Với số tiền kiếm được, chuyển thứ 3 anh đánh bạo "làm lớn". Lần này không phải 2 mà là 5 ba lô thuốc lá sợi lên chặt. Như mọi khi anh mặc quần phục nghiêm chỉnh tìm đến ngôi chen vào tốp bộ đội trả phép. Tàu không điện, ánh sáng vàng vọt của chiếc đèn dầu vừa đủ soi khoảng giữa toa. Người ngồi trên ghế, người bệt dưới sàn, chen chúc ngột ngạt. Sợi thuốc đã được bọc kỹ trong mấy lớp ni lon, không còn tỏa mùi, anh yên tâm góp chuyện. Chợt hai cán bộ thuế vụ xuất hiện, họ len đến chỗ anh ngồi. Một người chiếu đèn pin vào chiếc ba lô mà anh đã cố ý để khuất sau những ba lô của mấy anh bộ đội. Không nhìn ai anh ta hỏi:

- Ba lô thuốc lá sợi này của ai đây?

Con nhà chuyên môn có khác, chỉ cần sờ bên ngoài có thể biết chắc cái gì trong đó. Tim anh muốn bật khỏi lồng ngực, mồ hôi túa ra. Phải bỏ của chạy lấy người thôi. Đám bộ đội đưa mắt nhìn nhau. Anh cán bộ thuế lại hỏi lần thứ hai, giọng có vẻ nạt nộ. Vẫn không ai trả lời...

Lần ấy anh trở về tay trắng, dập tắt luôn ý định kiếm tiền bằng buôn chuyển đường dài. Không chịu đầu hàng, Hoàng chuyển sang mua chó thịt bán cho các nhà hàng. Với chiếc xe đạp được lắp ráp bằng cái khung xe đem về từ Sài Gòn khi giải ngũ, trên buộc lồng sắt, ngày ngày anh luồn lách vào các xóm ngoại ô mua chó. Công việc vất vả và có vẻ nhếch

nhác nhưng anh cũng kiếm được chút tiền thêm vào lương vợ để có đồng chi tiêu trang trải. Khu tập thể quân đội mấy chục gia đình không ai biết Hoàng làm gì, chỉ thấy anh sáng đi, chiều về. Mà họ có biết cũng chẳng sao, anh không có máu sĩ hão. Được vài tháng, một hôm sau bữa cơm tối quá ư đậm bạc chỉ có bắp cải luộc, lưng bát lạc rang trộn nước mắm, anh bảo vợ:

- Anh thấy thương lũ chó em à.

- Anh nói sao?

- Nhìn những con chó thui treo ở các cửa hàng, con nào cũng nhăn răng há mồm anh thấy như mình có tội, đa phần là chó anh cung ứng.

Như hiểu ý chồng, vợ anh nói:

- Có người ăn thịt chó thì có người giết chó bán và có người cung ứng chó. Anh không làm người khác sẽ làm, trâu bò, gà lợn đều thế cả.

- Nhưng loài chó sống với con người tình nghĩa lắm, người xưa chả nói

buổi khó khăn mấy lần vợ giục anh sinh con, nghỉ cảnh nhà cửa chật chội, bản thân không lương, anh phải tìm cách "hoãn binh". Vừa đạp xe vừa miên man nghĩ, bỗng có tiếng gọi:

- Hoàng, Hoàng phải không? Hoàng giật mình quay lại:

- O...Tuấn, nhà cậu ở đây à?

Họ học cùng lớp ở Đại học Mỹ thuật. Tuấn gầy gò, nhỏ thó, bị loại ngay từ đầu khỏi danh sách tình nguyện nhập ngũ. Học xong không xin được việc, Tuấn mở xưởng vẽ truyền thần. Hoàng theo Tuấn về nhà, căn nhà ngói ba gian kiểu xưa bố mẹ anh để lại, Tuấn dành một gian làm "xưởng vẽ". Trước chỗ ngồi làm việc của Tuấn treo bức vẽ một con chó cái có bộ lông màu tro, bầu vú mọng sữa. Thấy Hoàng nhìn chăm chú vào nó, Tuấn nói:

- Uống nước đi rồi mình sẽ kể cho cậu nghe về bức vẽ đó. Nhưng trước khi mình kể cậu hãy nói mình nghe đi bộ đội về cậu làm gì sống ra sao?

HOÀNG HỌA SĨ

Truyện ngắn của LÊ VĂN VỌNG

Lương lự giầy lát, Hoàng chậm rãi:

- Đang thất nghiệp, ăn bám vợ đây.

- Có con chưa?

- Nuôi mình chưa nổi nói gì đẻ con.

- Môi trường lính rất tốt, nhưng khi bước ra cuộc đời mình thấy nhiều anh lớ ngớ như gà công nghiệp, chẳng biết làm gì cả.

Tuấn nói đúng - Hoàng chợt nghĩ đến ông Vinh, người hàng xóm của anh. Gần 50 năm khoác áo lính, quen với cơm tập thể. Về hưu, một hôm bà vợ đi chợ, nhờ ở nhà bắc hộ nồi cơm, ông lúng túng chạy sang hỏi Hoàng: "Cho gạo vào nồi trước hay nước sôi rồi mới cho"; luộc rau muống để nguyên cả gốc, rẽ nhận vào nồi dẩy vung đun như nấu cám lợn. Được cái sống tốt, cả khu tập thể ai cũng quý.

Tuấn kể: Minh ra đời giữa lúc nạn đói 1945 hoành hành cướp đi hàng vạn mạng người. Sinh mình xong thì mẹ lần ra ốm một trận thập tử nhất sinh. Đói ăn và bệnh tật làm mẹ mất sữa. Làng trên xóm dưới không tìm được người để bú nhờ. Đang lúc quần bách thì con chó của nhà nằm ổ. Thật là phúc đức. Minh được bú mớm những giọt sữa chó đầu tiên của cuộc đời làm người, rồi mình cũng quật quẹo lớn lên với lũ chó con. Sinh thiếu tháng lại không có sữa mẹ nên mình thành một chàng trai yếu ớt còi cọc. Kể lại chuyện này khi mình đã lớn mẹ còn bảo: Nếu không có sữa chó, thì chắc mình khó qua được những ngày khó khăn đó. Con chó trong bức vẽ là do mình

tưởng tượng, mình vẽ như một sự tri ân...

Câu chuyện của Tuấn làm Hoàng buồn, một nỗi buồn xót xa. Không ngờ đời Tuấn lại thiếu may mắn như vậy. Thảo nào trong bữa cơm lớp tổ chức tiễn các bạn lên đường nhập ngũ, trong lúc mọi người nắc nỏm khen món chó nướng, chó nấu dựa mặn, Tuấn không hề đụng đũa. Con chó ấy về sau không biết có bị người ta giết thịt, Hoàng chợt nghĩ. Một cơn mưa rào ập tới. Những hạt mưa đầu tiên xán xuống mảnh sân láng xi, hơi nóng bốc lên ngùn ngụt. Nước trên mái nhà ào theo chân ngói, bong bóng phập phồng mặt sân. Chẳng mấy chốc nước tràn bờ cuốn theo lá cây rác rưởi. Hoàng ở chơi với bạn quá trưa thì quay về. Lại một ngày nữa anh không có "hàng" cung cấp cho các quán.

Sáng nay Hoàng lại ra phòng tranh. Anh khoác túi dật xe lách qua lỉnh kỉnh những đồ hàng. Mùi xà phòng tắm, nước gội đầu thơm dịu. Khi đã ngồi yên vị trên xe tra chia khoá vào ổ, như mọi khi anh lại đưa mắt nhìn ngôi nhà ba tầng có diện tích 24 m² trước kia là nhà cấp 4. Nhiều lúc nhìn cơ ngơi anh thấy như mình đang mơ, quả là một giấc mơ đẹp. Mấy năm nay, để có thì giờ tập trung cho sáng tác anh bàn với vợ đón cô em ở quê lên vừa trông cháu vừa bán hàng. Đứa con thứ hai mới được năm rưỡi, còn đứa đầu đã vào lớp 2. Chính nhờ có cửa hàng này mà anh đã được giải thoát khỏi mối lo cơm áo, quay về với niềm đam mê vẽ tranh. Anh không biết phải cảm ơn ai đã cho mình cơ hội. Một sự thay đổi đến ngỡ ngàng: Chỉ trong vài ngày tất cả những căn nhà nằm khuất trong ngách quanh năm ảm thấp thiếu ánh sáng, mọi người vẫn gọi đùa là nhà của "công dân hạng 2" đã trở thành nhà mặt đường. Người ta tranh thủ ngày đêm phá tường, dựng cửa, láng lại vỉa hè. Tiếng búa đập, gạch vỡ, tiếng nói cười ồn ào loạn xạ, chẳng khác nào một cuộc "đồng khởi". Sự quay mặt lại với cuộc đời làm cho các gia đình đỡ lao đao khốn khổ. Nhà mở quán nước, nhà bán tạp hóa, nhà bán café giải khát .v.v... May mắn hơn Hoàng được người chủ phía trong nhượng lại phần diện tích đã chia đôi với anh để về quê. Nhớ lại đoạn đời đã trải qua suốt mười mấy năm buồn sợi thuốc lá, chó thịt, rồi chữa xe đạp... anh còn cảm thấy toát mồ hôi. Từ ngày được "cởi trói" Hoàng lao vào sáng tác, anh vẽ ngày vẽ đêm, vẽ như để bù đắp lại những tháng năm đã mất. Nhiều hôm anh thức tới 2, 3 giờ sáng. Ký ức chiến tranh được khơi nguồn tuôn trào qua tay cọ, tác phẩm lần lượt ra đời. Đây là lần thứ hai anh mở triển lãm. Phòng tranh 45 bức sơn dầu và màu nước tọa lạc ở một khu phố nhộn nhịp vào bậc nhất thành phố. Đã sang ngày thứ 7 kể từ hôm khai mạc mà người đến xem vẫn đông. Sinh viên, người làm nghệ thuật, nhà báo, nhiều nhất là lớp trung tuổi. Lần trước có vài tờ báo đăng bài khen "một phòng tranh gây ấn tượng mạnh" rồi "một tay cọ mới xuất hiện luôn luôn để cao về đẹp của hiện thực trần trụi" v.v... còn mấy người cùng đơn vị chiến đấu thì bảo anh nên có thêm tranh vẽ những ngày đội bom, những tấm gương hi sinh khi tấn công chi khu An Lộc. Họ không nói anh cũng làm, đó là món nợ của anh đối với bao người đồng đội không có may mắn được trở về. Có hai người phụ nữ đang



Minh họa của PHẠM HÀ HẢI

bàn luận gì đó về bức sơn dầu "bữa cơm trần địa". Hoàng không nghe tiếng, song qua thái độ, cử chỉ anh biết họ tán thưởng. Gần trưa khách xem tranh có vẻ thưa hơn. Cô sinh viên giúp việc đang thay nước lọ hoa trên bàn thì một người đàn ông tay xách ca táp, dáng vẻ lịch sự xuất hiện. Trước khi vào phòng xem tranh, ông dừng lại hồi lâu đưa mắt nhìn tấm pa nô giới thiệu triển lãm, tên họa sĩ dựng phía ngoài. Lướt một vòng qua những bức họa, ông bước tới chỗ Hoàng ngồi.

- Xin lỗi ông là họa sĩ Phạm Phú Hoàng?

Chắc lại một người mua tranh, Hoàng chợt nghĩ và anh vui vẻ trả lời:

- Vâng Phạm Phú Hoàng là tôi ạ.

- Tháng 6 năm 1972 ông có tham gia trận đánh của quân cách mạng vào thị xã An Lộc?

- Có... nhưng sao ông lại hỏi như vậy? - Hoàng ngạc nhiên. Nghe Hoàng trả lời, người khách thoáng chút vui mừng trên gương mặt gần đôi kính cận. Ông nói như reo:

- Không phải bây giờ mà ngày đó tôi đã có may mắn được gặp ông. Vâng, đúng như vậy, rất may mắn.

- Ông nói gì tôi không hiểu - Hoàng nhìn ông khách từ đầu tới chân.

- Tôi muốn nói ông là ân nhân của tôi.

- Ơ... thế ông là...

- Vâng, tôi chính là Bình, người lính chiêu hồi Quân giải phóng đây. Tôi đã tìm kiếm ông khá lâu rồi. Lần trước, dự hội nghị Toán học ở Pháp, tôi có hỏi mấy nhà

khoa học đến từ Hà Nội, nhưng chẳng ai biết ông.

- Trong cùng ngành còn chưa biết hết nhau huống hồ họ là những người ngoại đạo.

- Lần này thì tôi đã gặp may, rất may.

Trận đánh chi khu An Lộc ngày đó có thể coi là một trận nhử dơi của những người tham chiến hai bên. Khi ta khai hỏa được chừng mười lăm phút thì chốt tiến tiêu bắt được một lính ngự. Anh ta tên là Bình, đã rời bỏ vị trí xạ thủ đại liên lỏ cốt đầu cầu, chạy sang với Quân giải phóng. Theo lời Bình, anh đang học năm thứ 3 Đại học Khoa học Tự nhiên Sài Gòn thì bị bắt lính. Nhà nghèo không có tiền chạy anh bị đẩy ra mặt trận nhưng không muốn chết uống. Bình muốn được cầm súng chiến đấu trong hàng ngũ quân cách mạng. Thường xuyên đối mặt với bom đạn, chết chóc, nhiều người không tin, cho rằng Bình xâm nhập hàng ngũ quân ta để nắm tin tức, xác định tọa độ báo cho máy bay, phi pháo oanh tạc. Giữa hai đợt tấn công tiểu đoàn trưởng gọi Hoàng đến: "Cậu "xứ" thành nguy đó đi, để nó như nuôi ong tay áo, nguy hiểm lắm. Phải tuyệt mật, lộ ra là kỷ luật cả lũ đấy". Tiểu đoàn trưởng là người rất giỏi trong chỉ huy chiến đấu, một con người lắm tài nhiều tật. Anh em vẫn gọi đùa ông là Cu tu dớp, ông thì nhận mình là Cu tu chộp. Điều nghiên, khảo sát địa hình ở đâu ông chỉ kéo một mình Hoàng đi. Ông tinh tường cả chuyện ăn mặc của phụ nữ. Chỉ cần nhìn lướt qua dây phơi quần áo,

ông có thể nói chắc chủ nhân của nó là gái tân hay đã có chồng, thậm chí cả tám tuổi. Đã có lần ông cải trang đột nhập vào một căn nhà trong khu gia binh nguy thực hiện trót lọt "cuộc chiến" với vợ một đại uý. Hoàng đứng cảnh giới bên ngoài lo sợ đến sồn dái ra quần. Ông bảo cải dạng đàn bà xa chồng lâu ngày thì chẳng cần nhiều lời, quan trọng là đánh trúng tâm lý. Cũng vì cái máu "tiểu đoàn" nên nhiều lần ông phải lên bờ xuống ruộng. Nhận chức trung đoàn phó rồi "dính chường" lại xuống tiểu đoàn trưởng; mấy trận thắng lại lên rồi lại xuống. Cứ lên lên xuống xuống như vậy cho tới ngày về hưu vẫn chỉ là anh trung tá. Ông đã bảo làm việc gì thì cứ thế mà làm. Hoàng hiểu tính ông nên chưa bao giờ anh bị ông quở trách. Chừng hai mươi phút sau khi Hoàng dẫn gã lính nguy đi, từ nơi đóng quân tiểu đoàn trưởng nghe hai tiếng súng nổ; ông hiểu lệnh của mình đã được thực thi rồi lặng lẽ lấy quyển sổ trong xà cọt ra ghi chép gì đó...

- Vậy mà lâu nay tôi cứ nghĩ ông bị bắt lính trở lại và chết trong một trận giao tranh nào đó - Hoàng chưa hết bất ngờ nhắc lại.

- Vâng, nhớ lời ông dặn cơ hội chỉ đến một lần, tôi chạy qua Cam-pu-chia, sang Thái Lan rồi tìm cách đi Mỹ. Thời gian đầu ở Mỹ thật vô cùng vất vả, tôi phải làm đủ việc để kiếm sống, rửa bát, dọn nhà, bốc vác... Giấc mơ học tiếp đại học càng thôi thúc tôi làm ngày làm đêm. Rồi điều đó thành hiện thực. Tôi được vào học

trường đại học Florida. May mắn hơn, tôi nhận được học bổng của trường. Có học bổng tôi dành toàn bộ thời gian sức lực vào việc học tập. Thi tốt nghiệp tôi đạt điểm tuyệt đối được trường đặc cách cho làm luận án tiến sĩ. Bảo vệ xuất sắc luận án tôi được giữ lại trường làm trợ giáo và nghiên cứu rồi giảng chính... Nói vắn tắt như vậy nhưng là chặng đường mấy chục năm quần quật ở xứ người. Về dự hội nghị Toán học quốc tế ở Hà Nội lần này tôi thay mặt Đại học Florida trao 3 suất học bổng cho sinh viên Đại học Khoa học Tự nhiên Hà Nội, tạo điều kiện cho các em phát triển tài năng. Hiện nay có 3 sinh viên Việt Nam đang theo học ngành toán ở đó. Họ đều là những người rất có triển vọng. Tôi sẽ thuyết phục để giám đốc trường nâng số học bổng lên trong năm tới.

- Sao ông biết tôi ở đây mà tìm?

- Tôi nghĩ ông là họa sĩ, đến các phòng tranh dò hỏi thế nào cũng biết, nếu ông không tử trận.

- Ừ, tôi không nghĩ mình còn có cơ hội được cầm cọ vẽ, lớp Đại học của tôi 25 người đi chỉ có 8 trở về mà không phải ai cũng lành lặn.

- Các ông đi lính là tự nguyện?

- Đúng thế. Các trường Đại học của chúng tôi thời đó có phong trào tình nguyện nhập ngũ, nhưng phải xét tuyển hẳn hoi, ai không được đi là khổ tâm lắm.

- Chúng tôi thì khác. Người ta bắt lính không có một sự miễn trừ nào dù năm cuối hay lực học xuất sắc; tất cả đều bị đẩy ra trận nếu không có tiền lo lót - Giọng Bình chùng xuống - Không biết trong số hàng trăm người đi có mấy người còn sống đến ngày kết thúc cuộc chiến. Chiến tranh là hủy diệt mà - Rồi anh nhìn Hoàng - Sao ngày đó ông không giết tôi?

- Bắn ông thì quá đơn giản, một phát đạn, hất xác xuống hố bom thế là xong.

- Sao ông không làm, không thi hành mệnh lệnh thượng cấp của ông? Sau đó ông có hối tiếc?

- Tôi đã hành động theo sự mách bảo của trái tim - Hoàng thốt lên một câu rất vắn vỏi - Nếu giết ông thì bây giờ chúng ta đâu có cơ hội ngồi nói chuyện với nhau; nhưng điều quan trọng hơn là toán học thế giới sẽ mất đi một nhà toán học.

- Mai trở về Mỹ tôi sẽ nói cho vợ, con tôi biết tôi đã gặp được ân nhân của mình. Tôi rất mong sẽ có dịp hạnh phúc được đón ông tại nơi ở của gia đình để được tạ ơn ông đã tha mạng. - Bình trao cho Hoàng tấm danh thiếp - Đây là địa chỉ và số điện thoại của tôi.

- Cảm ơn ông nhưng tôi nghĩ không cần. Việc ông dành nhiều thời gian, tâm huyết bồi dưỡng cho các tài năng toán học Việt Nam đã thể hiện tấm lòng của ông đối với tương lai khoa học của đất nước tôi. Điều đó làm tôi rất vui rồi.

- Điều đó có thấm thía gì so với ân huệ ông đã dành cho tôi.

Trời đã ngã về chiều. Mấy người bạn đơn vị cũ của Hoàng đến xem tranh, mang theo cái ồn ào của đường phố. Họ chiêm ngấm, bình phẩm các tác phẩm Hoàng mới hoàn thành. Bình đứng dậy lịch sự chia tay nói lời tạm biệt. Hoàng nắm bàn tay với những ngón thon dài, như tay con gái của Bình.

- Chào Giáo sư, hẹn gặp lại!■

TÁC PHẨM VÀ DƯ LUẬN

VỚI LỐI MỞ ĐA DIỆN

Độc "Công chứng thời gian" - Tập thơ Song ngữ của Tô Ngọc Thạch,
Thiếu Khanh dịch sang tiếng Anh - Nxb Thế giới, 11-2013

KIM CHUÔNG

Thơ "Công chứng thời gian" của Tô Ngọc Thạch (sau tập "Biên bản thời gian") hình thành và tô đậm ý thức về dòng trôi vô định của thời gian đã thật sự hóa thành "Gương mặt cuộc đời" trong thăng trầm, biến cố, trong cái còn lại ở những gì là dấu vết bên ngoài của quá khứ, hiện tại, của cái ngỡ như khó nắm cầm của suy tư, của "ái, ố, hỷ, nộ..." mang chiều sâu tâm linh nào đó.

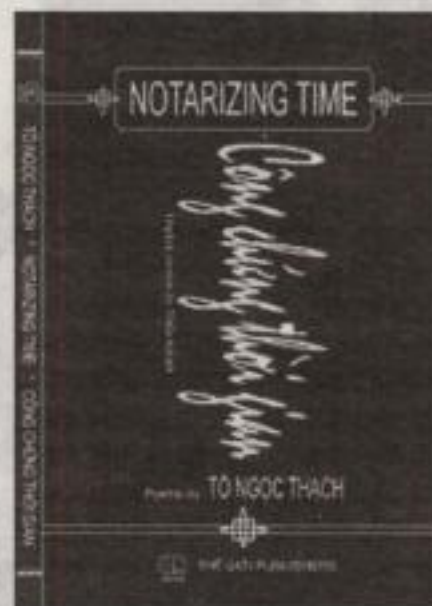
Ở "Công chứng thời gian", xuyên suốt phần thơ chọn, Tô Ngọc Thạch luôn bám chặt "diện kiến", một thể mạnh của người từng mang bước chân mình rong ruổi qua nhiều châu lục, nhiều dặm dài của quê hương, xứ sở. Một sự phong lưu, của con mắt người viết từng ấp đầy ngàn vạn núi sông. Một cái nhìn, cái nghĩ đã hóa thành dáng hình, giọng điệu, thành khúc hát ngân nga trên mỗi trang thơ còn lưu lại... Và như thế, "Công chứng thời gian", công chứng "Năm tháng đời ta" với bao nhiêu kỷ thác trước dòng trôi ngỡ vô ảnh, vô hình đã làm nên những khoảnh khắc không mất. Những khoảnh khắc hóa thành muôn thuở khi "Vạn vật thi thành"... Khi, "Tâm hình chi quán/ Thần minh chi chủ..." đó chăng?

Câu hỏi, thời gian dài đặc ấy đã làm nên công chứng? Hay vai trò thứ nhất? Nó có từ vai trò chủ quan của thi nhân nơi cảm xúc tâm hồn, nơi năng lực liên tưởng, năng lực tái tạo và sáng tạo hiện thực. Điều dễ thấy, trước tầng nổi choáng ngợp, nhà thơ và những câu thơ ở đây cũng ngổn ngang cùng không gian trong sự đồng hiện của bao nhiêu nét vẽ từ trực cảm, trực tả, từ những

phác thảo, chấm phá thế này: ...Thế giới này. Ngày không cạn sang đêm. Giá trị đồng tiền hay thịnh dư lai suất. Chiết khấu linh hồn tăng phần trăm thế xác (LAS VEGAS).

Trên mạch đi này, nhà thơ của "Công chứng thời gian" rất cần một năng lượng vận động ở sức khai quát. Ở sự chọn lựa một thi liệu điển hình trước lượng thông tin từ nhiều phía. Ví như, khi đến với "Phố Bắc Kinh", hay ngắm "Bức tranh siêu thực", hoặc "Giấc mơ tái sinh", rồi, "Uống cạn Xibia"... Đây là nghệ thuật tạo dựng, nghệ thuật tái tạo và sáng tạo: Ngọn gió heo may như tiếm thức vào cội lạ phiêu du, Lòng biển mở ra phi thời gian ta không biết mình già hay trẻ. Con tàu đưa tôi về bến mơ thiên niên kỷ. Paris bỗng bệnh lùi dần phía hoàng hôn... (BẾN MƠ THIÊN NIÊN KỶ).

Ở "Xibia đồng hành", (Chương trích từ trường ca "Tổ khúc Xibia"), thơ Tô Ngọc Thạch càng bộc lộ mạch trội này. Người đọc gặp "Cái ngoài ta", thật bộn bề nơi cân giữa hai đầu giao cảm của tâm hồn và cuộc đời trước mặt. Một tâm cảm lặn chìm vào cảnh và sự. Một tiếng lảng lất lẩn ở phía sau nơi con sóng điệp xò. Một thi pháp để người viết ôm đồm, kể nhiều, tả nhiều được "Cái tỷ phú" của cảnh, của sự nơi tháng năm mình "diện kiến". Không ít lần, làm sâu thêm những ý tưởng, phát hiện, Tô Ngọc Thạch đã tạo nên/ra những "Lát cắt" trong cách nhìn sự vật. Khi nhà thơ có "Một phần biện về Nữ thần Tự do", hay "Bài học tâm linh." Đây là "Cái tứ" tạo nên điểm sáng của thơ trước sức tỏa rạng và hội tụ. Nhà thơ đặt ra câu hỏi trong cảnh "Đối nghịch":



Bên khung trời huyền hoặc như mơ. Một kỳ quan hoành tráng đến không ngờ... Trước cổng an ninh nổi buồn hom hèm bên hàng rào đứng vịn... Sau mười một tháng chín. Nữ thần buồn. Hành khách mất tự do. (MỘT PHẦN BIỆN VỀ NỮ THẦN TỰ DO). Hoặc, trước miếu Hoàng Thành, ở Thượng Hải, thời Minh - Thanh (Trung Quốc), đây là bốn câu lục bát được lấy làm cái đế, làm thức dậy một "Bài học tâm linh": Người đi tìm ngọc mua châu. Tôi tìm quá khứ đục ngầu xa xanh. Người đi tìm trúc mua măng. Tôi đi tìm miếu Hoàng Thành tặng tôi.

Bên dòng thơ "Lấy chân dung của thế giới thứ nhất" làm không gian thơ, "Công chứng thời gian" của Tô Ngọc Thạch còn mạch ngầm mà người viết ý thức khơi sâu, tạo "Sức động" cho thơ phát lộ. Đây là "Hồn chữ", phần II tập thơ, phần tiêu biểu cho mạch tìm này.

Phải nói, từ "Hồn chữ, Giọng văn, Cảnh điệu mùa xuân, Bông cỏ đơn, Sông Hứa, Cho cảm xúc quay về, Mưa biển..." Những bài thơ, những câu thơ có từ ngẫm suy, trải nghiệm. Từ ý thức mở ra vô thức. Từ cái thật, "Cái có", được ảo đi trong ranh giới cụ thể mà trừu tượng... Để có được dư vang, ấn tượng nơi con chữ nhập thần. "Hồn chữ" là ý thức hay khát vọng của nhà thơ trước mỗi trang thơ muốn vươn tới giá trị hữu ích? ...Đi tìm con chữ thép. Tìm con chữ đón đau như sản phụ lâm bồn. Con chữ búa mề lặc phách siêu hồn. Con chữ như thịt da bám vào là chảy máu. Con chữ xuất thần, huyền ảo. Mồ vết loang, hình ảnh ngợp đầy (HỒN CHỮ).

Ở "Cánh điệu mùa xuân" vẫn là gốc của nguồn thơ suy tưởng, những câu thơ "quần" lên trong vẻ chau chuốt, cầu kỳ: Tôi phất hồn mình thành cánh điệu mùa xuân thả vào bầu trời thơ ấu. Hương lửa thơm lòng lụng góc trời quê. Hạt thóc đón đau công bao mưa nắng tái tê. Mẹ tôi nhọc nhằn ra phơi trong những ngày giông gió. Lật tìm bóng mình dưới sà cây sấp ngửa... Rồi: Nét độc đáo nói ra từ điệu bình dị nhất... Có ánh sáng ở trong nước mắt. Giọng văn như khẩu ngữ riêng... (GIỌNG VĂN). Hoặc: Âm bản tháng năm dùm dò bóng cỏ đơn. Tôi lang thang. Tìm được giấc chiêm bao còn đang ngái ngủ. Đêm cuối năm vệt mòn thêm quá khứ... (LỬA TÌNH). Và, Người đàn bà vẫn lại giấc mơ gồng mình vệt từng giọt nước. Chì mực mặt trời hòa với mặt trăng chắt bòn từ phong ba bão táp. Mực cả bóng mình hiu hắt tưới cho cánh đồng xanh lại quê hương (THƠ VỚT RA TỪ CHIẾC GẤU MỰC NƯỚC)...v.v...và v.v...

Sau thơ "Biên bản thời gian" rồi bút ký "Trôi dạt cõi người" và tập thơ dịch các nhà thơ Nga-Xô viết tiêu biểu, "Công chứng thời gian" là tập thơ thứ sáu của Tô Ngọc Thạch. Thơ Tô Ngọc Thạch giàu hình ảnh đời thực, đa sắc màu với nhiều góc nhìn, cách phát hiện khác nhau, chắc chắn tìm được lối mở đa diện đến với nhiều bạn đọc, bạn viết.

DỰ THI DỌN VƯỜN

NHẬT SẠN TRONG MỘT CUỐN TIỂU THUYẾT

"Lệ Chi Viên", tiểu thuyết lịch sử, Nxb Văn hóa - Thông tin, năm 2010, để lại khá nhiều hạt sạn trong cách thể hiện và nhận thức. Dưới đây xin nêu những lỗi điển hình cần "dọn".

1. Những tình tiết vô lý:

"Nguyễn Trãi lấy mở viết khắp lá cây trong rừng: Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần." (trang 12)

Tương truyền, Nguyễn Trãi lấy mở trộn mật để viết câu "sấm" nói trên lên lá đa để kiến ăn thủng thành chữ rồi thả theo sông suối để dân chúng cho đó là mệnh trời trao cho Lê Lợi và Nguyễn Trãi. Nhưng Nguyễn Trãi làm sao mà viết được "khắp lá cây trong rừng"?

"Mùa thu năm 1442. Nguyễn Trãi và Thị Lộ nghênh tiếp đức vua Lê Thái Tông trong khung cảnh trang nghiêm, thanh tịnh, đầm ấm (...). Trong gian nhà nhỏ xinh, ấm cúng, thơm hương trầm của Nguyễn Trãi, vua ngã mình trên chiếc chõng tre; gió đưa hương quả thông nhẹ nhàng đưa ngài vào giấc ngủ trưa hè." (trang 25)

Lạ: câu trên "nghênh tiếp" "mùa thu", thời gian quay ngược lại ru? câu dưới đã là cảnh "giấc ngủ trưa hè"!

"Sùng Lãm sức khỏe cực kỳ Một tay nhắc bóng hai tảng đá lớn."

(trang 172)
Thiết nghĩ: hai tay nhắc bóng tảng đá lớn đã cực kỳ, chứ Sùng Lãm có bàn tay gì mà nhắc bóng cả hai? (!)

"Khúc đuôi ngư tinh, Lạc Long Quân lột da Dem phủ lên hòn đảo giữa biển, Mang tên Bạch Long Vĩ anh hùng" (trang 173)

Dạ thưa, thời Lạc Long Quân đánh ngư tinh thì Bạch Long Vĩ chưa có tên "Bạch Long Vĩ anh hùng". Đảo này được phong tặng danh hiệu "Anh hùng thời kỳ chống Mỹ, cứu nước" vào cuối thế kỷ 20!

2. Những nhầm lẫn rất sơ đẳng, chẳng hạn:

"Lời thơ Lê Trãi vang dậy non sông: Tổng binh Vương Thông, tham chính Mã Anh lại được cho mấy ngàn cỗ ngựa, về nước rồi còn tìm thót chân run Nò đã tham sống sợ chết thực

bụng cầu hòa Ta coi toàn quân là hơn để dân nghỉ sức" (trang 16)

Đây đâu phải là "lời thơ" của Nguyễn Trãi, mà là mấy câu trong bài Cáo Bình Ngô của ông:

"Tổng binh Vương Thông, tham chính Mã Anh, hựu cấp mã số thiên dư thất, dĩ

hoàn quốc nhi ích sự cổ lật tâm kinh;

Bĩ ký ủy tử tham sinh nhi tu hảo

hữu thành

Dư dĩ toàn quân vi thượng nhi dục dân

chi đắc tức."

(Đại Việt sử ký toàn thư, tr 55)

"Đôi ta chút nghĩa đào bông

Dấu còn con mắt tắc lòng dăm sai

Ngại ngừng những bước chông gai

Thời gian nhân nhục nào ai biết gì"

(trang 244)

Đây là mấy câu bài xẩm chợ "Cái tình là cái chi chi", nguyên văn là:

"Đôi ta chút nghĩa đào bông

Dấu mòn con mắt tắc lòng dăm sai

Ngại ngừng những bước chông gai

Trần gian nhân nhục nào ai biết gì..."

- Vậy mà: "dấu mòn" thì hóa "dấu còn",

"trần gian nhân nhục" (lúc: người trần mắt thịt) thì hóa "thời gian nhân nhục" làm cho câu ca trứ tình trong sáng, ý nhị thành ra tối ý, thậm chí ngớ ngẩn, vô nghĩa!

Điều nữa: tác giả dùng những danh từ gốc Pháp để miêu tả con người, cảnh vật hoặc đưa vào lời nói của các nhân vật lịch sử làm cho người đọc khó chịu. Chẳng hạn:

Đây là lời thổ lộ của vua Lê Thái Tông với Thị Lộ: "Tuổi trẻ tráng kiện, lại thêm những toa thuốc của ngự y, một đêm dăm

bảy nàng với ta chẳng là gì..." (trang 262)

Các vũ nữ thì "Quần đen, bít tất trắng, chân đi hài thêu" (trang 146)

Thần phi Nguyễn Thị Anh thì "biết cách uốn eo, giữ eo, biết giữ gìn làn da mịn màng..." (trang 213)

Hồ Tây thì "mặt nước rộng khoảng năm trăm héc - ta" (trang 153)

Thời vua Lê Thái Tông (1434- 1442) đâu đã có những chữ "toa thuốc", "bít tất", "eo", "héc- ta"...

Sau nữa, những lỗi khá phổ biến trong sách là cách viết câu thả, cách hành văn dễ dãi, ấu trĩ, nhan nhản những câu quê câu cụt, câu tối nghĩa, khó hiểu:

Xin trích mấy đoạn trên một trang sách (trang 109):

"Bá Nha trọng tình chàng. Hẹn ngày này sang năm. Trở về đón gia quyến. Từ Kỳ về kinh đô."

"Đừng hẹn, Thu năm sau. Bá Nha đi thuyền. Trên sông Hàn Dương. Dừng bên núi Mã An."

"Cha Từ Kỳ nhòa lệ. Kể con mình ngày cuối. Luôn nhắc gọi Bá Nha. Dặn chôn bờ Hàn Dương. Cảnh núi Mã An. Nơi gặp gỡ Bá Nha. Giữ lời hẹn năm ngoài."

"Bá Nha đắp đàn tảng đá. Đàn tan tành vỡ tan! Từ ấy, thế gian này. Không ai nghe được. Tiếng đàn Bá Nha."

Và sau cùng, xin dẫn ra một câu trong bài tự ru của nhân vật Nguyệt Cầm, một câu đại diện cho cách viết khó hiểu của tác giả:

"...Khúc đồn sóng lớn Thái Bình Dương Nhấn chìm vạn kiếp, con người Việt Nam."

Có lẽ chỉ có tác giả mới hiểu nổi nghĩa đen, nghĩa bóng, nghĩa rộng của câu hát ru này chăng?

TRỊNH TRỌNG QUÝ

DIỄN ĐÀN LÝ LUẬN PHÊ BÌNH VĂN HỌC

VŨ BẰNG NHỚ THƯƠNG XỨ BẮC

VŨ QUẢN PHƯƠNG

NĂM 1990, mười năm trước khi Vũ Bằng được Tổng cục II Bộ Quốc phòng xác nhận là cơ sở cách mạng có nhiệm vụ khai thác tin tức phục vụ công tác Tình báo, tôi được đọc tập *Thương nhớ mười hai* của ông. Chỉ đọc vào những nhớ thương của ông thôi, nhớ thương Hà Nội, nhớ thương xứ Bắc, nhớ thương người vợ tao khàng, bà Nguyễn Thị Quý, người đọc cũng đủ nhận ra trong đó nỗi lòng ông u ẩn không dễ chia sẻ cùng ai. Có những câu văn như đặt nước mắt cô đơn lên trang giấy: *Buồn khổ một mình, không biết than cùng ai, khóc với ai*. Đọc xong cuốn sách, tôi ngồi lặng. Ông mất (đến khi ấy) đã sáu năm rồi. Tâm hồn ông khi viết những trang văn này tinh tế quá, gợi cảm quá, nó tràn ngập lòng yêu thương sông núi đất đai, thời tiết, phong tục, lối sống của xứ Bắc, tràn ngập lòng yêu thương vợ con, những người thân xa cách. Nó từng buồn thương như giai điệu câu ca vọng cổ. Nó từng ngân nga, trầm trở trong thơ:

*Từ thuở mang gươm đi mở cõi
Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long
(Huỳnh Văn Nghệ)*
*Có người trước lạ, sau quen
Có người trước lạ, sau điên cái đầu
(Nguyễn Bá Trạc)*

Nhưng với Vũ Bằng, ông đã buồn thương hơn cả một nỗi xa, đã cô quạnh hơn cả một nỗi nhớ. Ông viết: *Ấy vậy mà một buổi chiều trở gió kia, ngồi cúi xuống lòng để hỏi chuyện tim mình, ta cảm như có hàng ngàn vạn con mọt nhỏ li ti vừa rung cánh o o vừa đục khoét con tim bệnh tật. Và tự nhiên ta có cảm giác rằng thân thể ta, không biết từ lúc nào, đã bị mối xông và đang đi đến chỗ một ruộng, rã rời tan nát*. Đọc văn ông là thâm nhập vào trái tim tan nát ấy. Tôi nương vào văn ông để nhấn thêm một đợt nhớ thương *Thương nhớ mười ba*, thương cảm, biết ơn nỗi lòng ông đã làm giàu cho nỗi lòng mình.

Văn Vũ Bằng ở tập kỷ này thuần một giọng hoài niệm nội tâm, có sức đánh thức vào phần sâu nhất của ký ức mỗi con người. Có những chi tiết kể ra như không đâu nhưng lại chất chứa bao nhiêu là tha thiết, đắm đuối trong lòng: *Cho tới một ngày kia... đang ngồi trong một tiệm ăn hẻo lánh trên sông Tân Thuận, trận mưa đầu mùa trút nước xuống phố phường. Những người Bắc Việt ngồi ở những bàn ăn gần đó nhìn mưa mà thấy thần thờ, mà thấy bơ vơ (...)* Một người: *Ở Bắc, có lẽ bây giờ cũng mưa đầu hè đấy nhỉ. Một người khác: Thế nhưng mưa ở Bắc, nó khác kia, bà ạ. Một người khác nữa: Cái gì cũng khác hết. Thôi, đừng nói nữa, tôi muốn khóc đấy*.

Ở bắc bây giờ... Cũ này ở Bắc... các cụm từ ấy bao lần vang lên trong trong văn ông cho thấy nỗi nhớ nhung thường trực âm ỉ, đôi lúc, có cố hay vô cố, lại bùng lên. *Tôi muốn khóc đấy*. Đọc văn và sống lại tâm trạng những năm tháng đất nước cắt chia ấy càng mến thương trân trọng nỗi lòng tác giả, lấy bút mực giải bày những niềm thương cũ, tha thiết mong được chia sẻ, tìm được đồng điệu. Ở những người thiên lý tương tư! Nếu bất ngờ những dòng sau đây có lạc vào

LTS. Chiu nhiều thiệt thòi và khuất khúc trong đời, nhưng Vũ Bằng không bao giờ tự nói về mình, bởi ông đã đặt lên trên hết việc cống hiến cho sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp văn chương báo chí – nhà thơ Hữu Thỉnh, Chủ tịch HNV, Chủ tịch UBQT LHVHNTVN, nhấn mạnh trong lời phát biểu tại lễ kỷ niệm 100 năm sinh nhà văn Vũ Bằng (3/6/1913-7/4/1984), cử hành trang trọng ngày 20/12/2013 tại HNV với đông đảo các nhà văn nhà thơ, nhà nghiên cứu văn học tham dự. Đây là buổi lễ thứ sáu, kỷ niệm trăm năm sinh các nhà văn nhà thơ tiến bối mà HNV đã tiến hành trong năm 2013. Các hoạt động tưởng nhớ và kỷ niệm này nằm trong chương trình hoạt động hàng năm của Hội nhằm tôn vinh và định vị các thành tựu văn chương quá khứ, tránh sự quên lãng với truyền thống văn học Việt Nam, và khẳng định những đóng góp của những tiền nhân văn nghệ sĩ cho nền văn học nước nhà, tiếp tục quá trình đổi mới trong đời sống văn học. Chúng tôi xin trích giới thiệu dưới đây tham luận của nhà thơ Vũ Quản Phương trình bày tại lễ kỷ niệm này.

tay bạn, mà thấy nói được lên một mối cảm hoài của bạn vẫn chất chứa ở bên lòng, thế là kẻ viết bài này lấy làm mãn nguyện lắm rồi. Vũ Bằng đã mở đầu cho *Thương nhớ mười hai* bằng những dòng như vậy. Ở Sài Gòn những năm tháng ấy nhìn về Hà Nội cố hương, ông có nỗi lòng của một kẻ ra đi không hạn định. Nhớ đứt ruột đứt gan nhưng hi vọng ngày về thì lại quá mong manh. Ông bộc bạch: *Sống là tin tưởng và chờ đợi, nhưng biết rằng mái tóc người ta có còn xanh mãi được chăng? Gắn hết cuốn sách, vào cái năm thứ mười tám mười chín xa quê, một ngày áp tết, ông lại kêu trời: Xin phủ hộ cho chúng con mạnh khỏe chân khỏe tay để một ngày kia được trở về chốn chôn rau cắt rốn*. Vũ Bằng thuở ấy đã bao lần sống với quê hương, với Hà Nội bằng tâm tưởng: *Ngồi một mình trong buồng lạnh một đêm khuya êm ả, đóng hết các cửa lại, tự mình, riêng mình, sống lại những âm thanh, những thời tiết, những miếng ăn, những cơn gió cơn mưa... của một thời kỳ, một miền đất mà với ông lúc đó đã xa vời như trong tiền kiếp. Yêu thương tạo nên khám phá. Ông khám phá ra miếng ngon Hà Nội, không phải chỉ ở những sơn hào hải vị mà nhiều khi chỉ là những thứ quả quê bình dị: ngô rang, khoai lùi, bánh khoai... Không phải chỉ là ăn mà là sống toàn bộ giác quan với chúng. Cái ngọt ngào đầu chỉ trên lưỡi mà là tan ở trong hồn và lắng lại. Tháng ba, những cây bàng trở lá, cây sấu đầu đâm hoa, những chùm bông phơ phất màu hoa cà. Tháng tư, một đêm nào đấy nhớ tiếng dế kêu. Tháng năm, nhớ con chim cuốc. Tất*

cả đều trở thành kỷ niệm rưng rưng yêu dấu. Đọc Vũ Bằng thấy lòng yêu đất đai xứ sở của con người giăng mắc từ muôn nghìn sự việc, ngỡ như nhỏ bé không đâu mà bền chắc cả đời người. Vũ Bằng biết cách lắng nghe thiên nhiên, và cảm nhận thời tiết đất trời rất tự nhiên mà sao nhiều thấm thía, ấn tượng, khêu gợi, không thể nào quên. Ông làm ta lặng lặng yêu thương và tự hào về giang sơn, về dòng giống. Phải chăng chính cái nhiệm vụ bí mật, nguy hiểm mà ông đảm đương và gánh chịu đã làm cộng hưởng những rung động của lòng ông, *đốt lòng mình cũng nao nao lòng người* là vậy.

*Gió xuân mơn mẩn cảnh đào
Mưa xuân phấp phới trên ao rau cần
Ấy, đất nước này chỉ đẹp giản dị thế thôi, hiền lành thế thôi, ai muốn nói thế nào thì nói chờ dân nước chúng tôi vẫn nhận là đẹp nhất thế giới, đáng yêu nhất trần hoàn. Đố ai chê được! Đố ai cướp được!*

Ờ hay, sao hơi văn đang mềm mại tâm tình, ông lại xoay ra quyết liệt như bút chiến. Một luồng tâm sự sâu kín nào vừa lướt qua ngọn bút ông? Một đoạn khác, khi ông nhắc tên người vợ đang sống ở Bắc, một cơn nhớ trào lên trong niềm tự vấn cả đời người:

Quý ơi bây giờ em ở đâu? Tại cái xứ có nhiều loại kèn xe hơi cực kỳ tối tân này, em có biết rằng có người chống trống ra nổi chầu thánh tư lại nhớ đến một buổi trưa tiền kiếp, chúng ta đang dựa gốc cây thiêm thiếp, sức nghe thấy tiếng chim tu hú(...) Tu hú! tu hú! Thế là cái gì vậy? Nó bảo rằng mùa xuân đã qua đi, mùa hè đã đến, nếu không yêu lấy đời thì



thu đến và đông sang sẽ hết biến một năm? Hay là nó kêu gào lên nỗi buồn tro troi của kẻ du mục suốt đời không có tổ, phải đi để nhờ trên đất khác, rồi bây giờ nhớ con, đau thật cao mà gọi con? Hoặc là chìm sống mãi cuộc đời lang thang, mộng làm chuyện lớn lao, không nghĩ đến gia đình mà bây giờ thấy ngày tàn bóng xế vẫn chẳng làm được trò gì hết, nên kêu lên để cho thiên hạ biết cái lòng tiếc nuối của mình? Ôi chao chỉ tiếng chim tu hú trong cõi nhớ mà sao liên tiếp đặt ra đến ba câu hỏi trùng điệp về thân phận con người. Phải chăng vẫn là mạch tâm sự thường trực trong cõi lòng ông. Là người hoạt động bí mật, ông đã giấu đi nỗi lòng thương nhớ ấy, nhưng là nhà văn trong sức đi ào ạt của cảm xúc lòng ông, ông không kìm được. Những mảng trời xanh lơ ra sau mây trắng cho thấy được độ sâu thăm của trời cao, những nỗi niềm buốt ra trong hơi văn thương nhớ cho thấy một Vũ Bằng với bao nhiêu chịu đựng nhay nhá trong tim. *Gió bắc thổi về gần sáng lạnh hơn, buồn hơn. Trong nỗi cảm nghe cái lạnh của trời đất có cái lạnh của tâm tư người cao niên tha hương khó ngủ. Tha hương là xa miền đất mình được sinh ra và lớn lên. Với ông, tha hương còn là phải xa một chân trời mơ ước mà đến trong mơ cũng không được lộ. Sức chịu đựng ấy với một nhà văn đa cảm là một thử thách quá nặng nề*.

Ông Vũ Bằng ơi! Năm nay ông đã vào trăm năm tuổi. Trên đất xưa Hà Nội, cái vùng luyến nhớ sâu sắc nhất trong văn ông, ở góc hồ Thiền Quang, phía làng Văn Hồ, thuở ông khăn gói gió đưa, xuống tàu há mồm "đỏ Nam" dạo ấy, còn là làng Văn Hồ liên miên ruộng rau muống và phía cuối kia là khu nhà một tầng Viện trợ Mỹ dành cho binh lính, nay đã là phố xá với công viên, và những building sang trọng... Cõi lòng chịu đựng nhớ thương vì nghĩa lớn của ông lẽ ra phải được đền đáp trong ngày đất nước đoàn viên tháng 4-1975. Ông là người cách mạng nhưng ngày Cách mạng thành công, ông lại lầm lũi đi về phía những người của bên thua cuộc. Công việc và nhân cách đòi hỏi phải như vậy thì ông làm vậy. Mọi việc giờ đây đã sáng tỏ. *Trăm năm danh tiết cũng vì đêm nay. Chỉ tiếc cái đêm nay ấy đã đến với ông quá muộn màng, 25 năm sau ngày đất nước đoàn viên, ông mới được đoàn viên trọn vẹn*. ■



Một số tác phẩm nổi tiếng của ông về đất Bắc.

VÔ CÙNG THƯƠNG TIẾC NHÀ THƠ LÒ NGÂN SỦN

MỘT TRÁI TIM LUÔN RẠO RỤC YÊU ĐỜI(*)

(Trích điệu văn tại Lễ truy điệu nhà thơ Lò Ngân Sủn)

NHÀ thơ Lò Ngân Sủn trưởng thành từ một giáo viên dạy môn Chính trị tại trường Phổ thông cấp 3 Bát Xát, Lào Cai, sau đó được bổ nhiệm vào các chức vụ quản lý giáo dục: Hiệu trưởng trường Phổ thông cấp 3 Bát Xát; Trưởng phòng Giáo dục huyện Bát Xát. Chiến tranh biên giới nổ ra, ông được điều động về tuyến sau của tỉnh Hoàng Liên Sơn dạy chính trị tại trường Sư phạm 10+3 đóng tại thị xã Yên Bái. Đầu những năm 70 thế kỷ trước, khi mới ngoài 20 tuổi ông đã có thơ đăng trên báo Văn nghệ Lào Cai. Năm 1974 - 1975, sau khi tham dự lớp bồi dưỡng Viết văn trẻ tại Hà Nội, khả năng sáng tác của Lò Ngân Sủn có bước tiến vượt bậc từ đó để rồi bùng nổ một lối viết đầy ấn tượng và mới mẻ trong những năm 80 và 90 của thế kỷ trước; đánh dấu một thời kỳ sáng tác đầu tiên với những tìm tòi, trăn trở của một tác giả thơ vùng cao giàu nhiệt huyết, bản năng và bản lĩnh. Thời kỳ này, ông chuyển công tác từ ngành giáo dục về Hội Văn học - nghệ thuật Hoàng Liên Sơn để chuyên tâm sáng tác.

Năm 1988, Đại hội Văn nghệ Hoàng Liên Sơn bầu ông làm Phó Chủ tịch Hội. Năm 1991, chia tách tỉnh Hoàng Liên Sơn, ông trở về tỉnh Lào Cai mới được tái lập làm Chủ tịch Hội Văn học - nghệ thuật Lào Cai. Cũng năm đó, ông được kết nạp vào Hội Nhà văn Việt Nam. Trong thời gian ngắn ngủi, ông cùng Ban Chấp hành Hội Văn học - nghệ thuật Lào Cai một mặt ra sức tập hợp, phát triển đội ngũ; mặt khác, tranh thủ sự quan tâm của lãnh đạo của Tỉnh ủy và ủy ban nhân dân tỉnh để xây dựng trụ sở và trang bị cơ sở vật chất cho Hội, tổ chức thi sáng tác và hội thảo thơ Lào Cai, tạo được những dấu ấn đáng nhớ về một Hội Văn học -

nghệ thuật ở tỉnh biên giới phía Bắc.

Năm 1995, tại Đại hội Hội nhà văn lần thứ V, ông được bầu vào BCH Hội Nhà văn Việt Nam, được phân công làm Trưởng ban Kiểm tra của Hội và kiêm Trưởng ban Văn học dân tộc - miền núi Hội Nhà văn. Nhờ sự tâm huyết và nỗ lực của ông, trong nhiệm kỳ này Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức được nhiều hoạt động cho văn học dân tộc và miền núi, kết nạp được nhiều tác giả dân tộc thiểu số vào Hội, góp phần xây dựng một đội ngũ nhà văn dân tộc thiểu số ngày thêm đông đảo, có nhiệt huyết và năng lực sáng tác. Đây cũng là thời kỳ nhà thơ Lò Ngân Sủn được bầu giữ chức Phó Chủ tịch Hội Văn học - nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam. Đầu năm 2002, nhà thơ Nông Quốc Chấn đột ngột ra đi ở tuổi 79, ông tham gia gánh vác trách nhiệm để lại của vị Chủ tịch tiền nhiệm. Đại hội IV của Hội Văn học - nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam (năm 2002) đã bầu ông làm Tổng Thư ký của Hội.

Là người làm công tác quản lý Hội, ông dành nhiều thời gian cho công tác củng cố, kiện toàn, phát triển tổ chức Hội; tập hợp đoàn kết thúc đẩy hoạt động sáng tạo, sưu tầm, nghiên cứu, biểu diễn và quảng bá hình ảnh, tác phẩm của Hội và hội viên. Tuy bị chi phối bởi công tác quản lý, ông vẫn âm thầm tranh thủ mọi lúc, mọi nơi để sáng tác, biên soạn, giới thiệu, đọc thơ, bình thơ của các tác giả dân tộc thiểu số trên các vùng miền cả nước. Các đầu sách ông xuất bản đã xấp xỉ 30 cuốn; trong di cảo của ông cũng còn vài ba tập bản thảo chưa xuất bản. Sức làm việc của ông trong sáng tác thật ít người theo kịp. Ông thường khiêm tốn mà nói rằng: "Khi chưa có tác phẩm hay, thì cũng phải cố gắng mà viết, lấy số lượng bù chất lượng, trong số 100 bài thơ, nếu bỏ đi 90 bài cũng còn lại 10 bài, có 1000 câu thơ bỏ đi 900 câu cũng còn

lại 100 câu thơ hay, thế là được rồi. Không làm sẽ không có gì cả".

Ban bè gần gũi ông và người yêu thơ ông đều hiểu cái còn lại của thơ ông chắc chắn lớn hơn con số 10% kia, hơn bao nhiêu thời gian sẽ minh định... Ông làm việc như chạy đua với thời gian khi mới ở vào độ tuổi 50 đầy mạnh mẽ và sung sức. Ông có linh cảm điều gì mà cách đây 10 năm, đột nhiên ông bị bạo bệnh bởi cơn tai biến não rất nặng. Mặc dù vẫn còn di chứng nặng nề: bị liệt nửa người, nói năng ngọng nghịu, không diễn đạt được suy nghĩ trong đầu... ông vẫn gắng gượng tập viết tay trái để ghi lại những cảm xúc, những ý thơ chợt đến trên giường bệnh. Các con ông lại đem đánh máy bản thảo cho ông và gửi in các báo. Nỗ lực đó chắc chắn không thể có được nếu không có sự thôi thúc của những câu thơ. Và cũng không có thơ nếu ông từ bỏ niềm đam mê sáng tạo, chấp nhận số phận mà buông xuôi tất cả. Có thể nói, cuộc đấu tranh để trở lại với thơ, với sáng tạo thơ thật khốc liệt với Lò Ngân Sủn...

Thời thì không ai làm hết được việc



của đời người. Ông thanh thản ra đi sau khi đã nỗ lực một đời, gắng gỏi một đời; đã tận tâm dốc sức cho công tác, đã sống thật, sống hết mình với bạn bè. Với tư cách một nhà thơ dân tộc, ông có quyền tự hào đã đem khát vọng, tình yêu thương, sự đam mê học hỏi, cầu thị và tấm lòng chân thật, rộng mở của dân tộc Giáy đến với bạn bè cả nước và thế giới. Giờ đây nhắc đến dân tộc Giáy không thể không nhắc đến Lò Ngân Sủn, cũng như nhắc đến Lò Ngân Sủn ta không thể không coi ông là người đại diện cho tâm hồn dân tộc Giáy đáng kính.

(*) Nhan đề do tòa soạn đặt

Nhà thơ Lò Ngân Sủn sinh năm 1945, dân tộc Giáy, quê Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, còn có các bút danh khác là: E Sun, Lò Quang Thuận... Ông nguyên là Tổng thư ký Hội Văn học - Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, nguyên ủy viên ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam và nguyên Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật Lào Cai.

Nhà thơ Lò Ngân Sủn đã cho ra đời 17 tập thơ với nhiều giải thưởng. Các tác phẩm của ông chủ yếu viết về vùng cao như: *Chiều biên giới* (1989); *Những người con của núi* (1990); *Đám cưới* (1992); *Đường dốc* (1993); *Con của núi* (Tập 1: 1996; tập 2: 1997); *Lều nương* (1996)...

Lễ truy điệu nhà thơ đã diễn ra vào ngày 18/12 tại Nhà tang lễ Bộ Quốc phòng, Hà Nội. Sau lễ truy điệu, gia đình đã đưa nhà thơ về quê Lào Cai để an táng, theo tâm nguyện của ông.

Hội Nhà văn Việt Nam, Tuần báo Văn nghệ xin gửi lời chia buồn sâu sắc đến Hội Văn học - nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, Hội Văn học - nghệ thuật Lào Cai cùng gia quyến và bè bạn, độc giả của nhà thơ Lò Ngân Sủn.

CHIỀU ĐƯA TIỀN NHÀ THƠ LÒ NGÂN SỦN

DƯƠNG THUẦN

TÔI gặp anh Lò Ngân Sủn lần đầu khi anh làm còn công tác ở Hội văn nghệ Lào Cai, anh đưa tôi đến thăm nhà anh ở phố Hoàng Liên của thành phố Lào Cai. Lúc ấy anh mới tôi lên giảng bài và đọc sáng tác của trại sáng tác văn học tỉnh. Anh làm công chức mẫn cán, còn vợ anh là chị Vượng sáng sủa bán bánh cuốn tại nhà. Cuộc sống của vợ chồng anh khá bình dị và đậm đặc. Sau này anh thành Hội viên Hội nhà văn Việt Nam, rồi trong một lần đại hội, anh được bầu vào ban chấp hành hội, được cử làm trưởng ban kiểm tra. Do ban chấp hành khóa đó ít người không kham nổi hết việc. Nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm khi đó làm Tổng thư ký Hội lại kiêm nhiệm nên đã điều anh Lò Ngân Sủn về Hà Nội làm trưởng trực cơ quan của Hội.

Chuyến cả gia đình về Hà Nội không có chỗ ở, anh phải ở nhờ trong một phòng nhỏ của cơ quan. Tôi rất cảm thông với anh, khi tổ chức đám cưới cho con, không đủ tiền đi thuê phòng cưới nên anh đã mượn trụ sở Hội để làm nơi tổ chức đám cưới. Khách đến không có đủ chỗ ngồi nên đã ngồi khắp các phòng làm việc, hội trường, ngoài sân, các dãy hành lang... Sau này anh vay mượn tiền, mua được một căn nhà khoảng độ hai chục mét trong một ngõ sâu, lối vào rất góc ngách trên đường Đề La Thành, bên mé trái cổng Bệnh viện nhi. Ở

đó khá ẩm thấp, chật chội, ngột ngạt, vào nhà anh phải đi chui qua dưới mái lán một quán cơm bình dân. Cả gia đình anh đã ở căn nhà ấy từ đó đến nay.

Anh Lò Ngân Sủn ở cơ quan Hội nhà văn Việt Nam một thời gian rồi sang làm chủ tịch Hội văn nghệ dân tộc thiểu số Việt Nam. Vài năm sau, anh bị đột quỵ nặng, bất tỉnh không biết gì. Gia đình đưa anh vào cấp cứu ở bệnh viện Hữu Nghị Việt-Xô, hơn mười hai ngày sau mới hồi tỉnh. Di chứng để lại của lần đột quỵ đó đã làm anh liệt nửa người. Anh không còn khả năng nói, viết, không thể tự đi lại... Đã chục năm nay, anh chỉ ngồi trên xe lăn ở trong căn nhà nhỏ. Chị Vượng vợ anh đã mười năm tận tình ngày đêm chăm sóc anh, kiên nhẫn đợi chờ anh tập đi, dạy cho anh tập nói, cầm tay anh tập viết... Chị hết mình vì chồng, chưa bao giờ chị có một lời phàn nàn, yêu anh như thế nào thì chị chăm sóc anh như thế...

Nói đến thơ Lò Ngân Sủn, người ta thường hay nhắc tới bài thơ *Chiều biên giới*. Bài thơ đã được nhạc sĩ Trần Trung phổ nhạc, nhiều người Việt Nam thuộc bài hát đó.

*Chiều biên giới em ơi
Có nơi nào cao hơn*

....

*Chiều biên giới em ơi
Có nơi nào đẹp hơn*

Khi mùa hoa đào nở

*Khi mùa sả ra cây
Lúa lượn bậc thang mây
Mùi toả ngát hương bay.*

Bây giờ, khi nhắm mắt xuôi tay, anh lại trở về với quê hương Bát Xát, Lào Cai, nơi mà anh yêu nhất - nơi anh đã từng viết "có nơi nào xanh hơn", "có nơi nào cao hơn", "có nơi nào đẹp hơn"... Anh lại đắm say với gió núi, mây ngàn. Anh lại quẩn quýt với các cô gái chàng trai Bản Vền - nơi anh sinh ra, trong đêm trăng núi trái ánh sáng bạc mệnh mang.

Ra đi anh để lại các tập sách. Nhưng người ta thường nhắc anh với bài thơ *Người đẹp*, bài thơ nghe thô sơ nhưng lại đầy ấn tượng.

*Người đẹp trông như tuyết
Chạm vào lại thấy nóng
Người đẹp trông như lửa
Sờ vào lại thấy mát*

*Người không khát - Nhìn thấy người đẹp cũng khát
Người không đói - Nhìn thấy người đẹp cũng đói
Người muốn chết - Gặp người đẹp lại không muốn chết nữa...*

Trong đám tang của anh, tôi không khỏi chạnh lòng khi nghe nhà văn Trung Trung Đĩnh nói với chúng tôi một câu có vẻ rất băng quơ và cũng rất thật: sao lúc uống rượu thì thấy đông thế, mà hôm nay thì chẳng thấy những người ấy đâu... Đám tang của anh hơi vắng vẻ trong một buổi chiều Hà Nội mùa đông giá buốt. Sau lễ truy điệu, ai cũng lưu luyến chia tay anh khi chiếc xe tang lăn bánh hướng về căn nhà nhỏ của anh ở trước cổng Bệnh viện Nhi đường Đề La Thành, sau đó ngược lên phía bắc nơi có đỉnh núi Phan Xi Păng là mái nhà của cả nước cao ngất trời tỏa bóng xuống nơi anh sẽ nằm yên ở đó. Bao chuyện buồn vui của cuộc đời, giờ đây chẳng còn có ý nghĩa gì với anh.

NGHỆ THUẬT

Vừa qua, vở *Vương nữ Mê Linh* của Nhà hát Chèo Hà Nội ra mắt công chúng, đã tạo nên nhiều ấn tượng nghệ thuật, và khi tác phẩm này tham dự *Cuộc thi Sân khấu Chèo chuyên nghiệp toàn quốc 2013* tại Hải Phòng (từ 19-10/2-11), đã được trao Giải Huy chương Vàng; đạo diễn, NSUT Thúy Mùi đã được tặng Giải đạo diễn xuất sắc nhất.

Nội dung vở diễn *Vương nữ Mê Linh* trung thành với những kiến thức sử học đã bao đời ăn sâu vào nếp cảm, nếp nghĩ của người dân Việt, vẫn là sự tích Hai Bà Trưng dấy binh để "trả thù nhà, đền nợ nước". Nhưng diễn biến câu chuyện đã có phần đẩy đến kịch tính, gây được hiệu quả cho người xem, như màn Trưng Trắc sau khi nghe tin về cái chết của chồng mình dưới bàn tay tàn bạo của kẻ thù, đã giả vờ phát điên, khiến tên thầy lang ngoại quốc lăm lăm, bà cũng chỉ là "nhi nữ thường tình", nên đã về thông báo lại với chủ soái. Thực chất, đó chỉ là màn "tương kế tựu kế" của Trưng Trắc, để rồi rút lui vào bí mật, chuẩn bị quân lương và tìm cách liên kết với các đạo quân khác, theo kế sách "trong đánh ra, ngoài đánh vào" tiến hành trận quyết chiến, quét sạch kẻ thù, giành lại non sông, đất nước!

Là vở diễn "hoành tráng" đầu tiên của mình, nên đạo diễn, Giám đốc Nhà hát, NSUT Thúy Mùi đã bỏ khá nhiều công sức sáng tạo, chăm chút để có được những màn, lớp giàu tính kế thừa từ Chèo truyền thống. Đó là những trò diễn mang dấu ấn của Chèo cổ như màn Trưng Trắc giả dại nhằm che mắt quân thù, hay như lớp thách đấu, lớp thử tài vượt qua thế trận, lớp mụ Khỏe lừa giặc... Cùng với sự cố gắng của dàn diễn viên trẻ đẹp như Thục Khánh, Thảo Nguyên, Quốc Phòng... sự tiếp sức của những tên tuổi đàn anh như các NSUT Quốc Anh, Đức Thuận, Hồng Liên... và dàn múa rất chuyên nghiệp, đã tạo dựng được hình ảnh mới mẻ, hấp dẫn cho vở diễn. Bên cạnh đó, Nhà hát cũng sẵn sàng đầu tư lớn về cảnh trí, phục trang, vũ đạo, múa... với sự hợp tác của những

VỪA GIỮ GÌN BẢN SẮC, VỪA TIÊN TIẾN, HIỆN ĐẠI...

CAO NGỌC



Một cảnh trong vở *Vương nữ Mê Linh* của Nhà hát Chèo Hà Nội tham dự *Cuộc thi Sân khấu Chèo chuyên nghiệp toàn quốc 2013*.

nghệ sĩ tên tuổi, nên vở diễn đã đem lại vẻ đẹp của một công trình nghệ thuật công phu, cẩn trọng, chuyên nghiệp, gây được sự chú ý đối với công chúng yêu Chèo Thủ đô. Trước những dư luận về vở diễn, Câu lạc bộ Nhà báo Sân khấu thuộc Hội NSSK Việt Nam, và Nhà hát Chèo Hà Nội, đã tổ chức tọa đàm về sự kết nối giữa Chèo với khán giả hôm nay, những vấn đề còn đặt ra trong đánh giá, trong tiếp nhận nghệ thuật Chèo. Cuộc tọa đàm có sự tham gia của các nhà nghiên cứu, các nhà hoạt động sân khấu

và các nhà báo với hi vọng mở ra được cái nhìn mới mẻ hơn khi đánh giá những vở diễn thuộc thể loại sân khấu truyền thống...

Những ý kiến đánh giá của các nhà hoạt động sân khấu lão thành đều ủng hộ cách làm này, với mong muốn làm sao để vở diễn thành công trong việc lôi cuốn khán giả nhưng vẫn giàu chất Chèo. Các phát biểu của GS.TS. NSND Đình Quang, NSND Lê Tiến Thọ, nhà nghiên cứu Hoàng Chương, NSUT Lê Chúc đều đồng thuận đánh giá cao vai

trò của đạo diễn trong vở nhưng cũng chỉ ra những điểm còn chưa "tối" của vở như cần tăng thêm chất Chèo để giữ được đặc trưng thể loại, tăng thêm tính kịch, tính trữ tình để hấp dẫn khán giả. Những ý kiến mang tính cổ vấn về nghệ nghiệp, những góp ý cụ thể để đạo diễn sửa chữa theo hướng tốt hơn cho vở diễn đã khiến đạo diễn mạnh dạn hơn với việc đưa lại màu sắc mới cho Chèo. Là nghệ sĩ nhiều năm cống hiến cho nghệ thuật Chèo, nay ở vị trí "giữ lửa", "cầm trịch" về nghệ thuật của Nhà hát, NSUT Thúy Mùi luôn bàn khoăn với câu hỏi, làm thế nào để không mang tiếng là "phá Chèo" "Kịch hóa Chèo" mà vẫn phù hợp với thị hiếu khán giả trẻ để có thể lôi cuốn, hấp dẫn họ. Cần có sự ủng hộ từ phía các nhà nghiên cứu về một hướng mới của nghệ thuật Chèo: "một mặt kế thừa những truyền thống tốt đẹp của cha ông, mặt khác sẽ tiếp nhận những ngôn ngữ nghệ thuật mới, những phương tiện nghệ thuật hiện đại... để tạo ra một dạng sân khấu Chèo mới, có thể phản ánh được cuộc sống và con người hiện đại, với những yêu cầu, những thị hiếu thẩm mỹ khác hẳn những năm trước và càng khác xa với xã hội và con người khi Chèo mới ra đời" (theo bài viết của nhà nghiên cứu Hồ Ngọc trên tạp chí Sân khấu tháng 7/2013). Tin rằng, với định hướng mới như vậy, những nghệ sĩ nhiệt huyết với sân khấu Chèo, sẽ càng thêm vững bước trên con đường sáng tạo nghệ thuật của mình- vừa giữ gìn bản sắc, vừa tiên tiến, hiện đại- để nghệ thuật truyền thống dân tộc, ngày càng thu hút được lớp khán giả trẻ hôm nay! ■

CHIA TAY HỌA SĨ NGUYỄN SÁNG...

HOÀNG ĐÌNH TÀI

Bây giờ sáng thứ hai, họa sĩ Nguyễn Sáng lên máy bay rời Hà Nội. Cuộc chia tay trong mưa phùn, gió lạnh đêm qua đột ngột trở về. Ông về nghỉ dưỡng ở quê nhà, nơi có năm mồ người mẹ yêu thương, và người vợ trẻ bất hạnh, cùng căn nhà hoang vắng, trống rỗng ở Cầu Bông - Sài Gòn... Đêm chủ nhật 16.11.1987 Hà Nội mất điện, lúc tôi đến thấy Quốc (anh vợ Nguyễn Sáng) đang ngồi ăn cơm trong bóng tối, chiếc đèn dầu đã vờ. Bỏ chiếc túi có màn cá nhân đem theo, tôi sang buồng họa sĩ Nguyễn Tư Nghiêm mượn chiếu, chần len nằm ngủ ở lối nhỏ hành lang trước nhà. Ngồi chơi với anh Nghiêm hồi lâu, mấy anh em chúng tôi rủ nhau lên uống rượu tiễn để chia tay Nguyễn Sáng. Anh nằm im như liệt, hỏi tôi dạo này về được nhiều không và khuyên tôi nên về coi mồ hơn chút nữa... Gần sáng, Quốc ra ga mua 3 chiếc bánh mì, chúng tôi cho Nguyễn Sáng uống 2 viên cloxit, cuốn chần màn vào túi du lịch, toàn quần áo cũ, nhàu nát. Một gói tiền nhỏ gói bằng giấy xi măng có lẽ là tiền bán tranh cho ông Bổng. Nguyễn Sáng dặn để lại toàn bộ đồ vẽ vì nặng lắm. 5h30 phút, ô tô tới, chúng tôi đưa Nguyễn Sáng xuống cầu thang, khiêng vội ông vào xe, tránh chiếc tàu điện lao qua...

Ô tô của Hội Mỹ thuật chạy qua phố Hai Bà Trưng đón đoàn họa sĩ Sài Gòn ra họp trở về cùng ra sân bay Nội Bài. Gặp các anh Thanh Châu, Nguyễn Hải... tôi giao giấy tờ cho họa sĩ Quách Phong và nói về tình trạng sức khỏe của Nguyễn Sáng. Mọi người đưa Nguyễn Sáng khắp khiêng từng bước trên sân bay, nhưng ông vẫn cố mỉm cười, nụ cười hiền lành nhưng cũng ngang tàng mang nét tính cách Nam bộ. Hành lý của ông linh hải quan chỉ nhìn qua, không khám, có một túi nhỏ khép kín, túi to bỏ ngỏ, bên trên phủ bằng chiếc

áo len họa sĩ Dương Bích Liên tặng... Tôi thấy cay cay nơi sống mũi, nước mắt tự nhiên trào ra. Vĩnh biệt Nguyễn Sáng, có thể nói gần như thế. 45 năm sống trên đất Bắc từ độ tuổi 20 thanh xuân lực lưỡng, hăm hở tình yêu nghệ thuật và cách mạng tạo dựng một sự nghiệp lẫy lừng, lúc trở về với tấm thân ốm đau, bệnh tật. Cuộc chia ly với bầu trời u ám đầy mây sao nặng nề và buồn thảm đến vậy. Chẳng rõ ông sẽ sống ra sao trong những ngày tháng cuối đời ở Sài Gòn náo động và khắc nghiệt lúc này.

Sau lần trưng bày tác phẩm cuối cùng *Vũ trụ* tại triển lãm quốc tế ở Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, rồi triển lãm cá nhân 1984 lừng lẫy, ông bay vào vũ trụ của riêng ông, luân hồi theo kiếp sống: về với mẹ, với vợ, về căn nhà xưa thơ ấu, về mảnh đất Nam Bộ sinh thành tận tâm sống những ngày cuối trước lúc về với cát bụi, hư vô, hư không của vũ trụ, như tình yêu ông gửi trong tác phẩm: đôi tình nhân quần quýt bay cao, tuổi thanh xuân bất diệt, nghệ thuật cao siêu không cùng của người nghệ sĩ lớn của nhân dân... Ngồi trước nhà họa sĩ không Nguyễn Sáng hôm sau, bà lão bán nước trà nói với chúng tôi: "Ông ta tài lắm, nhiều hoa tay lắm và ông ta giàu lắm, một bức tranh bán đi sống được một đời...". Trước đây, hơn một lần họa sĩ Nguyễn Sáng từng tâm sự: "Mình không có quyền lực, cũng không có tiền bạc, nhưng mình có ảnh hưởng". Rồi ông còn giải thích thêm như Jesu, Đức Phật Thích Ca, Anhtan, Picasso... có quyền lực gì đâu, có cho ai đồng nào đâu mà nhân loại cứ kính trọng lễ bái ngày đêm, nhắc tới họ luôn. "Không có Hà Nội, không có Nguyễn Sáng" - đó là lời của ông, bởi ông yêu da diết Hà Nội, bởi Nguyễn Sáng là của Hà Nội, của Việt Nam.

Vào dịp Hội Mỹ thuật Việt Nam kỷ niệm trọng thể 90



Họa sĩ Nguyễn Sáng (1923 - 1988)
Bột màu của Đỗ Mạnh Cường.

năm sinh của ông (1923-2013), tôi nhớ lại ngày cuối cùng chia tay Nguyễn Sáng như một kỷ ức không bao giờ quên. Đời nghệ sĩ kiêu hãnh và bất tử trong những tác phẩm lớn còn nguyên vẹn trong kỷ ức mọi người. Lớp nghệ sĩ chúng tôi chịu ơn ông - một người bạn vong niên tri kỷ, tri ân. Sống thế nào để vẽ cho hay là khó lắm. Khối tình lớn của ông trong veo như ánh sáng, một ngọn hải đăng chói lọi giữa biển khổ mênh mông, đời nghệ sĩ chân chính, nhọc nhằn tận hiến tận dâng; mà "Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học, nghệ thuật" của Nhà nước, là sự tôn vinh một danh họa của nền mỹ thuật Việt Nam hiện đại. ■

NĂM 1817, ở tuổi 25, cha Joseph Mohr được nhà thờ chính tòa bổ nhiệm chức linh mục quản hạt tại nhà xứ Thánh Nicholas ở Oberndorf, một miền rừng núi hẻo lánh, xa xôi của nước Áo. Khí hậu ở Oberndorf rất khắc nghiệt. Mùa hè nhiều mưa lụt, lở đất, mùa đông thì bão tuyết triền miên. Đất trồng ngũ cốc hẹp và cằn cỗi. Tài nguyên không có gì đáng kể. Mohr biết cha bề trên bổ nhiệm ngài về nơi này là một thử thách đối với tuổi trẻ của ngài, vì thế ngài không hề lấy đó làm điều phiền muộn. Mohr hy vọng giữa mùa đông băng giá này, con tim nhiệt thành của ngài sẽ góp phần thắp lên một ngọn lửa cho ngôi nhà thờ rêu phong cổ kính vốn lạnh lẽo bấy nay ấm áp trở lại.

Đến Oberndorf, Mohr cảm nhận đúng như ngài mừng tượng trước đó: Nhà thờ Thánh Nicholas là giáo xứ nhỏ ngút giữa ngôi làng nằm vắt ngang dưới chân một dãy núi hoang sơ, cằn cỗi, tách biệt với những ngôi làng khác, gồm vài chục nóc nhà chìm ngập trong tuyết. Con suối nhỏ cắt dọc sườn núi vào thời điểm này dòng chảy cũng bị ngưng trệ vì đóng băng. Nhà thờ Thánh Nicholas thì tuyết phủ tới cửa tháp chuông.

Dân theo Thiên Chúa của giáo xứ làm thủ tục đón rước linh mục thật giản dị nhưng không để mất đi sự tôn kính. Sau buổi ra mắt ấy, cha Mohr bắt tay ngay vào những công việc chuẩn bị cho thánh lễ Giáng sinh. Mohr kêu gọi dân trong làng cùng với cha xúc dọn tuyết xung quanh nhà thờ, trang hoàng đèn nến, kết hoa bên trong thánh thất. Tự tay cha còn chặt tặng cho mỗi gia đình một cành thông làm cây Nô-en dựng trước cửa. Cha dốc hết hầu bao mua bánh mì cứu trợ những gia đình khốn khổ để họ không phải đến nhà thờ đón lễ Giáng sinh bằng cái bụng lép kẹp. Vào ngày trước lễ Giáng sinh, Mohr chép lại những bản nhạc soạn cho cây đại phong cầm để, nếu có thể, tự cha sẽ chơi trong đêm thánh lễ. Nhưng lúc Mohr dọn dẹp thánh đường mới khám phá ra một trở ngại: chiếc đại phong cầm của nhà thờ đã bị hư hỏng. Mohr loay hoay sửa chữa, chỉnh trang lại hàng phím, bàn đạp của chiếc đàn, có lúc ông bỏ cả xuống gầm đàn với hy vọng tìm ra chỗ hư hỏng. Bất chấp mọi cố gắng của Mohr, chiếc đàn vẫn nằm ỳ ra không chịu lên tiếng.

Nhận thấy không thể làm gì hơn được, cha Mohr đành quỳ xuống ngửa mặt chiêm bái tượng Chúa và cầu nguyện: "Lạy Chúa, xin Chúa hãy giúp con. Đêm nay lễ Giáng sinh mà không có đàn nhạc thì giáo xứ xa xôi nhỏ bé này sẽ tẻ nhạt, lạnh giá và cô liêu đến nhường nào!". Hẳn rằng Chúa cũng thấu lời nguyện cầu thống thiết của Mohr nên Người đã ban cho vị linh mục phép màu nhiệm. Mohr sức nhớ cách đây hai năm, trong buổi phục vụ ở một thánh đường tại Mariapfarr, ngài đã sáng tác một bài thơ mừng Chúa Giáng sinh. Là một sáng tác đầu tay, Mohr chưa có đủ tự tin để đọc cho một ai nghe. Khi được đổi đến miền Oberndorf này, Mohr không quên bỏ bản thảo bài thơ vào chiếc hộp gỗ thông đầu đựng cùng một số tư trang khiêm tốn, với ý định lúc nào có cảm hứng sẽ mang ra chỉnh trang, nhuận sắc thêm. Bài thơ có tên "Still Nacht! Heilige Nacht!" (Đêm Yên Lặng! Đêm Thánh!). Trở về thư phòng, lấy bài thơ ra đọc lại, Mohr tự thấy không cần sửa chữa gì nữa. Đường như Chúa đã thắp lên cho Mohr một tia sáng hy vọng. Bỏ bài thơ vào túi áo, đội chiếc mũ phớt dạ, choàng bên ngoài một tấm áo khoác lông thú, xỏ đôi chân vào ủng, Mohr vội vã ra khỏi nhà thờ. Vị linh mục bước rất nhanh, băng qua những nẻo đường trắng phau tuyết phủ.

Franz Gruber, người giáo viên trường làng, 31 tuổi, đang ngồi co ro trong căn nhà nhỏ bên cạnh trường học. Tuy sống ở làng nhưng Gruber từng theo học phong cầm do giáo sư Georg Hardobler nổi tiếng giảng dạy. Ngoài việc dạy học ở trường, Gruber thường chơi cây đại phong cầm cho nhà thờ Thánh Nicholas. Nhưng đã một năm nay cây đại phong cầm đã bị hỏng. Rất nhớ âm thanh trang trọng thiêng liêng của nó, nhưng việc khắc phục sự cố ấy nằm ngoài khả năng của ông thấy giáo nghèo. Gruber chuyển sang học đàn guitar để thỏa mãn tình yêu âm nhạc của mình. Mỗi khi có tiết dạy nhạc ở trường, Gruber thường dùng cây guitar đệm cho lũ học trò hát. Đang mãi mê với nốt nhạc trên chiếc guitar thì Gruber nghe tiếng gọi. Gruber mở cửa, rất ngạc nhiên khi thấy cha Mohr bước vào. Cha về nhận chức quản hạt ở nhà thờ Thánh Nicholas mấy hôm nay. Gruber mới chỉ gặp cha thoáng qua một đôi lần, chưa có dịp diện kiến.

- Thưa cha, giờ này đáng lẽ cha phải ở nhà thờ soạn dâng thánh lễ - Gruber nói - nhưng cha lại lặn lội đến nhà con, hẳn phải có chuyện gì mệnh hệ lắm?

- Ta đến chúc mừng sớm anh ngày Chúa Giáng sinh - Mohr nói bằng cái giọng trầm ấm, xoa hai bàn tay vào nhau cho đỡ lạnh - và cũng có một việc muốn bàn với anh. Ta nghe nói từ trước đến nay, nhà thờ Thánh

ĐÊM THÁNH

Truyện ngắn của LÊ HOÀI NAM

Nicholas nơi ta đang cai quản thường chỉ dùng nhạc viết cho đại phong cầm trong thánh lễ. Lúc này ta mở cây đại phong cầm ra thử thì nó đã bị hỏng từ bao giờ rồi!

- Vâng, đúng vậy - Gruber xác nhận - nó đã bị hỏng từ năm ngoái. Dân xứ này nghèo quá, chưa có tiền mới được thợ sửa ạ.

- Biết rằng vậy, nhưng ta hoàn toàn không muốn cái giờ khắc thiêng liêng Chúa sinh mà lại không có tiếng đàn tiếng hát ca mừng. Cho nên ta đến đây là muốn anh cộng tác với ta làm một bài hát - Mohr thò tay vào túi lấy ra bản thảo bài thơ, nói tiếp - Đây là bài thơ do ta viết. Tên ban đầu của nó là "Đêm yên lặng! Đêm Thánh". Ta muốn anh phổ nhạc thành bài hát.

- Thưa cha, việc ấy vượt quá khả năng của con - Gruber giãi bày - Con chưa bao giờ dám nghĩ mình có thể sáng tác bài hát!

- Thì bây giờ anh hãy thử làm xem! - Mohr khích lệ rất thành thực - Ta nghe nói khả năng âm nhạc của anh khá nhất vùng này nên mới nhờ. Cây nhà lá vườn. Có nụ dùng nụ. Có hoa dùng hoa. Miễn là có tiếng hát mừng Chúa Giáng sinh. Đại phong cầm hỏng thì ta đệm

bằng guitar vậy.

- Nhưng thưa cha, con e rằng đệm guitar, hội thánh sẽ phản đối!

- Ai phản đối ta sẽ đứng ra giải thích. Nào, vì Chúa, anh hãy nhận lời đi. Mà khi phổ nhạc thì không nên để nhan đề "Đêm yên lặng! Đêm Thánh" mà đổi lại là "Đêm thánh vô cùng" cho hợp với tên bài hát.

Gruber không tin mình sẽ làm được như cha Mohr mong muốn, song anh chưa biết nói thế nào thì vị linh mục đã đưa mắt nhìn đồng hồ trên bàn, nói: "Cố gắng lên Gruber nhé! Không còn nhiều thì giờ nữa đâu!". Rồi cha khoác áo da, đội mũ, bước ra ngoài, vượt qua những chặng đường tuyết trắng trở lại nhà thờ.

Đọc bài thơ, Gruber mỉm cười tỏ vẻ đồng điệu. Ánh mắt và nụ cười của Gruber chứng tỏ anh đã chấp nhận thử thách này. Một mình ngồi ôm cây đàn guitar, Gruber bắt đầu bấm từng nốt nhạc theo những giai điệu, tiết tấu vừa vụt lóe lên trong đầu. Gruber tự thấy những giai điệu vừa hình thành trong đầu phù hợp với hợp âm trưởng hơn là hợp âm thứ. Trên bàn, chiếc đồng hồ đang tích tắc kêu như thúc giục. Việc hoàn thành bài hát chỉ còn được tính từng phút.

Gruber như mê man bay bổng với những hợp âm. Khoảng hai tiếng đồng hồ sau, bài hát đã được viết xong. Gruber vội vã bỏ bản nhạc chép tay vào túi áo, mặc đồ ấm, khoác cây guitar lên vai đi đến nhà thờ.

Trong ngôi thánh đường mang tên Thánh Nicholas lúc này đèn nến đã được thắp lên sáng rực. Gruber đưa cho cha Mohr xem bản nhạc của mình một cách rụt rè, thiếu tự tin. Vị linh mục cầm bản nhạc đứng dưới ánh nến xuống âm một vài lần, ôm cây đàn guitar mà Gruber vừa mang đến bấm mấy hợp âm theo ca khúc, tỏ vẻ hài lòng. "Anh đã làm được hơn là ta mong muốn đấy!", Mohr nói thế. Mohr cầm bản nhạc chuyển cho ca đoàn. Họ đã tụ tập đông đủ ở ngôi nhà nguyện phía sau thánh đường. Cha Mohr và Gruber trực tiếp dạy bài hát cho ca đoàn. Họ tập hát được khoảng hơn một tiếng đồng hồ thì tiếng chuông báo lễ đã điểm.

Trong thánh lễ nửa đêm, khi bước vào phần hát mừng Đức Chúa Giáng sinh, cha Mohr và Gruber đứng trước ban thờ giới thiệu bản nhạc:

- Ta xin có lời bày tỏ với bà con và anh chị em toàn giáo xứ. Trong giờ khắc thiêng liêng Chúa sinh hãy nghe ca đoàn hát mừng bằng bài hát do ta và thầy giáo Gruber sáng tác. Hai chúng ta đều là người viết thơ viết nhạc nghiệp dư. Lại sáng tác trong một thời gian rất hạn hẹp. Do cây đại phong cầm bị hỏng chưa kịp sửa nên chúng ta phải đệm cho bài hát bằng cây guitar, loại đàn không hợp với thánh ca cho lắm, xin được thông cảm...

Nghe Mohr nói thế, bên dưới giáo dân có tiếng bàn soạn xì xào. Nhiều người ca ngợi Cha và Gruber làm được như thế cũng là cố gắng lắm rồi. Xưa nay lễ Giáng sinh ở nhà thờ này thường phải mời cha ở xứ khác đến làm lễ giúp, xong rồi cha về ngay. Bây giờ có một cha trẻ, đầy lòng nhiệt tình về làm cha quản hạt là ơn phúc lớn Chúa ban, còn mong gì hơn nữa! Nhưng cũng có người băn khoăn: cha trẻ nên có vẻ hơi "liều", xưa nay có ai đệm hát thánh ca bằng đàn guitar bao giờ!

Cho dù còn bàn ngược tán xuôi thì cũng phải đến cái giờ khắc ca đoàn bước lên bục thánh đường. Cha Mohr trực tiếp chỉ huy dàn đồng ca. Sau khúc nhạc dạo đầu bằng cây guitar từ đôi tay thầy giáo Gruber, ca đoàn đã cất lên tiếng hát: *Đêm thánh vô cùng/ Giây phút tung bừng/ Đất với trời xe chữ Đấng/ Đêm nay Chúa con thần thánh tôn thờ/ Đêm khuya Chúa sinh trong chốn hang lừa/ Ôn châu báu không bờ bến/ Biết tìm kiếm của chi đến... Ôi Chúa thiên đàng/ Cam nếm cơ hàn/ Nhấp chén phiền vương phong trần/ Than ôi Chúa thương người đến quên mình/ Bơ vơ chốn quê nhà lúc sinh thành/ Ai đang sống trong lạc thú/ Nhớ rằng Chúa đang đến bù...*

Cả Mohr và Gruber đều không ngờ rằng, tất cả giáo dân trong nhà thờ như lặng người đi ngay từ lúc ca đoàn cất lên câu hát đầu tiên của nhạc phẩm. Lúc này thì chính cha Mohr và Gruber cũng nhận ra cái sản phẩm tinh thần do họ làm ra không đến nỗi nào. Cả giai điệu và tiết tấu đều thể hiện sự ơn mừng Chúa Giêsu chào đời, vừa trang trọng thiêng liêng vừa đầm ấm thiết tha. Nhìn xuống gương mặt và ánh mắt giáo dân, cả Mohr và Gruber đều biết họ đang rất hài lòng và tràn đầy cảm xúc. Chừng như lúc này tất cả mọi gương mặt trong



Minh họa của TRẦN NGỌC QUÝ

thánh đường đều hồng lên ấm nóng như không hề có cơn mưa tuyết cực lạnh đang gào rú bên ngoài.

Sau thánh lễ, gặp lại Gruber nơi nhà nguyện, cha Mohr bắt tay người thầy giáo rất chặt, nói:

- Ta rất cảm ơn anh đã giúp ta hoàn thành sứ mệnh của một linh mục trong lễ Giáng sinh.

- Thừa cha - Gruber nói - Con mới cần phải nói lời cảm ơn cha nhiều hơn. Nhờ cha mà bài hát con phổ nhạc thơ của cha, tuy còn chưa thật hài lòng, nhưng đã được ca đoàn cất lên trong lễ thánh và được giáo dân trong vùng biết tới!

Sau tốt, dư vị của bài hát dường như chưa hề nguôi ngoai, đã khiến giáo dân trong làng bảo nhau dốc túi quyền góp được một khoản tiền để mời người thợ tên là Karl Mauracher đến nhà thờ Thánh Nicholar sửa chữa cây đại phong cầm. Trong lúc người thợ mài miết với công việc sửa chữa cây đàn, cha Mohr đứng bên cạnh động viên anh ta. Mohr đem câu chuyện Gruber đã phổ nhạc bài thơ của cha và họ đã dùng đàn guitar để đệm bài hát đó trong đêm Giáng sinh vừa qua. Mohr hát cho người thợ nghe nhạc phẩm ấy. Người thợ tỏ ra thích thú, liến láy giấy bút ra chép, rồi học thuộc bài hát. Những năm tháng sau đó, với nghề nghiệp phải đi sửa chữa đàn nhiều nơi trong nước, Karl Mauracher đã giới thiệu nhạc phẩm này cho nhiều giáo xứ, cả ở đô thị và nông thôn.

Năm 1848, cha Mohr qua đời ở tuổi 56. Mohr mất vì bệnh tật, đói kém và thiên nhiên khắc nghiệt miền Oberndorf. Trước khi mất, Mohr có nghe đồn đại rằng bài "Đêm Thánh vô cùng" được một số thánh đường hát trong lễ Giáng sinh. Ngoài thông tin đó ra cha không biết gì hơn.

Gruber thì dường như còn may mắn hơn cha Mohr, bởi trước khi từ giã cõi đời, ông thấy giáo này còn biết một số tờ báo và nhà xuất bản ở Thụy Sĩ và Châu Âu khi in nhạc phẩm "Đêm Thánh vô cùng", người duyệt bài đã rút bút gạch thẳng thừng hai cái tên tác giả lạ hoắc Mohr và Gruber, thay vào đó là những tên tuổi lừng danh: Bach, Beethoven, hoặc Handel. Các ông chủ báo và nhà xuất bản ấy đều biện luận rằng, những cây bút nghiệp dư sống ở tỉnh lẻ như cha Mohr và Gruber không thể làm ra nổi một tuyệt phẩm như "Đêm Thánh vô cùng"! Vì thế, họ gán những tên tuổi lừng danh thế giới làm tác giả của bài hát mà chẳng cần phải e dè gì ai. Gruber buộc phải phò tở bản nhạc chép tay của mình, lấy chữ ký xác nhận của toàn bộ giáo dân trong giáo xứ Thánh Nicholas gửi tới các báo và nhà xuất bản. Khi ấy người ta mới buộc phải công nhận Mohr và Gruber là đồng tác giả bài hát.

Vĩ thanh

Nhưng còn những sự kiện dưới đây thì cả Mohr và Gruber đương nhiên là đều không được biết: Năm 1832, nhóm du ca thuộc gia đình Stasser đi tới một thị trấn biểu diễn. Họ gặp người thợ chữa đàn Karl Mauracher đang ráp đặt một chiếc đại phong cầm. Karl Mauracher truyền bá "Đêm Thánh vô cùng" cho nhóm này. Ít ngày sau, trong một buổi biểu diễn tại Leipzig, có rất đông khán giả đến từ cung đình và người đi dự hội chợ, nhóm du ca đã hát "Đêm Thánh vô cùng". Nhận thấy nhạc phẩm mang một thông điệp tinh thần sâu xa, hoàng đế nước Áo William IV đã truyền cho ca đoàn nhà thờ chính toà của ông hát nhạc phẩm này trong nghi lễ Giáng sinh. Kể từ đây "Đêm Thánh vô cùng" lan tràn ra khắp miền đông Âu, qua Anh quốc, rồi sang Mỹ. Vào thời kỳ nội chiến ở Mỹ, "Đêm Thánh vô cùng" trở thành bài ca Giáng sinh phổ biến nhất xứ sở này. Trong trận chiến giữa hai miền Nam - Bắc, đã diễn ra một cảnh ngưng chiến bốn ngày trong dịp lễ Giáng sinh, binh sĩ giữa hai miền thù địch cùng buông súng, tụ họp lại để dự lễ trong nhà thờ, đọc Thánh kinh, cùng ca vang bài "Đêm Thánh vô cùng".

Vào cuối thế kỷ 19, người ta đã phiên dịch "Đêm Thánh vô cùng" ra hơn 20 ngôn ngữ khác nhau. "Đêm Thánh vô cùng" trở thành bài hát không thể thiếu trong dịp lễ Giáng sinh. Năm 1905 "Đêm thánh vô cùng" được thu âm lần đầu tiên do ban nhạc Haydn Quartet thực hiện. Tới năm 1960, "Đêm Thánh vô cùng" được công nhận là bản nhạc có lần ghi âm nhiều nhất trong lịch sử âm nhạc của thế giới.

Còn tại ngôi nhà nguyện nhỏ bé xưa kia, nơi mà cha Mohr và Gruber hướng dẫn cho ca đoàn tập bài hát ngay sau lúc nó được viết xong thì giờ đây người ta đã xây lại một ngôi nhà nguyện khang trang hơn, mở một con đường bằng phẳng hơn từ đường quốc lộ đi vào, để mỗi ngày có hàng ngàn lữ hành tới đây chiêm ngưỡng nơi ra đời một tác phẩm âm nhạc bất hủ của nhân loại. ■

Hà Nội, trước lễ Giáng Sinh năm 1012

MAI VIỆT

Nhà có hoa tiểu muội

Căn nhà khi không còn ai mở cửa
Vết trăng khuya cứ lạnh xuống chân thềm
Đầu đô bóng một người trong tri nhớ
Lấn bên màu hoa tiểu muội đêm đêm

Còn lại tôi trên căn gác mùa đông
Đã qua rồi bao mùa hoa tiếu nuối
Trăng viễn phố quê người đầu soi bóng
Mái nhà rêu gạch ngói cũ ngậm ngùi

Như tiếng chim đêm lưng trời mộng mị
Cứ cất hoài tưởng tiếc dấu thu qua
Người mờ xa xăm nghìn hải lý
Chợt quay về lắng lại ở riêng ta

Đi dưới quê nhà cầu ao bóng nước
Sao tôi như một kẻ lạ bên đường
Nhánh sông đơn vắng chảy hoài phía trước
Bỏ sau mình từng gợn sóng yêu thương

Lâu rồi, nhà vẫn còn hoa tiểu muội
Dù tháng năm không ở lại bên người
Ngang qua đó nhìn đâu tôi cũng thấy
Sợi tóc chiều em đắm với hương xưa

Những ngày tết mai đào và cúc bạch
Nghe mùa xuân sông sánh dưới tay mình
Lòng thương với nắng vàng lên nguyên đàn
Giữa phố cười...sao vẫn thấy lặng thinh.

PHAN TRUNG THÀNH

Trên đường

Nếu cả thành phố đi ngủ
điều gì xảy ra
với con đường
khi với nước nhà anh vẫn mở
từng giọt long bong xuống chầu men

Chuột là một thế giới khác
vào nhà đầy sương lạnh
chúng nói thế và
kéo đuôi nhau đi trốn tìm nhau

Có ý tưởng khai hoả trong mơ
chực bắn lên nổi lặng im cào xé
sự bay bướm này thật nhỏ nhoi
trong tổng sinh tự do hơi thở

Cửa non chục triệu hoặc già hơn lúc này
ai không cần chốt cửa?
nhà thành phố thì cần nhiều cửa
có ai không lo trong nhiều lớp cửa đời mình?

BÙI VĂN TRỌNG CƯỜNG

Nhà quê!

Tắm hơn nhiều màu tô vẽ
hoa gạo bên điểm canh đề.

Dịu hơn nhiều làn hơi mát
gió nghiêng qua mặt sông về

Lành hơn nhiều đồ ăn lạ
nước rau muống luộc dầm me

Vui hơn nhiều sân chơi rộng
ngày thôn mở hội làng nghề.

Duyên hơn khi không son phấn
em như cô Tấm hiện về.

Sường hơn nhiều lời khen ngợi
nếu ai bảo mình: nhà quê!

HOÀI QUANG PHƯƠNG

Một khúc đường gần

Thân tặng nhà thơ C.H

Xuống taxi đã khó
Lên taxi khó hơn
Nhà thơ đi xe về thăm bạn
Đường thu lá vờn

Chuẩn bị mất vài giờ
Viếng thăm đầy một phút
Thì nhân bắt tay nhau
Không nói được lời chỉ bằng tiếng mắt
Rung rung chiếc gậy mang theo
Mừng vui ta còn gặp
Cả Nàng thơ yêu!

Người thơ chưa qua cơn bệnh
Thi sĩ chống chọi lại tàn
Tình thơ nổi đời thân thiết
Xe qua một khúc đường gần...

TRẦN LÂM BÌNH

Đi tìm hài cốt của mình

Chôn cất xong người tiểu đội trưởng và cánh tay mình
Nơi dốc mòn
Góc rừng già
Ven suối
Tôi cùng anh em trong tiểu đội
Tiếp tục tìm kiếm
Phá vầy...

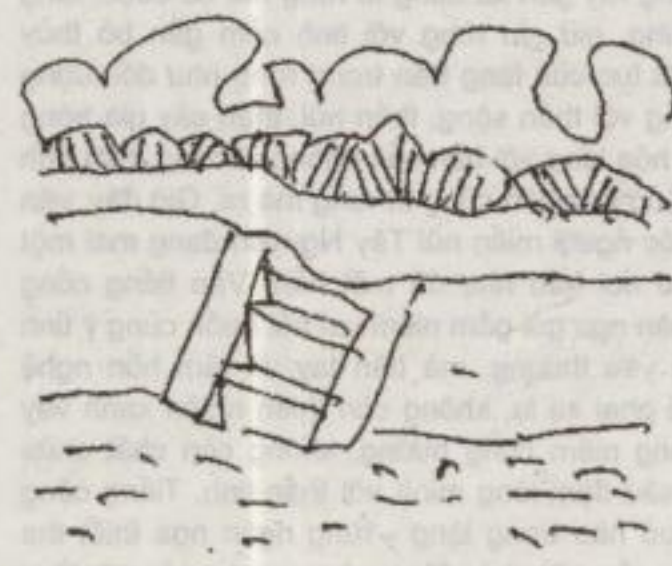
Ba mươi năm rồi
Tôi trở lại nơi đây
Tìm phần mộ người tiểu đội trưởng
và xương cốt cánh tay mình

Nơi dốc mòn
Góc rừng già
Ven suối...

Dốc mòn xưa cây rừng khuất lối
Khe suối xưa nước đã chuyển dòng
Rừng già xưa huyền thoại mệnh mông
Dấu tích xưa lưng chừng ký ức...

Đầu đây nhánh lan rừng vẫn thức
Mùi hương xưa - thời khuyết nửa vòng tay!
Linh cảm để tôi gắng tìm mộ chí người đồng đội đã
nằm lại nơi đây

Và phần hài cốt của chính mình
Se sắt!



SÔNG CẠN RỪNG TÀN

Bút ký của NGUYỄN HOÀNG THU

TỪNG năm tháng, sông cạn rừng tàn dần. Tây Nguyên trước mắt tôi không như trước nữa. Những dòng sông không còn đầy đặn nước, đôi bờ tàn lụi bóng cây xanh. Mấy mươi năm qua, có mấy trăm ngàn hecta rừng nguyên sinh bị mất trắng trước lưỡi cưa tay và cưa máy bởi lòng tham vô hạn của con người. Rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng từng thân cây gỗ lớn quý hiếm cũng bị bàn tay ai đó ngắt ngổ ngang giữa ban ngày mà không ai ngăn chặn ai... Ngay cả khu rừng thực nghiệm lâm sinh đầy gỗ quý rộng hơn hai ngàn hecta bên sông Krông Ana cũng bị khai thác, chỉ còn lại một nhóm nhỏ, không còn sắc màu sinh thái rừng. Và lần lượt mấy vạn hecta rừng già thuần chủng bằng lăng chen giáng hương trên địa bàn huyện mang tên dòng sông ấy từng năm tháng qua bàn tay người đã triệt hạ đến thân cây cuối cùng. Nhiều lâm trường ở Đắk Lắk, Đắk Nông... đã xóa tên sau khi không còn bóng cây rừng. Sông cạn rừng tàn còn đến bao giờ, khi vừa qua mùa mưa, những dòng sông lớn Tây Nguyên lại bắt đầu vơi cạn nước, nhiều nơi phơi lộ đáy cát nóng bỏng dưới nắng trưa. Hơn hai mươi năm trước, tôi cùng em đi thuyền thong dong trên sông dài Sêrêpôk, hòa lòng mình vào thiên nhiên giữa hai bờ xanh màu trùng điệp rừng bằng lăng hoa tím, từ bến nước buồn D'Ray, xã Ea Na huyện Krông Ana ngang qua bến nước Eo Đôn thơ mộng đến bờ hồ Lắk mệnh mông an thông dòng sông lớn bên thị trấn Liên Sơn, nơi nào cũng đầy ắp nước êm trôi từ thượng nguồn dãy núi cao Chư Yang Sin. Ngày ấy đã lùi xa, xa mãi, sông đã cạn rừng đã tàn... Có phải sông dài rừng rộng từ thuở ấy có em gắn gũi và đồng cảm đã giữ tôi ở lại cao nguyên này cho đến nay...

Người bản địa các dân tộc Tây Nguyên bao đời sống vui thanh thản, có bến nước sông đầy kể cạnh buồn làng, có rừng cây xanh vây quanh nương rẫy, giờ đây cả không gian sinh tồn rộng lớn thiếu vắng bóng cây chim thú và dòng sông đó đây vơi cạn theo tháng ngày. Trước và sau, tôi đã đến làng người Xê Đăng, người Ca Dong bên sông Pô Kô và sông Đăk Tô Kan tỉnh Kon Tum, làng người Jơ Rai, người Bahnar bên sông Pa và sông Ayun tỉnh Gia Lai, làng người M'Nông bên sông Krông Knô tỉnh Đắk Nông, làng người Êđê bên sông Krông Ana tỉnh Đắk Lắk; tất cả đã đổi thay sắc màu không gian đời sống từ vật chất đến tinh thần. Rừng xa dần buồn làng, rừng lùi xa, xa mãi, chỉ còn lại nương rẫy xanh màu lúa thùa giữa bốn bề khô khốc với bến nước bên sông vơi cạn dòng suốt mùa nắng nôi. Người làng khó tìm thấy đâu là mặt ong, được thảo, cả con cá sông cá suối cũng hiếm hoi như nụ cười tươi tắn hồn nhiên thuở nào sông còn đầy nước và rừng còn cây già bóng cả nhiều tiếng chim rộn rã hót ca. Người bản địa các dân tộc Tây Nguyên sống nương tựa rừng; đất làng lấy từ rừng, nương rẫy gần xa cũng từ rừng mà có được; làng biết ơn rừng, giữ gìn rừng với tình cảm gắn bó thủy chung; luật tục của làng trân trọng rừng như đối tượng thiêng liêng với thần sông, thần núi, thần cây già bóng cả...; văn hóa làng với bản sắc phóng khoáng, hữu tình và sinh động tự nhiên cũng từ rừng mà ra. Giờ đây, văn hóa các tộc người miền núi Tây Nguyên đang mai một dần, nhiều nơi hầu như đã mất hẳn. Văn tiếng công chiêng ngân nga gửi gắm niềm vui nỗi buồn cùng ý tình nhắn nhủ yêu thương, mà bàn tay và tâm hồn nghệ nhân phôi phai xa lạ, không còn thiên nhiên xanh vây quanh trong niềm cộng hưởng, không còn chất chứa cảm xúc sâu đậm lòng mình với thần linh. Tiếng cộng chiêng thuở nào trong làng - rừng ngân nga thiết tha đắm đuối, gắn gũi sinh động và vang xa cộng hưởng tâm tình, giờ như lạc lõng lạc điệu giữa cảnh quan làng đã đổi thay sắc màu hình dạng sông suối núi rừng.

Đầu mùa xuân vừa qua, tôi trở lại buồn Chư Mơ bên suối Ea Na. Già làng Y Nhin đã ngoài 80, tóc bạc trắng, mặt đen đúa nhăn nheo với đôi mắt buồn mà sáng trong. Ông tiếp tôi trên nhà sàn gỗ vách nửa năm nào, chỉ có khác là mái tranh đã thay bằng mái tôn khô khốc không tương hợp nhẹ nhàng với tâm tính người gắn gũi thiên nhiên. Đầu xuân không có chén rượu cần, là nỗi buồn của già làng lại buồn hơn khi tiếp khách. Tôi nhìn khuôn mặt già nua hốc hác của Y Nhin mà nghe lòng mình thương quá đỗi; đã lâu tôi không về thăm già làng Chư Mơ giữa vùng rừng bằng lăng bên sông Krông Ana, đã lâu, từ khi những thân cây rừng cuối cùng bị chặt hạ và bến nước Chư Mơ cạn kiệt gần như đổi thay dòng từ đầu nguồn. Tôi mời già làng hút thuốc. Ông mỉm cười như tư lự khi cầm chai rượu trắng rót đầy vào ly và trao tay tôi:

- Minh cũng nhớ nhà báo mà, mình không quên đâu! Uống đi, buồn Chư Mơ giờ không còn rượu cần đâu, cũng không còn cổng chiêng nữa...

- Tôi về đây thăm buồn Chư Mơ, nhìn già làng khỏe là lòng vui, uống rượu gì cũng được, cũng vui...

Tôi nhìn đôi mắt già làng Y Nhin trong veo hiền hòa ấm áp như nắng mai. Chúng tôi cùng nâng ly... Một ly rồi hai ly. Trong giây lát, đôi mắt đẹp của Y Nhin động buồn nhìn ra bên ngoài khung cửa trời chiều đầy nắng, in bóng cây bơ lang cổ thụ nở rộ màu hoa đỏ như lửa bên bến nước vơi cạn lặng lẽ...

- Mất rừng, buồn lắm, nhà báo ơi... Ngày xưa, bước ra khỏi nhà là đụng rừng, bây giờ đi một ngày đường không thấy bóng cây cao... Krông Ana là con sông không phải nhỏ đâu, rộng và dài tận cái núi cao Chư Yang Sin, nhà báo biết chứ không đâu, mà hôm nay nó cạn nó khô, từ bên này đến bên kia bờ, chỉ cần bước chân lội qua thôi... Buồn Chư Mơ bây giờ nó mất hết rồi, chỉ còn cái nhà cái rẫy thôi, nhà báo ơi...

Tôi hiểu nỗi buồn trong lòng già làng, buồn hơn nỗi buồn của tôi. Tôi không muốn nói điều gì cho buồn lòng thêm. Tôi quý Y Nhin giàu tình cảm yêu thương rừng cây

bến nước buồn làng. Dù muốn ở lại thêm với già làng nhưng tôi không thể, uống thêm nữa lại thêm buồn; tôi và ông không ai giúp được gì cho ai trước nỗi đau sông cạn rừng tàn còn mang theo bao hệ quả đáng tiếc về đời sống tinh thần cho cả cộng đồng rộng lớn hơn. Tôi nói lời chia tay Y Nhin khi nắng chiều chưa tan nơi dãy núi phía Tây. Đôi mắt già làng buồn chợt lóe lên tia sáng môi mỉm nhẹ nhàng:

- Minh uống thêm ly nữa, rồi thôi, cho vui mà, nhà báo ơi...

Trong giây lát tôi nhìn khuôn mặt Y Nhin gắng gượng vui và đồng tình uống cùng già làng thêm ly rượu chia tay trước khi rời buồn làng Chư Mơ bên sông Krông Ana...

Gió lùa nhẹ nhàng trên những tán lá sao xanh lay động mướt mại trong nắng mai. Nắng vàng đầy nắng dưới bầu trời xanh lồng lộng của một ngày mùa đông Tây Nguyên. Tôi ngồi nơi quán cà phê lộ thiên bên đường gần ngã sáu Buôn Ma Thuột. Nhiều năm qua, thành phố cao nguyên này không còn thấy sương mù mùa đông bằng bạc đó đây. Những cánh rừng gần xa thiếu vắng bóng cây xanh và trơ trụi dần, mang theo không khí mát lạnh nhẹ nhàng và làn sương trắng ban mai. Châm lửa điều thuốc lá mới, lòng đau đáu nỗi đau sông cạn rừng tàn, tôi nghĩ đến đoạn sông dài lượn vòng uốn khúc mấy mươi kilômét nơi hạ nguồn Sêrêpôk bao đời qua đưa nước từ thượng nguồn xa đến các buồn làng ven sông, góp phần làm nên cuộc sống đầy đặn tốt tươi bên bến nước rừng cây nương rẫy, chẳng còn bao lâu nữa sẽ khô cạn, đổi thay dòng bởi thêm một nhà máy thủy điện mang tên Sêrêpôk đang thi công đào kênh mương thẳng tắp và sâu rộng tạo dòng chảy mới, tách xa các buồn làng, có độ dốc cao, thuận lợi dẫn nước chảy mạnh vào đường ống phục vụ cho công trình. Đoạn sông dài đầy nước gần gũi thiết thân, chất chứa cả sự sống vật chất và tinh cảm thiêng liêng của nhiều cộng đồng làng các dân tộc Êđê, M'Nông, M'Nông-Lào, Jơ Rai... bấy lâu gắn bó với bến nước bên sông, rồi sẽ bị cạn kiệt khô dòng... Thương sao dòng Sêrêpôk, nhìn về phía thượng nguồn phải gánh chịu nhiều nhà máy thủy điện đang hoạt động tích nước sông vơi cạn, nay thêm công trình mới, lại hy sinh cả một đoạn sông dài hạ nguồn, nơi xanh màu sự sống tốt tươi yên lành của hàng vạn người cư dân bản địa, có khu du lịch thác Bảy Nhánh thơ mộng và cầu treo Bàn Đôn trên sông sinh động cảnh sắc hữu tình, kể cạnh những buồn làng ven dòng Sêrêpôk... Nhớ ngày nào cùng em đi trong rừng khộp vườn quốc gia Yook Đôn xanh màu lá mới bên dòng sông đầy đặn nước, em thì thầm nói với tôi: "Sông suối núi rừng cũng buồn vui như người. Một ngày nào không còn rừng cây xanh và dòng sông cạn nguồn, con người sống buồn biết bao! Con người sống không chỉ với người, mà còn có nhu cầu tương giao thân thiện với thiên nhiên..."



NGƯỜI LÍNH VÀ NHỮNG TRANG SÁCH

GIANG NAM

Từ một sinh viên, Khánh Chi (Nguyễn Chí Khanh) tình nguyện nhập ngũ sau Tổng tiến công Tết Mậu Thân năm 1968. Là một anh lính đặc công vào chiến trường B chiến đấu và công tác, nơi miền đất Cực nam Trung bộ (Quân Khu 6 cũ) đầy gian khổ, ác liệt nhưng kiên cường bất khuất. Những trận chiến đầy máu lửa và nhiều lần bị thương, đã tạo cho anh sự gan lì, chai sạn, dũng cảm trước kẻ thù. Anh được tặng Huân chương Chiến công và danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ.

Thời còn sinh viên ngồi trên ghế nhà trường, Khánh Chi đã biết làm thơ; vào chiến trường anh viết văn, làm báo ca ngợi người lính trong mỗi trận chiến và trong cuộc sống đời thường của người chiến sĩ. Sau mấy năm tham gia chiến đấu và công tác ở tiểu đoàn đặc công 200C Quân Khu 6, anh trưởng thành từ cán bộ trung đội đến trợ lý chính trị tiểu đoàn, và sau đó anh được Cục Chính trị Quân Khu 6 điều về làm báo Quyết Thắng Nam Trung bộ. Việc được gần gũi các nhà văn: Nam Hà, Nguyễn Nam, nhà báo Phùng Chiến đã tạo điều kiện cho anh tiếp cận với văn chương, báo chí, để rồi anh có những bài ký, bài thơ, bài báo chân thực ca ngợi những người lính kiên trung trên mảnh đất Quân Khu 6 gian khổ và anh hùng. Sau Hiệp định Paris năm 1973, Khánh Chi được điều đi học lớp cán bộ chính trị đại đội ở R (Hải Quân giải phóng miền Nam), gần hết

khóa học anh được chọn bồi dưỡng nghiệp vụ giáo viên cấp 2 để dạy văn hóa trong quân đội. Trở lại chiến trường Quân Khu 6, anh được phân công làm trợ lý Văn hóa - Văn nghệ Cục Chính trị, sau đó được điều về làm giáo viên, rồi trưởng bộ môn văn hóa tại trường Quân chính Quân Khu cho đến ngày giải phóng.

Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, trường Văn hóa Quân Khu thành lập, Khánh Chi được điều về làm trưởng khoa giáo vụ để bồi dưỡng văn hóa cho gần bảy trăm cán bộ, chiến sĩ đã kinh qua chiến đấu và công tác ở các đơn vị trong Quân Khu, để giúp cho họ có thêm kiến thức trở về xây dựng lại quê hương, đất nước, khắc phục hậu quả sau chiến tranh. Cuối năm 1978, trường Văn hóa Quân Khu sáp nhập về trường Quân sự tỉnh Thuận Hải, Khánh Chi tiếp tục làm trưởng khoa văn hóa, bồi dưỡng cho cán bộ sĩ quan (trong tỉnh) mà sau này có nhiều học viên trở thành cán bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh. Chia tay với giảng đường, năm 1982 Khánh Chi được điều về cơ quan Chính trị, làm công tác tư tưởng văn hóa trong lực lượng vũ trang tỉnh gần mười năm, trong đó có mười năm làm trưởng ban Tuyên huấn. Sau 35 năm công tác trong quân ngũ, Khánh Chi về hưu với cấp hàm Thượng tá. Tuổi chừng sẽ được nghỉ ngơi nhưng anh lại tiếp tục nhận nhiệm vụ mới, làm trưởng ban



Nhà văn Khánh Chi (Nguyễn Chí Khanh)

Tuyên giáo - Thường vụ Hội Cựu chiến binh tỉnh trong một thời gian khá dài đến tám năm. Từ giải quân đội, Khánh Chi tiếp tục nhận trọng trách mới: Chủ tịch Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Bình Thuận. Có lẽ nghiệp văn chương đã níu kéo anh để anh có thể đóng góp được nhiều nhất những gì mà anh luôn yêu thương, trân trọng.

Đối với văn chương báo chí, Khánh Chi có thể mạnh là một người lính đã kinh qua chiến tranh, kinh qua công tác nhiều năm trong quân đội, có nhiều vốn liếng văn chương về cuộc sống và tác phẩm, lại được bồi dưỡng về nghiệp vụ một cách cơ bản nên anh đã có những

tác phẩm báo chí, bút ký, truyện, thơ phong phú và đa dạng, nhiều tác phẩm được đánh giá tốt. Cho đến nay, Khánh Chi đã đoạt 8 giải báo chí và văn học nghệ thuật (2 giải báo chí toàn quốc, 2 giải văn nghệ của tỉnh, 1 giải truyện ngắn, 1 giải kịch ngắn kịch vui, 1 giải viết kỷ niệm sâu sắc trong đời bộ đội, và gần đây đạt giải B trong Cuộc vận động sáng tác "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh").

Với hai tập truyện và ký được xuất bản, trong đó có hơn 40 truyện ngắn đã được đăng tải nhiều năm qua, và một số truyện sáng tác gần đây, Khánh Chi đã tập hợp, tuyển lấy 15 truyện để giới thiệu với bạn đọc trong tập truyện ngắn chọn lọc "Người lính cầm bút" này. Hầu hết các truyện viết về đề tài chiến tranh cách mạng nêu lên tình thương yêu, gần gũi đồng chí đồng đội, những sự tích anh hùng của quân và dân ta trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ xâm lược và trong công cuộc xây dựng, bảo vệ tổ quốc hôm nay. Hy vọng tập truyện sẽ góp một phần tái tạo hình ảnh những người lính, những anh bộ đội Cụ Hồ, của bao con người, bao sự kiện một thời đã qua, tô đẹp thêm truyền thống hào hùng của dân tộc, của quân và dân ta, đồng thời góp phần trong việc giáo dục truyền thống đối với thế hệ trẻ hôm nay. ■

THÔNG BÁO ĐẶT MUA BÁO QUÝ I-2014 VÀ PHÁT HÀNH BÁO VĂN NGHỆ TẾT GIÁP NGỌ

Trong quý I-2014, báo Văn nghệ phát hành các số như sau:

Báo Văn nghệ: gồm 13 số (từ số 1 đến số 13), trong đó

Số Tết Dương lịch gộp 2 số (số 1+2) = 48 trang, giá bán 25.000đ

Số Tết Giáp Ngọ gộp 3 số (4+5+6) = 72 trang + bìa, và 24 trang

phụ bản, giá bán 55.000đ

Các số 3 và từ số 7 đến số 13 ra bình thường, giá bán 9.800đ/kỳ

Tổng số tiền báo Văn nghệ Quý I là 158.400đ

Báo Văn nghệ Trẻ: gồm 13 số, từ số 1 đến số 13, trong đó

Từ số 1 đến số 3 ra báo bình thường, giá bán 9.800đ/kỳ

Số Tết Giáp Ngọ gộp 3 số (4+5+6) = 72 trang ruột + bìa, giá bán 45.000đ

Các số từ 7 đến 13 ra bình thường, giá bán 9.800đ/kỳ

Tổng số tiền báo Văn nghệ Trẻ Quý I là 143.000đ

Tổng cộng tiền báo Quý I của các ấn phẩm báo Văn nghệ là 301.400 đ

Đã thành thông lệ, các số báo đặc biệt đón mừng Tết Nguyên đán của báo Văn nghệ – Hội Nhà văn Việt Nam vẫn luôn được coi như một món quà văn hoá không thể thiếu được của mọi gia đình. Bạn đọc và các tác giả có nhu cầu mua báo có thể đăng ký với bưu điện hoặc các điểm phát hành gần nhất, hoặc liên hệ trực tiếp với bộ phận phát hành của tòa soạn theo địa chỉ:

Toà soạn báo Văn nghệ, số 17 Trần Quốc Toản – Hà Nội,

Điện thoại: (04) 62 702 642

VĂN NGHỆ

GIẢI PHÁP ĐIỀU TRỊ VIÊM DẠ DÀY ĐẠI TRÀNG MẠN TÍNH

VIÊM Dạ dày và Đại tràng, là bệnh về đường tiêu hóa phổ biến ở Việt nam, bệnh không chỉ ảnh hưởng lớn đến chất lượng cuộc sống mà còn gây ra nhiều biến chứng như xuất huyết tiêu hóa, thủng dạ dày, hẹp môn vị, polyp đại tràng... Các biến chứng này nếu không được điều trị kịp thời và triệt để dễ dẫn đến ung thư dạ dày, ung thư đại tràng nguy hiểm tới tính mạng.

Kế thừa và phát huy các giá trị y học cổ truyền sau nhiều năm nghiên cứu và điều trị lâm sàng, Bác sĩ đồng y Dương Đức Tiến đã đúc rút kinh nghiệm và phát huy bài thuốc đặc trị giúp nhiều bệnh nhân viêm dạ dày, đại tràng khỏi bệnh. Bác Vũ Văn Hải – 60 tuổi, hiện ở xóm 7, xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam là một bệnh nhân bị viêm dạ dày mạn tính thể điển hình với những cơn đau âm ỉ vùng thượng vị, ợ hơi chua, đầy bụng, phân sống, có khi đi ngoài phân đen (do chảy máu dạ dày), bác đã đi khám chữa ở những bệnh viện lớn và lương y có tiếng hàng chục năm trời song không khỏi. Trong khi đang âm thầm chịu đựng những cơn đau bệnh tật...bác được một đồng nghiệp đã từng bị mắc bệnh viêm dạ dày giới thiệu cho thuốc **Hoa Việt Vị Quân Thống**, bác đã mua dùng thử, thật tuyệt vời khi mới uống được 3 hộp, bác thấy các triệu chứng bệnh đã giảm rõ rệt, bác không còn ợ hơi chua và đau rất nữa, ăn uống cũng tốt lên rất nhiều, bác tiếp tục uống liều điều trị một thời gian sau, bác đi kiểm tra nội soi lại dạ dày kết quả đã hoàn toàn bình thường, dạ dày không còn vết chợt loét. "**Hoa Việt Vị Quân Thống** - đã đem lại niềm vui cho cuộc đời tôi, sinh hoạt ăn uống của tôi giờ

đây không phải kiêng khem nữa" – Bác Hải nói.

Hay trường hợp của bác Nguyễn Văn Thao - 68 tuổi ở xã Minh Tân, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, bị viêm đại tràng gần ba năm, cứ ngủ dậy là bụng lại sôi lên, đầy hơi, mót rặn và những cơn đau âm ỉ kéo dài không dứt, bác dùng **Hoa Việt Trạng Linh Đơn** được 3 hộp thì hiện tượng sôi, lạnh bụng của bác đã giảm hẳn, các cơn đau quặn cũng giảm hơn và giảm dần... Sau ba tháng dùng liên tục, triệu chứng bệnh đại tràng của bác đã hết, chế độ sinh hoạt đã trở lại bình thường. Trên đây là hai bệnh nhân trong rất nhiều bệnh nhân đã được chữa khỏi mà tình cờ chúng tôi gặp được trong lần lấy tư liệu thực hiện bài viết này, bệnh nhân đã đến tận cơ sở để cảm ơn bác sĩ và để lấy thuốc cho người nhà dùng.

Bài thuốc được Cục quản lý dược - Bộ y tế cấp phép lưu hành trên toàn quốc đã gần 10 năm, đó là một quá trình dài để khẳng định hiệu quả điều trị và niềm tin của bệnh nhân bị dạ dày, đại tràng. Khi được hỏi điều gì làm nên giá trị của bài thuốc đến như vậy, Bác sĩ Tiến chia sẻ: "Bài thuốc được đúc kết qua kinh nghiệm nhiều đời gia đình làm thuốc đông y, nguồn dược liệu được chọn lọc kỹ càng và được bào chế theo bí quyết của gia đình, tiêu chí chất lượng được đặt lên hàng đầu nên các sản phẩm sẽ có hiệu quả điều trị rất cao".

Để được tư vấn về bệnh viêm dạ dày, đại tràng vui lòng gọi điện thoại đến phòng chẩn trị y học cổ truyền **Hoa Việt: 0351.3885.145** và **0912.329.972** hoặc truy cập website: <http://yduchoaviyet.com>

SHOPPING DAY 2013 SALE OFF

30%

TOÀN BỘ SẢN PHẨM
TỪ 23.12.2013

IVYmoda 

HÀ NỘI:

- 34 Bà Triệu, Hoàn Kiếm
- 163 Thái Hà, Đống Đa
- 303 Kim Mã, Ba Đình
- 98 Tôn Đức Thắng, Đống Đa
- 243 Cầu Giấy, Dịch Vọng
- Tầng 1 The Garden Mall
- Tầng 1, 7-9 Nguyễn Văn Linh Savico Long Biên
- B1, R5, 21-22 Phố Thời Trang, cửa Tây 1, TTTM Royal City, 72A Nguyễn Trãi, T.Xuân
- TD-42 & TN-39, TTTM Times City 458 Minh Khai, Hai Bà Trưng

Tel: 043 934 8186
Tel: 043 514 8212
Tel: 043 726 3594
Tel: 046 275 7005
Tel: 043 839 8369
Tel: 046 672 9744
Tel: 046 257 3525
Tel: 046 262 0989
Tel: 0432 001 281

VĨNH PHÚC:

189 Mê Linh, P. Liên Bảo, Vĩnh Yên

Tel: 0211 6250495

HẢI DƯƠNG:

32 Trần Hưng Đạo

Tel: 0320 6252 098

HẢI PHÒNG:

51 Lạch Tray

Tel: 0316 260 089

QUẢNG NINH:

30 Kênh Liêm

Tel: 033 381 2185

TP. VINH:

147 Lê Lợi

Tel: 038 625 1756

ĐÀ NẴNG:

136 Nguyễn Văn Linh, Thanh Khê

Tel: 0511 653 0333

TP. HỒ CHÍ MINH:

181 Cách Mạng Tháng 8, Q.3
142 Võ Thị Sáu, Q.3

Tel: 083 832 7779
Tel: 083 827 5599

VĂN NGHỆ - TUẤN BẢO SÁNG TÁC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

• Tổng biên tập: KHUẤT QUANG THUY • Phó tổng biên tập: THÀNH ĐỨC TRINH BẢO

• Tòa soạn, Trại sự: 17 Trần Quốc Toàn - Hoàn Kiếm - Hà Nội. • Điện thoại: Ban biên tập (04) 62702634; Trại sự (04) 62702629; Kế toán (04) 62702642

• Email: thukybvn@gmail.com; banthovn@gmail.com; banvanvn@gmail.com; lyluanphebinhvn@gmail.com; vanhocnuocngoai.vn@gmail.com; bannghehvatvn@gmail.com.

• Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam: 43 Đồng Khởi, T.P Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 38298802 • Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung: Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa -

Điện thoại: (037) 3851752 - 3853522; 292 Đường Hai Tháng Tư, TP. Nha Trang - Điện thoại/ Fax: (058) 3825867. • In tại Công ty in Báo Nhân dân Hà Nội

• ISSN 0866 - 0815 • MST: 0100784855; Tài khoản: 102010000018171 - Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng - Hà Nội • Trình bày: PHẠM MINH HẢI

• Giá: 9.800 đồng.